

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

KIỂM KÊ
2011

**TUYỂN CHỌN VÀ TRÍCH DẪN NHỮNG BÀI
PHÊ BÌNH - BÌNH LUẬN VĂN HỌC CỦA
CÁC NHÀ VĂN - NGHIÊN CỨU
VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP KHÁNH HÒA
1991

Biên soạn : VŨ TIẾN QUỲNH

MỤC LỤC

	Trang
1- Lời giới thiệu (Gs Hoàng Như Mai)	5
2- Lời nói đầu	7
3- Nguyễn Đình Chiểu - Ngôi sao sáng trong Văn nghệ của Dân tộc (Phạm Văn Đồng).	9
4- Cuộc đời và sự nghiệp vẻ vang của Nguyễn Đình Chiểu, người chiến sĩ kiên cường, nhà thơ lớn của nhân dân Việt Nam (Bào Định Giang).	13
5- Nguyễn Đình Chiểu, đạo làm người (Trần Văn Giàu).	31
6- Đọc lại thơ văn Nguyễn Đình Chiểu (Xuân Diệu)	39
7- Thơ văn yêu nước chống Pháp đỉnh cao của những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu (Thanh Phương).	55
8- Hiện tượng Văn, Y kết hợp và giá trị văn học của tác phẩm "Ngư Tiều y thuật vấn đáp" (Phan Xuân Chi).	65
9- Theo dõi vết chân cụ Đồ trên vùng đất Ba Tri (Đoàn Tú).	72
10- Lục Vân Tiên trong hát hò ở Nam Trung Bộ (Nguyễn Quý Thành).	80
11- Phân tích, giảng văn :	
- Lục Vân Tiên (lược truyện).	85
- Trò lại truyện thơ Lục Vân Tiên.	88
- Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga.	94
- Lục Vân Tiên gặp nạn	96
- Lẽ ghét thương.	100
- Chạy Tây.	104

- Ngóng Gió Đông 107
- Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc. 111
- Tìm hiểu " Ngư tiều y thuật vấn đáp " 123

12- Giai thoại văn học

- Tài ứng đối của Đồ Chiểu 127
- Đồ Chiểu và Pon Chon. 128
- Vài hồi ức về tác phẩm và cuộc đời nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. 130

LỜI GIỚI THIỆU

Nhiều thầy cô giáo dạy văn gặp tôi thường phàn nàn về sự thiếu tài liệu tham khảo để soạn bài giảng cho học sinh.

Nỗi băn khoăn ấy là chính đáng. Các thầy dạy chúng tôi ngày trước thường nói (và đến lượt chúng tôi làm thầy, cũng rất tâm đắc điều ấy): Thầy cần biết mười để dạy một

Tài liệu tham khảo là rất cần đối với các thầy cô giáo. Kiến thức càng phong phú thì thầy cô giáo càng vững vàng, càng dễ làm chủ vấn đề muốn truyền đạt, càng có điều kiện và khả năng chọn lọc những gì là cần bản nhất, là tinh túy nhất để dạy cho học sinh. Một thầy giáo, một cô giáo giỏi không bao giờ làm cho học sinh cảm thấy vất vả mà lại hiểu rõ, hiểu kỹ, hiểu bài sâu hơn. Trái lại, có thầy cô dùng phương pháp dạy "nhồi nhét" kiến thức khiến cho học sinh mệt óc mà hiệu quả rất ít, vì chính thầy cô ấy chỉ có một số kiến thức ít ỏi, sợ rằng học sinh không phục cho nên có bao nhiêu vốn liếng trút ra tất cả.

Thế nhưng tài liệu tham khảo là vấn đề nan giải cho đông đảo thầy cô giáo.

Biết là cần nhưng làm sao có được ?

Trên thị trường hiện nay, so với những năm trước có thể nói số lượng sách báo in và bày bán khá nhiều : quá nhiều là khác, nhưng quá nhiều các sách báo nhằm phục vụ những thị hiếu phụ phẩm, giải trí đơn thuần và đáng phàn nàn hơn, quá nhiều những sách báo không đúng đắn, còn sách báo để phục vụ cho học tập thì quá ít ỏi.

Lại còn một sự thật đáng buồn nhưng vẫn phải nói ra : ít ỏi mà nhiều thầy cô giáo cũng không đủ tiền để mua với số lương khiêm tốn được lĩnh. Ngoài ra thì cuộc sống vất vả, bận rộn, thật ra nhiều người cũng không có thì giờ để đọc sách. Tình hình này là không ổn : các thầy cô giáo cần phải có những điều kiện đầy đủ để làm việc. Nhưng đó là câu trả lời của

tương lai. Còn hiện nay thực tế là như vậy. Dù sao cũng phải có một giải pháp giúp các thầy cô giáo nâng cao hiệu suất dạy học.

Bộ sách này là một đóng góp kịp thời vào giải pháp ấy

Soạn giả sưu tầm những ý kiến của các nhà nghiên cứu, các nhà phê bình, các nhà văn, các giáo sư về các tác giả, tác phẩm mà học sinh được học trong chương trình trung học và sắp xếp theo phương châm vừa tổng hợp vừa phân tích. Với định hướng là cung cấp cho thầy cô giáo một số tài liệu tham khảo vừa đủ cho nên soạn giả không quá tham lam, không vói tới những chuyên luận quá uyên bác. Tuy nhiên tôi nhận thấy những đoạn trích khá phong phú, được chọn lọc kỹ cũng giúp khá nhiều cho sự mở rộng kiến thức.

Soạn giả cũng có dụng ý tuyển chọn những ý kiến cơ bản thì thống nhất nhưng về khía cạnh thì có những chỗ khác nhau bổ sung cho nhau, tôi nghĩ: để thầy cô giáo được nghe "nhiều tiếng chuông" là cần thiết và bổ ích vì như vậy thầy cô giáo sẽ không bị bó hẹp trong những khuôn khổ chật chội và có điều kiện phát huy sự suy nghĩ riêng để làm cho bài giảng trên lớp sinh động thu hút sự chú ý của học sinh.

Tóm lại, tôi thấy các tập sách này là có ích và thiết thực.

Dương nhiên tôi cũng còn một số ý kiến và các độc giả cũng có những ý kiến muốn góp với soạn giả. Thí dụ: Tài liệu về tác giả, tác phẩm này thì phong phú, nhưng về tác giả, tác phẩm kia thì hơi mỏng, hoặc một số ý kiến nhận định từ 20 - 30 năm trước, đến nay có những điểm nào vẫn giữ nguyên giá trị, có những điểm nào không còn phù hợp v.v..

Nhưng tôi nghĩ rằng những tập sách này được in ra sớm chừng nào tốt chừng ấy vì như trên đã nói các thầy cô giáo rất thiếu tài liệu tham khảo. Sau khi in, soạn giả sẽ thu thập những ý kiến đóng góp của độc giả để sửa chữa, bổ sung, nâng cao nội dung trong lần tái bản sau.

GS. HOÀNG NHƯ MAI

LỜI NÓI ĐẦU

Chỉ nói riêng bộ môn Văn học, từ năm học 1989 - 1990, Bộ giáo dục đã cho chỉnh lý bổ sung vào chương trình một số tác phẩm Văn học Việt Nam - trong đó có dòng Văn học lãng mạn thời 1930 - 1945 - Và Văn học thế giới (bao gồm từ Văn học Dân gian đến Văn học hiện đại).

Nhìn chung rất phong phú, đa dạng, nhưng không phải không có khó khăn trong việc giảng dạy và học tập. (Vì nhiều tác phẩm mới lạ lâu nay chưa có trong chương trình).

Với tâm tư là người làm công tác sách, phục vụ lâu năm trong ngành giáo dục, chúng tôi thấy cần làm bộ sách : "Phê bình, bình luận văn học", của các nhà nghiên cứu, phê bình Văn học Việt Nam và thế giới nhằm mục đích :

1. Cung cấp thêm và chỉ ra nguồn tài liệu cần nghiên cứu, tham khảo. Đặc biệt là những vấn đề lâu nay còn tồn tại, qua bao năm tháng tranh luận nay mới có hướng giải quyết theo quan điểm mới. Có thể nói đây là "hoa thơm", "quả ngọt" của những cây bút phê bình, phân tích sắc sảo, sâu rộng, mất bao công sức mà hôm nay chúng ta được gặt hái. (Khi cần thiết chúng tôi sẽ nêu những ý kiến khác nhau để người đọc tham khảo và nắm được lịch sử vấn đề).

2. Dưa đến tận tay người dạy, người học, những tài liệu làm cơ sở soạn giáo án, hoặc đã là giáo án soạn sẵn của một số giáo viên có kinh nghiệm.

3. Giúp cho học sinh có tài liệu ôn tập, tái hiện lại bài giảng trên lớp của thầy cô và có tác dụng làm tài liệu bồi dưỡng ôn thi lên lớp, thi hết cấp.

Việc làm này lúc đầu tưởng rất đơn giản (chỉ chọn lọc, trích tuyển không có biên soạn) nhưng khi bắt tay vào việc làm mới thấy nhiều khó khăn. Ví dụ, có vấn đề rất nhiều người nói đến thậm chí tranh luận kéo dài hàng chục năm như vấn đề : Mỵ Châu - Trọng Thủy, Tản Đà, Vũ Trọng Phụng,

Hàn Mặc Tử, v.v... vấn đề thẩm định giá trị của văn học lãng mạn thời 1930 - 1945. Khi chọn sao cho khỏi trùng lặp, nhặt ra được những vấn đề cần thiết đối với giáo viên và học sinh. Lại có vấn đề quá mới mẻ - đại bộ phận là Văn học thế giới - rất ít hoặc chưa có ai bàn đến nhiều như tác phẩm Franz Kafka, Schiller, Tagore, Sử thi Ấn Độ, thơ Đường v.v..

Tom lại, cuốn sách sẽ đưa ra những vấn đề đã tranh luận hoặc còn tồn tại do thiếu tài liệu minh chứng nhằm giúp cho giáo viên và học sinh rút tỉa những điều bổ ích đưa vào dạy và học tập. mát khac cũng nắm được những gì trong quá trình "Mưa sa bão táp" trên sách báo kéo dài có khi đến hàng chục năm nay.

Như vậy, chắc chắn sẽ có nhiều thiếu sót, chúng tôi mong được sự đóng góp xây dựng của thầy, cô giáo và các em học sinh.

Đồng thời chúng tôi cũng chân thành ghi ơn các nhà nghiên cứu đa cho phép được trích tuyển những ý kiến vào bộ sách này nham phục vụ tốt cho yêu cầu dạy và học .

Mùa hè năm 1991

VŨ TIẾN QUỲNH

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

PHẠM VĂN DỒNG

... Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là một chiến sĩ hy sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giác ngoại xâm và tội tó của chúng.

Học theo ngôi bút chí công

Trong thơ cho ngụ tấm lòng xuân thu ! (1)

và :

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm

Dâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu quý trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng ấy :

Thay nay cũng nhòm văn chương

Vọc dè da cộp khôn lường thực hư !

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và hèn bỉ của nhân dân Nam Bộ từ năm 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời. Quan của triều đình dưới sự chỉ huy của một danh tướng lúc bấy giờ, Nguyễn Tri Phương, đã đánh thua ở Sai Gon, Tư Đức đã đầu hàng, năm 1862 cắt ba tỉnh miền Đông, năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc. Mặc dầu nước nhà gặp cảnh hiềm nghèo và khổ như vậy, các tầng lớp nhân dân Nam Bộ lúc bấy giờ, nhân dân lao động và các bậc sĩ phu đều kiên quyết vùng dậy đánh giặc cứu nước.

(1) Ngụ ý khen chê như tinh thần kinh Xuân thu của Khổng tử. TS

"Giặc đến nhà đàn bà phải đánh". Phong trào bắt đầu dấy lên ở miền Đông, sau lan rộng khắp nơi ở "lục tỉnh", biến thành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn, nhiều nơi, nhiều lúc sôi nổi và mạnh mẽ lạ thường, khiến cả kẻ thù cũng không tiếc lời tò lòng khâm phục (theo nhiều sách của người Pháp trong cuộc viết về cuộc chiến tranh xâm lược Nam Bộ) : Khởi nghĩa của Trương Định ở Gò Công, Thủ Khoa Huân ở Mỹ Tho, Phan Liêm và Phan Tôn ở Bến Tre, Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá, Đỗ Thừa Lương và Đỗ Thừa Tư ở Cần Thơ, Nguyễn Văn Bường và Quản Hôn ở Hóc Môn, Bà Diễm v.v.. Làm sao sưu tầm tài liệu về những trang sử oanh liệt này, về biết bao cuộc chiến đấu anh dũng ở khắp nơi về chiến công của biết bao anh hùng liệt sĩ, để đánh giá đúng tầm rộng lớn và sức mạnh của phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ, một phong trào bắt nguồn từ lòng căm thù vô hạn của quần chúng nhân dân đối với giặc ngoại xâm, nguyện hy sinh tất cả và chiến đấu tới cùng để cứu dân, cứu nước. Chúng ta hãy nghe một đôi đoạn trong một bài hịch phổ biến lúc bấy giờ :

"... Bỏ các quan ơi, chớ thấy chín trùng (1) hòa nghị mà tâm lòng địch khái nở phôi pha, cho rằng ba tỉnh giao hòa mà cai việc cứu thù đành lờ lảng.

Bỏ các làng ơi, chớ thấy đồn lũy dưới Gò Công thất thủ mà trở mặt hại nhau, chớ nghe trên Bến Nghé (2) phân cừ mà đành lòng theo mọi!

Hỡi ơi, oán nhường ấy, hận nhường ấy, cứu thù nhường ấy, làm sao trả đặng mối cam !

Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, nay đành nở bỏ qua sao phải ?..."

Hồi tưởng cuộc chiến đấu anh dũng vô song của dân tộc Việt Nam ta ở Nam Bộ lúc bấy giờ, ruột gan chúng ta đau như cắt xé.

(1) Nhà Vua . TS

(2) Một địa điểm trên sông Bến Nghé, đổ ra sông Sài Gòn . TS

Già như triều đình lúc bấy giờ không phải ở trong tay bọn vua chúa nhà Nguyễn phản bội và đầu hàng mà ở trong tay những người kế tục sự nghiệp của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, kế tục sự nghiệp yêu nước và anh dũng của Nguyễn Huệ, thì phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở Nam Bộ chắc còn mạnh mẽ hơn nhiều, nhất là đã được lãnh đạo thống nhất và kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi, đồng thời phong trào ấy chắc được sự ủng hộ kiên quyết của cả nước, như vậy đất Đồng Nai anh dũng từ đó đã trở nên bức thành đồng ngăn chặn nạn cướp bóc phương Tây xâm phạm đất nước chúng ta ở Nam Bộ, và do đó, đã bảo vệ vẹn toàn độc lập và thống nhất của Tổ Quốc!

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu một phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, và than khóc những liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân. Ngôi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả thật là sinh động và náo nùng, cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân, vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc, bỗng chốc trở thành người anh hùng cứu nước ...

... Có lẽ dưới tuổi vàng, linh hồn của Nguyễn Đình Chiểu và những nghĩa quân lúc bấy giờ, ngày nay phần nào đã được hà dạ !

Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đóa hoa, những hòn ngọc rất đẹp, như bài **Xúc cảnh** :

*Hoa cò bụi ngùi ngong gió đông,
Chùa xuân đâu hỡi có hay không ?
Mây giăng ải Bắc trông tin nhận,
Ngày xé non Nam bật tiếng hồng.*

*Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
Nắng sương nay há đợi trời chung !*

Phong trào kháng Pháp khắp nơi sôi nổi và mạnh mẽ lúc bấy giờ ở Nam Bộ, làm nảy nở nhiều nhà văn, nhà thơ, tài năng xuất chúng, bản lĩnh phi thường, mà tác phẩm là những bông hoa của một thời buổi oanh liệt và đau thương : Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp, v.v.. Thật rất khó chọn một bài để thí dụ trong rất nhiều bài đều hay, đều có ý nghĩa và hương vị. Xin trích mấy câu trong bài thơ của Nguyễn Tư Giản tiền Nguyễn Thông về Bình Thuận (nguyên văn chữ Hán, dưới đây là văn dịch) :

*Bao giờ Bến Nghé lại trong
Cho dòng sông Nhị vang lưng khải ca ?
Cưỡi thuyền lên tận Ngân Hà,
Biển xanh ra ngăm, trăng ngà sáng soi.
Cảnh tình nghĩ lại chưa vui,
Núi song còn gánh hai vai nặng nề "...*

(Trích nghiên cứu Văn học số 1/1963).

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP VÊ VANG CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, NGƯỜI CHIẾN SĨ KIÊN CƯỜNG, NHÀ THƠ LỚN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM.

BẢO ĐỊNH GIANG

Vừa lớn lên, Nguyễn Đình Chiểu đã chứng kiến những cơn binh lửa diễn ra trên xứ sở mình. Năm 12 tuổi, ông phải chạy theo cha từ Nam ra Bắc do cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi. Ở Thừa Thiên, Nguyễn Đình Chiểu theo học suốt 8 năm. Khoảng 1840, ông trở về quê mẹ và đỗ tú tài trong khoa thi Quý Mão (1843). Năm 1846, Nguyễn Đình Chiểu lại ra Huế chờ khoa thi Hội. Nhưng đột ngột được tin mẹ mất, ông bỏ thi, quay về Nam chịu tang mẹ. Dọc đường bị bệnh, ông ở lại Quảng Nam học thêm nghề thuốc. Vì đường xa xa xôi, hiểm trở phải tốn sức nhiều và vì thương khóc mẹ nhiều nên bệnh ông càng nặng, đôi mắt bị mù. Năm ấy ông 26 tuổi và cũng do mù mắt ông bị tứ hôn.

Không thực hiện được giấc mộng bình sinh "phò đời giúp nước" mà ông thường theo đuổi, Nguyễn Đình Chiểu vừa ngồi dạy học, vừa sáng tác truyện thơ đầu tay Lục Vân Tiên. Nhưng ông không thể ngồi yên khi chiến thuyền Pháp vấp phải sự phòng ngự của ta ở Đà Nẵng, quay vào Sài Gòn (1859) đổ bộ lên đất nước ta, đánh cướp lại đồn Phú Thọ và lần lượt chiếm đóng các nơi.

Bến Nghé của tiền tan bọt nước

Dòng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.

Bài thơ chống thực dân xâm lược Pháp đầu tiên của

Nguyễn Đình Chiểu biểu hiện tình cảm thương nhân dân, đất nước, làng mạc, quê hương thấm thiết dường nào. Tình cảm to lớn và thiêng liêng ấy buộc ông phải cất cao lời kêu gọi những ai có trách nhiệm hãy đứng ra đánh giặc, cứu dân.

Hỡi trang dẹp loạn rày đâu vắng

Nờ để dân đen mắc nạn này ?

Dùng ra đây là một câu trách cứ, một lời đòi hỏi đối với vua, quan.

Biển cổ lớn nhất của đất nước cũng là nỗi đau lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu. Ông phải long đong, vất vả tránh giặc hết nơi này đến nơi khác, sau cùng là ở Ba Tri. Rời chốn ở cũ đối với ông là sự bất đắc dĩ :

Vì câu danh nghĩa phải đi xa

Quay mũi thuyền Nam dạ xót xa.

... Chén rượu đồ lòng xin cạn chén

Nhớ nhau ngày khác biết sao mà !

Không được may mắn như Lục Vân Tiên, nhân vật chính trong truyện thơ của ông, mất mù, được bàn tay vô hình cứu sáng, được đồ Trạng và được giao ân nguyên nhung, một sớm ra quân, chêm đầu giặc treo cổ ngựa, cứu nước lập công và sau cùng trùng phùng với người yêu lý tưởng. Nguyễn Đình Chiểu với đôi mắt mù lòa và đôi bàn tay không, hiên ngang đi vào cuộc chiến. Khi ông đã xác lập cho mình cách nhìn, chỗ đứng giữa lúc tình hình đất nước đang diễn ra đầy rẫy phức tạp và bản thân ông cũng gặp lắm nỗi khó khăn, thì ông lại thấy sáng hơn bao giờ hết. Ông không bị cô độc bao giờ. Giữa biển nhân dân yêu nước, giữa cao trào kháng Pháp dấy lên khắp hang cùng ngõ hẻm, sức mạnh chính nghĩa của ông được nhân lên gấp bội. Từ run sợ đến đầu hàng giặc, chống lại nhân dân đang kiên trì đánh giặc, triều đình nhà Nguyễn đã tự tước bỏ vai trò của chúng. Chân lý lúc bấy giờ hoàn toàn thuộc về quần chúng yêu nước.

Càng đi sát với thực tiễn chiến đấu, càng dấn thân vào thời cuộc càng nắm vững truyền thống văn hóa, đời sống tinh thần ngàn đời của ông cha, trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước bao nhiêu, thì tư tưởng, tình cảm, ý chí, lòng tin của Nguyễn Đình Chiểu càng được hun đúc, nâng lên bấy nhiêu, càng sáng suốt, cao đẹp, vững vàng bấy nhiêu. Từ quần chúng ra, qua những cuộc thử thách nẩy lửa, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt và xương máu, Nguyễn Đình Chiểu đã trả lại cho quần chúng những gì đẹp nhất chất lọc từ dòng máu nóng hổi của quả tim ông.

Xuất thân từ gia đình phong kiến và đã qua cửa Khổng, sân Trình, nhưng không như các hủ Nho khác, Nguyễn Đình Chiểu không có lối suy nghĩ và cách sống rập khuôn theo luân lý đạo Nho, Ngũ kinh, Tứ thư mà ông thuộc nằm lòng, sách vở ấy, không ràng buộc được ông phải sống theo chúng, làm theo chúng.

Nhận xét trên chẳng những được chứng minh qua hàng loạt tác phẩm văn học kháng Pháp của nhà thơ yêu nước mà còn được chứng minh qua Lục Vân Tiên, tác phẩm đầu tay của ông, viết ra lúc tuổi ông còn trẻ, đất nước chưa xảy ra những biến cố gay gắt.

Như chúng ta đều rõ : Thuyết tam cương, ngũ thường (gọi tắt là cương, thường) là xương sống, là cốt lõi của đạo Nho. Trong chế độ phong kiến nghìn đời ở Trung Quốc và một số nước Á Đông, trong đó có Việt Nam ta, thuyết nói trên là khuôn vàng, thước ngọc, hơn nữa, nó là một thứ giao lý bất khả xâm phạm, nhằm bảo đảm cho trật tự xã hội phong kiến được thiết lập một cách vững chắc không thể lay chuyển và không thể bị nghi ngờ. Nền tảng của đạo Nho đồng thời là hệ tư tưởng chính thống của mọi triều đại phong kiến, thuyết tam cương, ngũ thường đã đầu độc, tha hóa con người - nhất là giai cấp phong kiến và các tầng lớp trên trong xã hội - một

cách ghê gớm. Nó là một thứ dây vô hình ác nghiệt, trói buộc con người không cứu nổi mà quan hệ vua, tôi là một loại quan hệ đặc biệt, nổi bật, được nhấn mạnh, được tô điểm qua các sử sách chính thống của vua chúa.

Học sử sách của Trung Quốc, nhưng Nguyễn Đình Chiểu không để cho mình rơi vào cái ao tù nghìn đời phong kiến ấy. Trong *Lục Vân Tiên*, Sở Vương không được đề cao - như có người làm tướng - trái lại, bị hạ thấp, qua lần nhà vua gặp Lục Vân Tiên, sau khi họ Lục thắng trận trở về. Trước Lục Vân Tiên, nhà vua thú nhận về sự hèn nhát không thể chối cãi của mình :

*"Phán rằng : Trẫm sợ nước Phiên
Có người Cốt Đột phép tiên lạ lùng.
... Phải chi sớm có trạng ra
Làm chi nên nổi Nguyệt Nga cống Hồ".*

Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà nhân vật ông Quán hiện thân của Nguyễn Đình Chiểu, xuất hiện có vẻ đột ngột trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, nói ra những điều "thương, ghét" đầy tâm huyết của mình :

*"Quán rằng : Ghét việc tầm phào
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan
Khuyến dân luống chịu làm than muôn phần"*

Ở phần này ông Quán lấy hạnh phúc của dân, có hay không có, làm chuẩn đánh giá một triều vua và đi đôi với việc lên án đả kích "hôn quân vô đạo", ông ca ngợi những người hiền triết, những bậc tài danh bị vua chúa vui dập phũ phàng. "Vì chưng hay ghét cũng là hay thương", quan điểm về tình cảm của ông Quán - cũng là của tác giả - như vậy là đã rõ ràng.

Ngay như việc xử lý nhân vật Kiều Nguyệt Nga trong những

mối quan hệ với vua và tình yêu cùng thế, Nguyễn Đình Chiểu không để cho Kiều Nguyệt Nga một bề tuân theo việc vua chúa, cam làm vật di cống cho giặc Ô Qua.

*"Nghĩa tình nặng cả hai bên
Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng.
Sao sao một thác thời xong
Lấy mình báo chúa lấy lòng sự phu"*

Đặt "sự phu" ngang "báo chúa" và cao hơn "báo chúa" - vì "báo chúa" chỉ bằng xác thân thôi, còn đối với người yêu thì bằng tất cả tấm lòng - riêng việc xử lý này, Nguyễn Đình Chiểu, trên thực tế, đã đánh vào những giá trị cố hữu của luân lý đạo Nho. Đó là chưa nói đến những mối quan hệ khác như giữa Kiều Nguyệt Nga và Kim Liên, giữa Lục Vân Tiên và Tiểu Đồng. Trong xã hội phong kiến vấn đề phân chia đẳng cấp, tôn ty trật tự đã an bài, không cần phải bàn cãi nữa, thế mà, dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, một người "tỳ tấ" khi cần, có thể thay người mình hàng ngày bêu hạ làm hoàng hậu một nước; đường đường một trạng nguyên, có công lớn nhất đối với đất nước, lại đứng ra làm chủ lễ, trực tiếp đọc diếu văn thương xót Tiểu Đồng, người giúp vật cho mình, khi hay tin Tiểu Đồng đã mất. Đây là điều hiếm có trong xã hội cũ.

Trên một phương diện tư tưởng, Nguyễn Đình Chiểu có những nghĩ suy độc lập, thường thường vượt ra ngoài khuôn khổ cứng nhắc của đạo Nho. Tư tưởng tiên tiến ấy chuẩn bị cho Nguyễn Đình Chiểu, trong thời gian không lâu sau đó, đi vào một tình thế mới, hay nói rõ hơn, vào cuộc đọ sức mới mang tính đa dạng và phức tạp nảy sinh từ tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ra trên đất nước ta, ở Nam Bộ.

Không phải Nguyễn Đình Chiểu có chủ trương chống Nho giáo. Trái lại, ông thường nhắc đến Nho giáo, thậm chí bênh vực Nho giáo. Chúng ta thấy rõ điều này qua các tác phẩm

Dương Tử Hà Mậu của ông. Xuất phát từ tinh thần bảo vệ Tổ quốc, Nguyễn Đình Chiểu lên tiếng chỉ trích gay gắt các đạo giáo. Hướng tiến công khá mạnh mẽ này của ông là nhằm mục đích chính trị, mang ý nghĩa chính trị, cụ thể là nhằm ngăn chặn những hậu quả không tốt, gây tổn thất đến lợi ích quốc gia. Bình vực đạo Nho, đưa đạo Nho đương đầu với các đạo giáo, Nguyễn Đình Chiểu không hề có ý tưởng tuyệt đối hóa đạo Nho, dù đạo Nho đang ở vị trí chính thống trong nền giáo dục quốc dân. Từ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn trở về sau, ảnh hưởng của Nho giáo ở Việt Nam bị sút mẻ từng phần và cho đến khi triều đình nhà Nguyễn đầu hàng, dâng ba tỉnh Nam Kỳ cho giặc Pháp thì nó bị sút mẻ nghiêm trọng, trước hết là đối với trí thức phong kiến ở Nam Bộ.

Đồng đạo người có học, đỗ đạt cao ở Nam Bộ lúc bấy giờ chán chế, ngao ngán triều đình, "Phú quý Trường An rong quán cổ, Phong lưu kinh địa chí đầy đầu", không muốn ra làm quan, lui về dạy học ở các làng mạc, nhưng việc chống vua dẫu phải dễ dàng đối với họ. Không như nông dân, ít bị ảnh hưởng của Nho giáo, khi họ cho việc gì là đúng, thì đứng lên một cách nhẹ nhàng, phớt phớt như hàng ngàn người ở Gò Công bất chấp chiếu chỉ nhà vua ngăn không để Trương Định đi An Giang, suy tôn ông làm soái, yêu cầu ông ở lại cầm đầu nghĩa quân chống giặc.

Tình hình ở Việt Nam thời Nguyễn Đình Chiểu, chưa có tiền đề cho một nền dân chủ ra đời, chưa có học thuyết nào khả dĩ thay được giáo lý của đạo Nho. Cuộc khủng hoảng chính trị và ý thức hệ đang gây sóng gió trong lòng mỗi người trí thức đương thời, buộc họ phải suy nghĩ nhiều để ra khỏi sự rối rắm, giằng co, phức tạp này. Lui lại lịch sử, chúng ta ngàn lần kính trọng và biết ơn ông cha ta bằng máu xương và trí óc đã vượt lên tất cả, giành sự chủ động trong cái thế bị động, tạo ra và để lại cho mỗi chúng ta một bài học vô giá về lòng yêu nước, yêu dân, vì nghĩa lớn ở đời, vì lương tâm và

danh dự của người công dân đối với Tổ quốc trong lúc khuyh nguy.

*
* *

Không xông ra trận mạc được như bao nhiêu bạn bè, đồng tâm, đồng chí, nhưng ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu sắc bén khác nào viên đạn, thanh gươm. Bằng những bài văn, bài thơ đầy tâm huyết, Nguyễn Đình Chiểu lên án tội ác tày trời của giặc ; vạch mặt bọn bán nước, buôn dân; nêu cao gương chiến đấu của anh hùng, nghĩa sĩ vì Tổ quốc quên mình.

Tổ cáo giặc, ông viết :

Các bậc sĩ, nông, công, có liên mang tai với súng song tâm; mây nơi tổng, lý, xã thôn, đều mắc hại cùng cỏ tam sắc...

... Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo; tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.

Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên ; đem ba tấc lưỡi hơi môn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thầy đều rơi nước mắt.

Khả thương thay ! Dân sa nước lửa bấy chầy; giặc ép mò dầu hết sức.

(Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh).

Chống vua quan chia cắt đất nước, đem ba tỉnh miền Đông Nam Bộ dâng cho giặc, trong bài *Văn tế Trương Định*, Nguyễn Đình Chiểu phản ánh trung thực lịch sử và tất nhiên là với thái độ hết sức đồng tình trước tinh thần quyết chiến của nông dân Gò Công và hành động thúc thời của Trương Định.

Chợt thấy cánh bướm lại sứ, việc giảng hòa những tường rằng xong, đã đành tấm giấy tự phong phận thần tử ha đầu dăm cái ;

*Bời lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón
ngân mấy đập mã tiền : theo bụng dân phải chịu tướng quân
phù, gánh vác một vai khốn ngoại.*

Khóc Trương Định hy sinh vì Tổ quốc, không thể không
nhớ đến việc mất ba tỉnh miền Đông mà trách nhiệm của
triều đình trong vấn đề này là chính. Chúng ta ngày nay đọc
lại đoạn văn tế của Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn cảm thấy xót
xa như muối xát lòng.

*Vì ai khiến đưa chia, khăn xé, nhìn giang sơn ba
tỉnh luống thêm buồn : biết thuở nào cò phất, trống rung, hời
nhật nguyệt hai vàng sao chẳng đoái.*

*Ôi ! làm ra có ấy, tạo hóa ghét nhau chi ; nhắc đến
đoạn nào anh hùng rơi lụy mãi...*

Tội ác của triều đình không những chỉ biểu hiện trong việc
cắt đất cầu hòa mà chúng còn ngăn cản cuộc chiến đấu của
nhân dân; lên án những người cầm đầu các cuộc khởi nghĩa là
"nghịch thần", "nghịch đảng".

Nguyễn Đình Chiểu chống lại luận điệu xuyên tạc ấy thật
là sắc sảo và cũng thật là cảm động. Trong những đoạn thơ
điếu Trương Định, ông viết :

*Giúp đời đốc trọn ơn nam tử
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần
... Tướng quân đâu hời cớ hay chăng ?
Sáu ái cớ đầu nửa đã ngăn
Cám nổi kiến ong ra sức đẹp
Quần bao sâu một chịu lời nhăng.*

Khóc Phan Tôn, đã hy sinh anh dũng tại Giồng Gạch
(Bến Tre), Nguyễn Đình Chiểu vừa tỏ lòng thương tiếc sâu
sắc "người ngọc ở Bình Đông" ấy, vừa tỏ nổi bất bình cao độ
trước thái độ không đúng đắn của triều đình đối với những
người có công lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây

*Một giấc sa trường phận cũng may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay
Đầu tang ba tháng trời riêng đội
Lòng giận nghìn thu đất nổi đầy...*

Mặc dù triều đình lên án là nghịch thần, trong tay vẫn không rời vũ khí, thà chết chẳng đầu Tây. Bài thơ khóc Phan Tông mang giá trị tố cáo triều đình mạnh mẽ biết chừng nào.

Sự kiện cắt đất cầu hòa, bỏ mặc nhân dân đau khổ, do triều đình Nguyễn gây ra, vẫn đọng trong lòng Nguyễn Đình Chiểu như một vết thương sâu, càng về lâu càng nhức nhối. Khoảng cuối đời, ngôi ở Ba Tri dạy học và làm thuốc ông trở lại vấn đề này trong môi oan giận không nguôi.

*Mắt nhìn trong tiết thanh minh
U - Yên đất cũ, cảnh tình trên người.
Trăm hoa nửa khóc, nửa cười
Như tường xiêu lạc, gặp người cố hương.
Cò cây đưa nhánh đón đường
Như tường nín hỏi : Đông hoàng ở đâu ?
... Gió tre hiu hắt theo sau
Như tường xui giục đi mau tìm thầy.
Dưới non suối chảy kêu ngày
Như tường nhẫn hỏi : Sự này bởi ai ?*

(Ngư, Tiểu y thuật vấn đáp)

Khắc nào một dòng suối, nỗi buồn ấy cứ chảy mãi ngày đêm giữa khoảng đất trời vô tận. Giọng văn của ông lúc này không trầm hùng như thời gian viết *Vấn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, nhưng nó đi sâu vào lòng người biết bao nhiêu. Trong chúng ta, những người đã từng sống trong xã hội thực dân, phong kiến, chắc còn nhiều người thông cảm nỗi đau của người mất nước, bỏ xứ, lìa nhà, kéo dài hy vọng trong những ngày đất nước chìm sâu trong tăm tối.

*Hoa cỏ bụi ngùi ngóng gió Đông
 Chưa xuân đâu hỡi, có hay không ?
 Mây giăng ải Bắc trông tin nhận
 Ngay về non Nam bật tiếng hồng.
 Bơ côi xưa đã chia đất khác
 Nắng sương nay há đội trời chung.
 Chung nào thánh đế ơn soi thấu
 Một trận mưa nhuần rửa núi sông.*

Thơ Nguyễn Đình Chiểu từ chống thực dân Pháp về sau, phát triển ở mức cao trong sự nghiệp sáng tác của ông. Thơ điều và vắn tế những tướng lĩnh anh hùng, những nghĩa sĩ, không tên và các tác phẩm khác của ông, là những bài ca bất khuất, tha chết chứ không chịu làm nô lệ. Trong chồng thơ, vắn yêu nước nóng bỏng đầy giá trị của nhà thơ lớn chúng ta, bài *Vắn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* nổi lên như một viên ngọc quý. Thực tiễn xã hội thời ông, tư tưởng cao cả và tài năng của ông đã tạo nên một áng văn bất hủ của thời đại. Với tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã trả lại cho nông dân lao động vị trí xứng đáng của họ trong lịch sử dân tộc.

Tác giả *Vắn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* không chỉ phản ánh tinh thần dũng cảm tuyệt vời, thành tích nổi bật và sự hy sinh cao cả của nông dân trong "một trận nghĩa đánh Tây... tiếng vang như mõ" mà tác giả còn làm nổi rõ tư tưởng yêu nước, tinh thần tự nguyện, tự giác của nông dân trong sự nghiệp giải phóng đất nước, trong mối liên hệ lâu dài và bền vững với quá khứ vẻ vang của dân tộc. Người nông dân trong *Vắn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là người sống co đạo nghĩa, biết trọng danh dự và khi cần, biết hy sinh trong danh dự.

*Sống làm chi theo quân tù đạo, quảng vua hương,
 xó bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà,
 chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.*

Thác mà được câu địch khái, về theo tổ phụ cũng

vĩnh ; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ.

Hơn nữa, họ là những người có văn hóa, lớn lên trên một đất nước có nền văn hiến lâu đời, không dễ bị ai dối lừa và tùy tiện muốn làm gió, làm mưa.

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rần, đuổi hươu; hai vàng nhật nguyệt chơi lòa, đâu dung lư treo đe bán chó.

Như vậy, Nguyễn Đình Chiểu đã khái quát và đề cao đúng đắn người nông dân trong xã hội phong kiến, ở đó, chẳng những họ là lực lượng chính sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội và bảo vệ Tổ quốc, mà còn là lực lượng quan trọng phát triển sự nghiệp tinh thần và bảo vệ những giá trị văn hóa của dân tộc. Ý nghĩa to lớn của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* trước hết là ở đó.



Trong thời điểm chủ nghĩa tư bản phương Tây đang đổ xô đi tìm thuộc địa với sức mạnh vật chất với sự trí trá tột cùng của chúng; ở bản xứ chủ nghĩa phong kiến đang hồi mạt vận, đầu óc ngày càng một ruồng bời mơ giáo lý Nho học sáo rỗng và khô cằn, trên phương diện chính trị, vua chúa đã quay lưng lại nhân dân, trở thành những tên vô sĩ trong lịch sử, đã đẩy đất nước lâm vào cảnh bế tắc chưa từng có.

Trước tình hình vận mệnh của Tổ quốc như nghìn cân treo sợi tóc, người trí thức chân chính đương thời không có cách chọn lựa nao khác là đứng hẳn về phía nhân dân, chiến đấu tới cùng chống thù trong, giặc ngoài; vì nghĩa lớn không kể thành hay bại. Đây là cuộc thử thách mà cũng là cuộc đọ sức diễn ra hết sức gay gắt. Chống giặc dễ hơn chống vua. Chống vua đầu hàng chữ không phải chống toàn bộ cơ cấu của nền quân chủ. Chống vua nhưng từng lúc cũng nhắc đến vua.

Trong những bài hịch của tác giả, kể cả những bài thơ, văn của Nguyễn Đình Chiểu cũng mang tính phức tạp ấy. Chẳng hạn, bài *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*, khuyết tên xuất hiện sau khi Trương Định hy sinh, là một bài hịch rất hay, rất hùng hồn, mang sức thuyết phục lớn, có những câu được truyền tụng tới ngày nay như :

*Chớ thấy chín trùng hòa nghị, mà tấm lòng địch
khái nỏ phôi pha; đừng rằng ba tỉnh giao hòa, mà cái việc cừu
thù đánh bỏ dờ.*

*... Chớ thấy đồn dưới Gò Công thất thủ mà trở
mặt hai nhau ; chớ nghe báo trên Bến Nghé phân cơ mà đánh
lòng theo mọi.*

Thế mà, liền sau đó lại có câu :

Trước sau cho trọn nghĩa vua tôi...

Tình hình lúc bấy giờ buộc phải thế. Cũng như chữ trung, chữ hiếu, chữ cang thường v.v.. mà ông cha ta vẫn hay dùng trong suốt quá trình chống Pháp thế kỷ trước, là một cách nói, một kiểu "vay mượn" hình thức trong khi chưa có gì thay thế được nó.

Trên đường dẫn tới pháp trường chịu chém, Thủ Khoa Huân cảm tác :

Hai bên thiên hạ thấy hay không ?

Một gánh cang thường há phải gông !

Trước lúc bị hành hình, Hồ Huân Nghiệp ung dung đọc :

Thấy nghĩa lòng đâu dám hững' hờ.

Làm trai ngay thảo quyết tôn thờ...

thì đâu còn cái nghĩa như cũ nữa .

Thay vì nhấn mạnh lòng trung thành vô hạn của thần dân đối với vua chúa, Nguyễn Đình Chiểu cũng như các sĩ phu, văn thân đánh Pháp thời ông nói nhiều về đất nước, dân tộc và truyền thống ông cha, kêu gọi nhân dân hướng về những

giá trị thiêng liêng, không gì so sánh được ấy, đem hết thân, tâm ra bảo vệ.

Trong cuộc huy động tinh thần to lớn này, điều nghĩa được đưa ra và được nêu lên thành một đặc trưng cao quý nhất về tư tưởng và văn hóa đối với con người trong xã hội đang gặp hồi biến cố. Nguyễn Thông trong những ghi chép của mình về những gương hy sinh chống Pháp, có đoạn viết : "Phan Văn Đạt xướng nghĩa đầu tiên, thân chịu chết để giữ trọn điều nhân, Trương Định bị thua, chạy trốn, thu thập tàn quân, chiếm cư Tân Hòa, bỏ mình vì nghĩa.

Từ khi người Tây gây biến ở lục tỉnh, sĩ phu và dân chúng liều mình đứng lên, khẳng khái chịu chết kể không xiết được, như Đỗ Trình Thoại ở Tân Hòa, Nguyễn Lịch ở Tân An đều là những tấm gương chói lọi. Còn như ở chốn làng xa, ngõ hẻm, những trinh phụ liệt nữ, trọng nghĩa không chịu ô nhục, chống giặc đến chết, chính tôi biết được có hơn chục người, tiếc rằng, thời thế đổi dời, đường sá cách trở, sự tích không sao biết rõ được".

Trong sáng tác của mình, Nguyễn Đình Chiểu thường nhấn mạnh điều nghĩa.

- Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mờ.
- Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm.
- Gồm ba tỉnh đứng cò phân nghĩa.
- Giúp đòi cái nghĩa đáng làm.
- Ngọn cò ứng nghĩa trời chưa bẻ.
- Trống nghĩa Bào an còn sấm rập.
- Làm người trung nghĩa đáng bia son.
- Mến nghĩa bao đành làm phàn nước.
- Ngựa nghĩa còn cưu nhà nước cũ. v.v...

Điều nghĩa đã đi vào tình cảm và tư tưởng của các tầng lớp trong xã hội thực mạnh mẽ. Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, bế tắc, không có lối ra, nó (điều nghĩa) nâng đôi cánh của con người bay lên nhẹ nhàng, thanh thản, chấp nhận sự hy sinh dưới máy chém, khiến quân thù cũng phải khâm phục.

Vì nghĩa lớn đối với Tổ quốc, nhân dân lao vào cuộc chiến đấu, người trước ngã, người sau tiến, quyết không đội trời chung với giặc. Các sĩ phu và văn thân kháng Pháp hầu hết thuộc lớp tuổi tráng niên, khẳng khái đứng lên, biết thua vẫn danh, thà chết không hàng, lần lượt đều đền nợ nước, treo những tấm gương sáng ngời về khí tiết.

Tiết nghĩa vẫn lưu trong vũ trụ.

Hơn thua chi luận với anh hùng.

... Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ.

Một thác không hàng rặng núi sông.

Bài thơ của người đồng thời điều Thủ Khoa Huân (Trần Huy Liệu dịch) đã khái quát lập trường, tư tưởng, phong cách anh hùng của ông cha ta lúc đó. Chẳng những thế, tinh thần "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, muôn kiếp nguyện trả thù kia" còn là một biểu hiện lòng căm thù cao độ của nhân dân đối với quân cướp nước. Trong tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu có những câu đạt đến đỉnh cao về hình tượng chiến đấu vô cùng dữ dội ấy :

An Hà quân đang khi bạch trù, gió cây vụt thổi, cát bụi bay con trời dấy bên thành;

Long Tường giang mỗi lúc hoàng hôn, khói nước xông mù, lửa đóm binh ma chèo dưới vực.

... Ngày gió thổi lao xao tinh dã mã, thoát nhóm, thoát tan, thoát lui, thoát tới, như tuồng rặng bóng tình binh; đêm trắng lơ reo rất dề quỳnh, dương hôn, dương mếu, dương khóc, dương than, đòi đoạn tỏ tình oah khúc.

Trong khi đông đảo các chiến sĩ yêu nước - bạn bè của

của Nguyễn Đình Chiểu - ung dung bước ra pháp trường, ngẩng cao đầu trước máy chém, hơi mòn, sức kiệt, Nguyễn Đình Chiểu vẫn nắm chắc vũ khí, biên bút lông thành bút thép, tiếp tục chống bon cướp nước và bán nước, đề cao phẩm giá làm người trong buổi quốc phả, gia vong.

Nói ra thì nước mắt trào

Tâm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.

... Chớ khinh mang tật dui ngồi

Trời còn hơi chính gửi đôi mắt thầy.

Điều nghĩa mà Nguyễn Đình Chiểu thường đề cao khi tiếng súng của nghĩa quân đang nổ, gươm đang khua ở khắp các chiến trường, vẫn giữ nguyên giá trị như thuở nào, giờ đây được ông đề lên thành đạo.

Nghĩ lòng mình với đạo đời thêm thương.

Đạo thơ của Nguyễn Đình Chiểu nói ở đây là đạo đời, đạo làm người, làm dân, kết tinh những phẩm chất cao đẹp của truyền thống ông cha, của những cuộc khởi nghĩa chống Pháp và bọn bán nước. Trong thời buổi "tinh chiên giặc bấy đương", những bọ mạt gian tà, đua nịnh xuất hiện ngày càng nhiều, không thể không ngăn chặn và lên án. Vì vậy, đôi mắt mù lòa suốt đời lam khổ thân Nguyễn Đình Chiểu bao nhiêu, thì nay nó lại là một thứ vũ khí đánh vào quân thù phản trắc lợi hại bấy nhiêu.

Sự đời tha khuất đời trông thật

Lòng đạo xin tròn một tấm gương.

Và :

Tha dui mà giữ đạo nhà

Còn hơn cơ mắt ông cha không thờ.

Sống giữa long đất nước nhân dân suốt một đời người, qua bao cuộc thăng trầm của thời cuộc và qua sự sàng lọc của thời gian, những gì nẩy nở làm đẹp con người, làm rạng rỡ bộ mặt quê hương xứ sở, những giá trị tinh thần được hun đúc,

kể cả những gì làm cho ông "ghét cay, ghét đắng", tất cả đều đọng lại trong quả tim lớn của nhà thơ.

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm.

Dâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Lời của Nguyễn Đình Chiểu là một tuyên ngôn danh thép, biểu hiện tính chất cao thượng và tinh thần chiến đấu không khoan nhượng của ông đối với bọn bán nước, hại dân. Người và văn của ông là một. Hơn ai hết, cuộc đời và phẩm chất cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu làm tăng thêm sức mạnh và giá trị của lời thơ ông.

Suốt 40 năm sống trong cảnh mù lòa và thiếu thốn, khi ở Sài Gòn, khi ở Cần Giuộc, khi ở Ba Tri, lúc nào và ở đâu Nguyễn Đình Chiểu cũng đem hết sức mình cúc cung tận tụy vì Tổ quốc và nhân dân mà hình sinh khi dấn thân vào trường đời, ông đã cho thấy qua cuộc sống hàng ngày, nhất là các tác phẩm của ông. Mọi người kính trọng, yêu mến ông và đứng về phía ông, từ buổi ban đầu ấy - qua những nhân vật trung trinh, tiết nghĩa trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* của ông và càng về sau, ông càng được đồng bào kính trọng, yêu mến đến mức trên phương diện tinh thần và tình cảm không thể xa cách được ông, nhất là trong thời gian dài đất nước ta bị chìm đắm trong nô lệ.

Mang tính quần chúng, tính hiện thực và tính chiến đấu cao, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu có sức thuyết phục và giáo dục mạnh mẽ. Cùng thời với ông, không có người cầm bút nào vượt được ông về số lượng cũng như chất lượng tác phẩm mà ông đã cống hiến trong hoàn cảnh cuộc đời riêng gặp vô số khó khăn, tưởng chừng không vượt qua nổi. Chẳng những ông tham gia chiến đấu, trực tiếp đóng góp ý kiến với ban hệ ở chiến trường mà ông còn ngồi viết văn, dạy học, làm thuốc cùng một lúc, làm gấp ba, gấp bảy người bình thường - góp phần tích cực nhất trong việc nâng cao tư tưởng, trình độ

và sức khỏe nhân dân. Những công việc ấy, tuy khác nhau về nghiệp vụ nhưng rất giống nhau về mục đích cao quý

Trời đông sùi sụt gió mưa Tây

Dau ốm lòng dân cây cỏ thây.

Ồ Nguyễn Đình Chiểu, những công việc trên còn là sự kết hợp kỳ diệu giữa lòng yêu nước và tinh thần trong nghề, biểu hiện sự gắn bó không hề lay chuyển nối đôi với đất nước, nhân dân và niềm hy vọng sâu xa về tiền đồ của Tổ quốc.

Hỡi bạn y lâm ai muốn hỏi

Dò xưa bến cũ có ta đây !

Mỗi lần đọc Nguyễn Đình Chiểu chúng ta thấy rung động sâu sắc. Tinh chất xã hội ta ngày nay khác hẳn trước, chúng ta đã giành được độc lập tự do và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới về các mặt không giống như các thời kỳ kháng chiến trước đây. Tuy nhiên, di sản tinh thần của ông cha, những châu ngọc của nhiều thế hệ, đối với ta ngày nay vẫn long lanh, tỏa sáng.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn nhất của Việt Nam, nửa sau thế kỷ XIX. Cuộc đời và toàn bộ hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương lớn cho mọi người noi theo.

Là một con người Việt Nam, Nguyễn Đình Chiểu đã treo một tấm gương sáng về tinh thần trọng đạo nghĩa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Ghét áp bức, bắt công, gian tà, xu nịnh, thương nước, thương nhà, hiếu thảo với cha mẹ, chung thủy trong tình yêu, tình bạn, luôn luôn giữ cho tâm hồn thanh cao, trong sáng, bảo vệ phẩm chất tốt đẹp của con người "giàu sang không đắm đuối, nghèo khó không đổi thay, uy vũ không khuất phục".

La một người dân Việt Nam, Nguyễn Đình Chiểu đã treo / một tấm gương sáng về lòng yêu nước, yêu dân, suốt đời

chiến đấu không biết mệt mỏi vì độc lập của dân tộc, vì xứ sở, quê hương. Trong cuộc chiến đấu, một mắt, một còn ông luôn luôn đứng ở mũi nhọn. Mắt mù nhưng rất sáng. Đất nước gặp khó khăn dồn dập, vua chúa thì đầu hàng, sĩ phu và văn thân lần lượt hy sinh... nhưng ông không hề nản chí, ngã lòng, vẫn tin tưởng cơ may "non sông bật gió Tây", đất nước trời trong mây tanh. Tác phẩm của ông là lời ca bất khuất của một dân tộc anh hùng "thà chết không chịu làm nô lệ", đồng thời cũng là tiếng kêu giục giã, động viên mọi người xông lên giết giặc cứu nước, cứu nhà.

Là người trí thức Việt Nam - Nguyễn Đình Chiểu đã treo một tấm gương suốt đời gần bó với nhân dân. Trong tác phẩm văn học cũng như trong hoạt động y khoa và giáo dục, ông đặc biệt quan tâm đến nhân dân, phản ánh sự nghiệp cứu nước vĩ đại của nhân dân, và làm tất cả những gì có lợi cho nhân dân. Với tư cách là người cầm bút, ông là người mẫu mực, hiếm có về tinh thần lao động nghệ thuật; gắn sự nghiệp sáng tác của mình chặt chẽ với thời cuộc, cống hiến cho đời những áng văn có giá trị lớn.

(Trích Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX, NXB Văn nghệ TP HCM - 1990)

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU ĐẠO LÀM NGƯỜI

TRẦN VĂN GIAU

Truyền thống tư tưởng Việt Nam ít nói về triết lý vũ trụ để tập trung vào triết lý nhân sinh. Đạo trời được đề cao về nguyên tắc, nhưng đạo người tức "đạo làm người" thì được chú trọng hơn.

Nguyễn Đình Chiếu không đặt đạo làm người thành một đề tài riêng biệt để sáng tác (như Nguyễn Trãi trong sách Bào Kính cảnh giới). Nhưng tác phẩm lớn nào của cụ cũng bàn về đạo làm người, và từ các giai đoạn của cuộc đời cụ, chúng ta đều có thể rút ra những nguyên lý về đạo làm người.

Đạo làm người của Nguyễn Đình Chiếu là cả một hệ thống những nguyên lý đặc sắc, mà trong bài này chúng tôi xin chỉ trình bày một số điểm thôi.

1. KIÊN TRÌ PHẢN ĐẤU CHỐNG VẬN MỆNH ĐỂ ĐƯỢC LÀM NGƯỜI CÓ ÍCH CHO ĐỜI :

Trong tư tưởng triết học của tổ tiên ông cha chúng ta, từng có đủ những ý khác nhau về vận mệnh. Nào là biết mệnh, sợ mệnh, chờ mệnh, theo mệnh, nào là cải mệnh, tạo mệnh; hoặc không thừa nhận cái gọi là mệnh.

Nguyễn Đình Chiếu không triết luận dông dài về mệnh, nhưng cuộc đời của cụ nói lên rằng cụ đã có ý thức phấn đấu kiên trì chống vận mệnh đen tối nhất để được làm người có ích cho đời. Cái ý nghĩ xem chung như bình thường đời thật ra không phải ai cũng dễ có ; không phải ai cũng biết đặt ra câu hỏi kiểm tra cho bản thân : ta đã làm được gì có ích cho đời ?

Lớn lên, cậu Chiếu chắc không nuôi tư tưởng nào khác hơn là tư tưởng của các cậu âm dương thời : "Bán nhận ven mây", "công danh", "báo bổ", "toan phần làm mưa khi nắng hạn". Mẹ chết, thì bỏ thi để về cư tang : chuyện bình thường; dùng phong tục, theo phép nước. Không thi được khóa này, còn khóa sau. Dây tơ hồng bỗng đứt; không sao : Tơ hồng thiếu gì với sĩ tử nên danh ? Cái khôn khổ là, khóc mẹ đến mù. Nguyễn Đình Chiếu như bị rơi vào chỗ đen tối nhất của vận mệnh. Từ nay, cuộc đời là cả một đêm dài vô tận; vũ trụ chỉ còn là bốn bề của một bộ ván; ta trở thành gánh nặng cho gia đình, cho hàng xóm. Trước, kỳ vọng lớn bao nhiêu thì nay, bế tắc bi thảm bấy nhiêu !

Nhưng, chính ở chỗ vận mệnh đen tối, cuộc đời bế tắc đó, người mù Nguyễn Đình Chiếu đem lại cho kẻ sáng một bài học tuyệt vời về đạo làm người; Cho dầu là mù, ta vẫn phải làm người có ích cho đời, ta không được phép làm một cục nợ cho thân quyến, cho xã hội; ta phải chiến thắng vận mệnh.

Nguyễn Đình Chiếu vượt nghìn trùng khó khăn, học thêm nghề thuốc và trở thành một thầy thuốc giỏi.

Nguyễn Đình Chiếu mở trường dạy học. Đồ Chiếu sớm trở thành nổi tiếng có lẽ không phải vì chữ nhiều mà vì "đạo dày".

Nguyễn Đình Chiếu làm thơ, không phải chỉ gọt đẽo mấy bài ngắn mà còn sáng tác những truyện dài đến mấy nghìn câu; không phải chỉ một truyện mà đến ba truyện; bài nào, truyện nào cũng đều thuộc loại "chò bao nhiêu đạo thuyền không khẳm, đâm mấy thằng gian bút chẳng tà !".

Làm thầy thuốc, làm thầy đồ, làm nhà văn, trong cả ba lãnh vực lao động cao đẳng, Nguyễn Đình Chiếu đều xuất sắc. Đó là gì, nếu không phải là "một người làm việc bằng ba" ? Làm người phải có ích cho đời, dầu là người mù; vận mệnh đen tối mấy, nếu ta kiên trì chiến đấu thì chiến thắng.

2. ĐỨNG Ở MŨI NHỌN CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CỨU NƯỚC.

Nguyễn Đình Chiểu sống vào một thời "nhiều nhương".

Những năm cụ lo việc thi cử là lúc giặc Pháp đâm cửa nước ta bằng đại bác. Pháp chiếm Gia Định rồi chiếm ba tỉnh đông (1862); chẳng bao lâu "ba tỉnh lại châu ba" (1867). Nước nhà từ độc lập trở thành thuộc địa. Dân tộc từ tự chủ trở thành nô lệ.

Đánh giá một con người không phải xem y có bị khốn khổ, thất bại hay chẳng, mà phải xem y phản ứng cách nào đối với những khốn khổ, thất bại đó. Thậm chí không được đánh giá y chỉ bằng những thất bại y trải qua, mà bằng sự nỗ lực của y để đứng dậy mỗi lần y bị đánh ngã.

Đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu sáng rực trong lúc Việt Nam bị rơi vào cảnh trầm luân khổ nhục, là bởi Nguyễn Đình Chiểu, dầu là mù, không đứng ngoài cuộc chiến đấu để cứu nước; chẳng những không đứng ngoài cuộc chiến đấu cứu nước mà lại còn đủ can trường để luôn luôn ở tại mũi nhọn của cuộc chiến đấu cứu nước. Mù lòa như Nguyễn Đình Chiểu, nếu thu mình ẩn náu ở một khu phố nào của Sài Gòn hoặc ở một làng nào của Lục tỉnh, thỉnh thoảng làm một bài thơ, mấy câu đối để than, để chửi, thì cũng được gọi là sĩ phu yêu nước, chẳng ai nổi trách cụ Đồ. Nhưng cụ Đồ thực sự là một chiến sĩ, hơn nữa một chiến sĩ ở tuyến đầu.

Chớ bảo rằng truyện *Lục Vân Tiên* chỉ là sách tự sự. Phần nào *Lục Vân Tiên* cũng là sách thời sự chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cuộc bán thị uy của hải quân Pháp ở Đà Nẵng. Nguyễn Đình Chiểu nói tiết nghĩa, thủy chung liên quan đến việc đánh giặc Ô Qua.

Giặc chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu không đi đâu xa, mà ra ở Cần Giuộc, cửa nam thành phố. Cụ ở lại nơi chiến tranh du kích sôi nổi này, cùng với nhân dân vui những

thành công, buồn những chết mất, bày mưu, khuyến khích. Một người văn hay mấy mà ở xa chiến trường, nhất định không tài nào viết nổi một áng văn hay muôn thuở như bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*.

Về Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu nào phải đi tìm nơi yên tĩnh. Những năm 1867, 68 và 69, Ba Tri là một trung tâm nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa : Hương Diêm, Cái Mít, Đồng Xuân, Giồng Gạch, trong đó Nguyễn Đình Chiểu mất người bạn chí tâm là Phan Tông.

Dầu những năm 80, khói lửa chiến tranh giải phóng ở Lục tỉnh vào lúc tàn. Lòng người cần được hâm nóng. Người mủ Bến Tre thấy phải thổi nên ngọn cục than hồng ủ dưới tầng tro. Bài *Tế Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn* nhắc nhở đồng bào chớ quên những người yêu nước đã chết hoặc đang bị đày đi Côn Lôn, Đại Hải, kêu gọi đồng bào hãy sẵn sàng chuẩn bị ngày rửa hận như ở sông Vi khi xưa "Lấy lễ nhân đầu tế đảng hồn oan". Bài văn tế đó là trận "đoạn hậu" cho cả một thời kỳ nổi dậy vừa qua, cũng là tiếng gọi cho đợt chiến đấu hưởng ứng phong trào Cần Vương sắp đến.

Cái lớn của con người, một phần do chỗ đứng được chọn. Chỗ đứng của Nguyễn Đình Chiểu là ở trong trận tuyến cứu nước, hơn nữa, ở mũi nhọn của cuộc đấu tranh cứu nước.

3. SỐNG THANH BẦN, GIỮ TIẾT THAO.

Nguyễn Đình Chiểu chủ trương sống thanh bần nhất là trong khi nước mất nhà tan. "Ở nước loạn há sợ chữ thiên ương". Dừng sợ khổ. Nay nước ta mất thì thân ta như "cá núp trong nò", như "ên nằm trên gác", quý không phải là cái miệng, cái bụng, mà quý ở "thân danh", danh phải sáng để có uy tín hồng được dân tin theo. Vinh, tuyệt đối không phải là "chiếu bông gối dựa", "quần nhiều áo sô"; thời loạn mà chạy theo chiếu bông gối dựa, quần nhiều áo sô là nhục chỗ không

phải vinh. Dã thanh bản lại phải tiết tháo. Càng chịu sống thanh bản, càng dễ giữ tiết tháo.

Chú tỉnh Pông-sông (Ponchon) mời Nguyễn Đình Chiểu lên Bến Tre. Cụ Đồ thác bệnh không đi.

Tây xin gởi cụ số tiền gọi là nhuận bút cho sách *Lục Vân Tiên* được dịch ra tiếng Pháp, cụ kiên quyết chối từ, mặc dù tiền không phải là cái cụ dư giả.

Tây muốn trả lại đất của cụ ở Sài Gòn, mà chúng đã tịch thu từ ngày cụ ra đi kháng chiến. Cụ rằng : đất vua còn mất thay hưởng gì đất tôi ! Cụ Nguyễn Đình Chiểu quyết không chịu nhận bất cứ cái gì từ tay kẻ cướp nước. Cụ giữ trọn tiết tháo của kẻ sĩ Việt Nam yêu nước.

Nhân dân lục tỉnh chăm chú theo dõi âm mưu của Pháp và đối sách của cụ Đồ. Trong các trận đấu trí này, cụ Đồ đã toàn thắng.

4. VÌ NGHĨA.

Truyện *Lục Vân Tiên* là bài ca về chữ nghĩa, ca ngợi lòng chung thủy. Tất nhiên là trong truyện *Lục Vân Tiên* không phải chỉ có bấy nhiêu đó; còn tình bạn, còn vì dân, còn sự thương ghét, khen chê có tiêu chuẩn, còn thái độ xuất xử trong cuộc đời v.v...

Tất cả các nhân vật tích cực của truyện *Lục Vân Tiên* đều là người nghĩa, người làm việc nghĩa.

Vì nghĩa là đức tính phổ biến của người Việt Nam xưa nay, đức ấy khi tỏ khi mờ nhưng hằng có, có nhiều, ở mức cá nhân, gia đình, làng xóm, địa phương, đến cả nước. Trên hết, đại nghĩa là việc cứu nước cứu dân. Khi đức tính vì nghĩa làm chủ việc giao tế xã hội, thì cuộc đời dễ sống biết mấy, ấm áp biết mấy, lạ là phải chờ đến khi có tiền kho của dụn. Một tập thể, một xã hội ở do con người lấy nghĩa mà xử thế với nhau thì xã hội hưng thịnh, tập thể an hòa, con người là người

nhất.

5. THƯƠNG GHÉT CHO ĐÚNG. -

Trong *Lục Vân Tiên* có những nhân vật không tên, mà tư tưởng sâu sắc, hành động cao cả; đó là người dân thường Việt Nam thông minh, lòng vang, đó cũng là bản thân Nguyễn Đình Chiểu.

Trong truyện *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu để không ít tâm trí vào việc xây dựng điển hình ông Quán, cũng như cụ xây dựng điển hình Kỳ nhân sư trong truyện *Ngư Tiều Y thuật vấn đáp*, Nhân sư nói lẽ chính tà, ông Quán tập trung vào sự thương ghét. Quán trả lời cho Trục : "Hỏi thì ta phải nói ra, vì chưng hay ghét cũng là hay thương". Ở đời, loại trừ thương ghét ra khỏi con tâm sao được ? Vấn đề là thương ghét cho đúng.

Phải biết đánh giá tốt xấu, phải trái, phải biết nhận định nên chăng. Cái nào đáng ghét thì "ghét cay ghét đắng", "ghét vào tận tâm". Cái gì đáng thương thì thương một cách chân thành thiết tha.

Tiêu chuẩn cơ bản của sự thương ghét là "dân", vì dân hay hại dân, ai vì dân thì ta thương, ai hại dân thì ta ghét. Trong cuộc đời đầy dẫy phức tạp, tiêu chuẩn thương ghét qua lời ông Quán là chính xác, hướng dẫn được sự nhận định phải trái, tốt xấu, nên chăng.

6. "HỂ LÀM NGƯỜI CHỜ Ở HAI LÒNG, ĐÃ VÌ NƯỚC PHẢI THEO MỘT PHÍA".

Vào lúc Pháp đánh chiếm Gia Định, phá Đại Đồn, tràn ra lấy ba tỉnh đông. Triều đình ra lệnh bãi binh, thì những kẻ bỏ hàng ngũ kháng chiến thêm nhiều; một số ít sĩ phu, hương chức ra đầu Tây, Trương Định, Nguyễn Đình Chiểu và sĩ phu yêu nước kêu gọi một lòng "dịch khai", một lòng kháng chiến, một lòng vì nước vì dân :

... Chớ thấy chín trùng hòa nghị mà tấm lòng địch
khái nở phôi pha.

Dừng rằng ba tỉnh giao hòa mà cái việc cứu thù
đánh bỏ dờ.

Ồ hai lòng, làm tôi cho Pháp là kém hơn cả loài súc vật.
Loài súc vật như "ngựa Tiêu sương" ngày đi nghìn dặm, chẳng
may bị bắt đưa từ Lương về Tống, nó còn :

*Giậm vô chẳng màng ăn cỏ Tống
Quày đầu lại hí nhớ tàu Lương...
Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ
Làm người bao nữ phụ quê hương.*

Nguyễn Đình Chiểu theo chủ nghĩa trung quân, không một
ai nghi ngờ điều đó. Nhưng ở trường hợp phải có thái độ sau
hiệp ước 1862, thì cụ công nhiên đứng bên cạnh Trương Định.
Thái độ của cụ là dứt khoát, không đầu hàng, không hợp tác
với giặc, không bàng quan. Cụ xem thái độ bàng quan, giữa
chừng, đi nước đôi là đáng hổ thẹn, "Làm thịnh hổ đứng giữa
hai ngôi" và "Nay Kim, mai Tống thẹn làm người".

7. HÃY TIÊU BIỂU CHO CHÍNH KHÍ NGAY CẢ VÀ NHẤT LÀ TRONG THỜI SUY.

Bất hợp tác với địch, xông măt cho mù để không ra làm
quan với địch, đáng khen thay nhưng vẫn chưa đủ. Theo
Nguyễn Đình Chiểu thì người vì nước, vì dân, vì chính nghĩa
phải có hành động tích cực hơn nữa. Ngày nay, ta chớ trách
tại sao Nguyễn Đình Chiểu theo thuyết "khí vận" để cất nghĩa
thịnh suy của các triều đại các chế độ. Khi ấy Đông phương
chưa biết một học thuyết xã hội nào đúng đắn thì thuyết khí
vận được cụ Đồ ứng dụng nhằm chứng minh rằng : Thời thịnh
qua, thì thời suy đến, song thời suy không thể kéo dài mãi,
thời thịnh nhất thiết phải trở lại.

*Hơi tà ngàn bữa khắp nơi
Nay còn hơi chính ở đời bao nhiêu.*

Ấy là cách bóng bẩy, triết lý siêu hình để nói một sự thật rất cụ thể là bọn hăng Tây, nịnh Tây, hợp tác với Tây trở nên đơng. Nhưng tinh thần chống Pháp đã mất hết đâu ! Hề gặp dịp thì chính khí vẫn biểu hiện. Trong vòng tà khí đen tối, chính khí biểu hiện tấm lòng trung kiên với nước mình. Lam người phải chính trực, bất khuất. Lúc chính khí suy, tà khí lừng, chỗ sợ nói những lời không vừa lòng kẻ xâm lược thống trị dân mình, cho dù nói lên thì bị giết chết. Khi cần thì phải cho chúng có cơ hội để nhận ra rằng chúng có quyền hành mà không có lòng dân, có bạo lực mà không có nhân nghĩa, không sớm thì chầy, chúng sẽ bị tiêu diệt.

Chắc là đến lần kỷ niệm 200 năm ngày sinh của cụ Đồ, con cháu cụ hãy còn nhớ lại vấn đề "Nguyễn Đình Chiểu : đạo làm người" hôm nay chỉ mới được khơi lên.

(Trích **Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu** do Viện khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh và tỉnh Bến Tre phối hợp tổ chức nhân kỷ niệm 160 năm ngày sinh của nhà thơ _ Sở Văn hóa thông tin và Hội văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản - 1984)

ĐỌC LẠI THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

XUÂN DIỆU

... "Lục Vân Tiên là tác phẩm phổ biến nhất của Nguyễn Đình Chiểu, và là tác phẩm cổ điển phổ biến nhất từ Nam Bộ ra đến Liên khu Năm.

Có một hiện thực khách quan, là trong hàng trăm năm nay, quần chúng ở miền Nam rất yêu truyện *Lục Vân Tiên*, kẻ sĩ ngâm nga, người mù mang đi hát dạo, người ta đem những nhân vật *Lục Vân Tiên* ứng vào cho những người thật trong cuộc đời rồi diễn cải lương, (ở Quy Nhơn, tôi đã xem diễn thanh hát bội), rồi có nhiều cốt truyện mô phỏng theo... Bản thân tôi chủ quan có thể yêu thích *Lục Vân Tiên* đến mức nào đó; nhưng tôi muốn khách quan phân tích tại sao đưa vào quần chúng miền Nam, *Lục Vân Tiên* cảm động lòng người đến cao độ như vậy. Theo tôi nghĩ, là vì *Lục Vân Tiên* mang tới cao độ *tính quần chúng và tính miền Nam*.

Lục Vân Tiên được viết vào khoảng trước khi mất ba tỉnh miền đông, sau khi Nguyễn Đình Chiểu bị mù, vào tuổi thanh niên của Nguyễn Đình Chiểu, *Lục Vân Tiên* là hơi thở của quần chúng miền Nam, là ý tình và lời nói của quần chúng miền Nam. Nó là tác phẩm quý báu bởi vì nó được quần chúng miền Nam yêu thương quý báu. Năm 1952, một cây bút trẻ của Nam Bộ, sau khi đi sâu vào nông dân, có nghĩ ra một cốt truyện, định viết bằng văn xuôi. Một đêm khuya, anh đi qua một cái nhà hẻo lánh, thấy đèn còn chong nghe có tiếng, *nói thơ*; đó là thơ *Lục Vân Tiên*. Anh vào thì thấy một nông dân đang nằm, gác hai chân lên cột nhà, tay không có sách vở chi cả, đang thuộc lòng nói thơ *Vân Tiên*. Hơn 100 năm đã qua mà giữa kháng chiến Nam Bộ gian lao, truyện *Lục Vân*

Tiên dân vẫn thuộc, vẫn đưa được sáng khoái đến cho người ta, di dưỡng được tâm tính quần chúng đánh giặc Pháp. Đêm hôm ấy đã cho anh văn nghệ trẻ - chính anh đã kể lại chuyện này với tôi - một bài học về tính quần chúng của Nam Bộ, bài học cụ Đồ Chiểu. Trở về, anh đã đọc đi đọc lại *Lục Vân Tiên* năm lần, và sau đó anh cầm bút viết cốt truyện của anh theo cách *Lục Vân Tiên*...

Vì sao *Lục Vân Tiên* viết vào khoảng 1850, đến cái năm 1952 ấy vẫn còn sống, còn trẻ như thế ? Và năm 1972 này, mai sau nữa, vẫn còn sống trẻ như thế ? Thế tất là nó có những đức tính gì quý báu lắm, hợp với quần chúng lắm, cho nên mặc dầu những chuyện vua, chuyện quan, nhân dân không tán thành một chút nào nữa, mà chàng Vân Tiên, nàng Nguyệt Nga, ông chủ quán, chú đồng, Hồn Minh, Tử Trục, ông Ngự, ông Tiều vẫn cứ sót dèo, vẫn cứ đáng mến yêu.

Trong tác phẩm hàng đầu ấy của cụ Đồ Chiểu, có tính cương trực ngay thẳng của quần chúng, có thái độ dứt khoát như thái độ của quần chúng.

Vân Tiên là người trực tính. Hồn Minh là người trực tính, Vân Tiên thấy có bọn cướp núi, là đánh. Hồn Minh đi giữa đảng gặp Đặng Sinh là con một quan huyện, ý thế cha, đang ép hãm con gái người ta :

Tôi bèn nổi giận một khi,

Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.

Hồn Minh khỏe, to, thấy ngang trái bất công, là bẻ cẳng, không lúi thối gì hết. Rồi bó tay tự nộp cho quan huyện, bị đi đày, vượt ngục, ẩn ở chùa, về sau theo Vân Tiên đi đánh giặc, có công.

Tử Trục cũng xứng với tên của mình, khi Võ Công định gả Thê Loan cho, bèn máng ngay. Ông Quán cũng trực tính. Dĩ nhiên đây là ông Quán trong tư tưởng của cụ Đồ Chiểu, có ẩn tàng kinh luân, nhưng lại vẫn là ông quán bán cơm, kiếm

chút lâu để sinh sống, thế mà thấy Tiên, Trục cùng với Hâm, Kiệm làm thơ, Tiên và Trục xong trước và hay, Hâm và Kiệm lại vu cho chép theo cổ thi, thì ông Quán cười ngay vào mặt, chẳng giữ ý là sẽ mất khách hàng, mà khách hàng sộp (vì Hâm và Kiệm có nhiều tiền).

Chẳng hay ông quán cười chi

Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài

Tiên rằng : - Ông quán cười ai ?

Quán rằng : - Cười kẻ bất tài đề thơ.

Những ông quán đề mất khách hàng như vậy, thực tế không hay có ở trong đời, nhưng quần chúng rất quý yêu, vì thỏa mãn một đòi hỏi, một khát khao của quần chúng về lý tưởng.

Nguyễn Đình Chiểu viết đoạn thơ thương ghét trứ danh; thật ra từ ngàn đời trước, đó là tình cảm phổ biến của nhân dân, và nhiều thi sĩ trước kia đã có những vần thơ về tà, chính; nhưng viết ra tập trung thành mấy chục câu thơ giản dị phân minh, rõ ràng, sắc nét, có nhạc điệu, có tâm tình, khiến ai cũng phải thuộc, thì ai đã viết một cách điển hình như vậy ngoài Nguyễn Đình Chiểu ? Từ Trục mắng Võ Công, mắng Thế Loan, khi ông này định gả con gái cho mình : "Vợ Tiên là Trục chị dâu... "; khi Vân Tiên đồ trạng đẹp giặc xong, vinh quy, mẹ con mẹ Quỳnh Trang và Thế Loan còn tính với nhau đem sắc đẹp làm cho Vân Tiên đắm lòng :

Trang rằng : còn có hồng nhan

Cho chàng thấy mặt thì chàng cũng ưa.

Đến khi gặp hai mẹ con, thì Hón Minh và Từ Trục nói không nề nang chút nào hết :

Hón Minh, Từ Trục đứng coi

Cười rằng : Hoa khéo làm mỗi trêu ong;

Khen cho lòng chẳng thẹn lòng

Còn mang mặt đến đeo bông làm chi ?

*Ca ca sao chẳng chịu đi,
Về cho tẩu tẩu để khi xách giày !*

Cái lối nói "mang mặt đến, vac mặt đến", "chỉ đáng xách giày" là lối nói thẳng thừng của quần chúng trong Nam. Hồn Minh, Tử Trục phản ứng rất mạnh, như quần chúng.

Gần đây tôi lại đem đọc lại một lần nữa đoạn Văn Tiên, Nguyệt Nga gặp nhau. Có những khi ta đọc thiếu ý tứ, ta thua tác giả. Văn Tiên về sau đồ trạng nguyên, làm tướng soái, nhưng là con của một người thương dân quận Đông Thành, hai ông bà tu nhân tích đức, nghèo (về sau nhờ Nguyệt Nga đem tiền đến giúp trước khi đi cống Hồ, nên mới qua khỏi tung thiếu). Văn Tiên là một học trò văn hay võ giỏi, nhưng không mất tính cách quần chúng, trực tính như quần chúng. Chúng ta có thể thấy Lục Văn Tiên hơi cứng nhắc, nhưng - đó chính là cá tính của Văn Tiên, đó là điểm đáng yêu của Văn Tiên. Chúng ta chó nên lấy lẽ lối giai nhân tài tử Á đông hay tập tục galanterie (1) ở Âu châu mà so chiếu vào chàng Lục Văn Tiên này; chàng là nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu, Nam Bộ, Việt Nam, chứ không của tác giả nào khác.

Văn Tiên là học trò nghèo, Nguyệt Nga là con gái quan phủ. Văn Tiên dè dặt là phải, và có hơi cộc lốc, đó có thể là cái giữ ý của giai cấp mình bình dân ;

*Văn Tiên ngó lại rằng "ừ !"
Làm thơ cho kịp chữ chữ chó lâu.*

Nếu như ở ngoài Bắc thì ít nhất cũng "vâng" một tiếng, dăng này trong Nam, Văn Tiên "ừ". Cái cộc lốc đó rất đáng yêu. Và lại Văn Tiên vốn "Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành". Tiểu đồng về sau cũng nói với thầy bói rằng Văn Tiên "Tuổi vừa hai tám còn dăng thơ ngây", là con trai mới lớn lên, có cái chưa thuần thục của con ngựa trẻ, như vậy càng lộ

(1) galanterie :

cái thiên chân, cái bản chất tốt lành của Vân Tiên. Ai tao nhâ ở đâu, tôi cũng mến; Vân Tiên cộc lốc ở đây, tôi vừa buồn cười, vừa rất quý yêu. Đoạn văn gặp gỡ này cụ Đồ Chiểu viết co tàng lỏp, rất ý tứ, - Nguyệt Nga, người con gái trinh liệt sau này, là con quan phủ nhưng rất nhỏ nhẹ khiêm tôn, được Vân Tiên đánh tên cướp núi Phong Lai, giải nguy cứu mình, Nguyệt Nga xiết bao cảm tạ; chúng ta tưởng như nghe thanh thot bẻn tai giọng nói của một cô con gái Nam Bộ hiền hậu :

*... Trước xe quán tử tạm ngồi.
Ma cho tiện thiếp lay rồi sẽ thưa
Chut tôi liễu yếu đào thơ
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần
Hà Khê qua đó cùng gần
Xin theo cùng thiếp đến ân cho chàng...*

"Vân Tiên nghe nói liền cười", cái cười đáng yêu, đáng kính lam sao ! Một cái cười của anh hùng quân tử, hai là cái cười của anh con trai, ba là cái cười của người quân chúng rỏng lương, đều ở trên môi Vân Tiên :

*"... Nhớ câu kiên ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.
Do mà biết chữ thủy chung,
Lựa là đây phải theo cùng làm chi".*

Tôi không theo cô đâu. Nguyệt Nga biết ý chẳng đi, bẻn hỏi qua tên họ :

*Thưa rằng tiện thiếp đi đường
Chẳng hay quán tử quê hương nơi nào ?*

Tại sao đến đây bỗng nhiên :

*Phút nghe lời nói thanh cao
Vân Tiên há nở lòng nào phôi pha,*

bỗng nhiên tình cảm lại thoắt kết một cái nút thứ nhất như thế :

*Đông Thành vốn thiệt què ta
 Họ là Lục thị, tên là Vân Tiên.
 Nguyệt Nga vốn đáng thuyền duyên.
 Tai nghe lời nói, tay liền rút trâm.
 Thưa rằng : - Nay gặp tri âm
 Xin đưa một vật để cầm làm tin.*

Nguyễn Đình Chiểu hạ mấy chữ Vốn đáng thuyền duyên, vốn tức là từ bản chất, tức là có suy nghĩ trước, biết ý tức là tình ý, Đáng là đáng kính trọng :

Vân Tiên ngơ mặt chẳng nhìn,

không ngơ Vân Tiên liền quay mặt đi chẳng nhìn xem vật ấy là cái gì nữa;

Nguyệt Nga liếc thấy càng thìn nét na

Nguyệt Nga rất phụ nữ, rất tình ý, rất *chiều*, thấy Vân Tiên như vậy, thì lại càng yêu hơn, càng *thìn* nét na (chúng ta sung sướng thấy chữ *thìn* từ trong thơ cụ Nguyễn Trãi : *Tính quen khinh bạc điệp chẳng thìn* (1) lại truyền được đến vào thơ cụ Nguyễn Đình Chiểu), càng giữ gìn nét na.

Vật chi một chút gọi là,

Thiếp thưa chưa dứt, chàng đã làm ngơ;

Của này là của vật vơ

Lòng chê cũng phải, mặt ngơ sao đành !

Ồ đây chúng ta bắt được tại sao quần chúng hàng trăm năm nay yêu truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu. Người con gái trách người con trai theo lối bình dân, theo lối nôm na không văn chương gì, mà thậm chí có hiệu quả biết bao !

- Anh chê của chứ sao anh lại chê em, quay mặt chẳng nhìn em.

Vân Tiên khó nói làm thình

Chữ ân đã buộc, chữ tình lây đây.

(1) Tính quen khinh bạc, con bướm chẳng giữ gìn gì cả (đối với hoa)

Dường như Vân Tiên ngay từ đầu đã muốn gạt chữ tình ra cho khỏi bận vào mình; nhưng Nguyệt Nga nói như vậy thì cái dây tơ đã thắt một nút thứ hai nữa rồi.

*Than rằng đó khéo trêu đây
Ôn kia đã mấy, của này rất sang*

Rõ ràng Nguyễn Đình Chiểu đã nói giai cấp của Vân Tiên, của này rất sang, cái trâm bằng vàng ngọc này không phải là vật quen thuộc với tôi; nhưng quý hơn ngàn vàng là một lời nói :

*Gặp nhau đang lúc giữa đang
Một lời cũng nhớ, ngàn vàng chẳng phai
Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài
Nào ai chịu lấy của ai làm gì.*

Như thế là Vân Tiên không giữ một của tin nào của Nguyệt Nga và cũng không để vật tin lưu niệm lại cho nàng. Bởi thế cho nên nàng phải thay thế bằng vẽ tượng - Ngôi bụi của Nguyễn Đình Chiểu ở đây rất tinh tế, rất ý tứ. Nguyệt Nga rất ý tứ. Nàng chỉ tự trách nhược điểm của mình là chưa hiểu biết việc đời, cho nên đã có khi chạm tự ái của Vân Tiên, và chỉ riêng than thở với cái trâm xấu số của mình, trách nó vô duyên nên mới bị người ta từ chối.

*Thưa rằng chút phận nữ nhi
Vốn chưa biết lẽ, có khi méch lòng,
Ai dè những đắng anh hùng,
Thấy trâm thôi những thẹn thùng cùng trâm
(Riêng than : Trâm hỡi là trâm !
Vô duyên chi bấy, ai cầm mà mợ)
Đưa trâm chàng đã làm nơ
Thiếp xin đưa một bài thơ giả từ
Vân Tiên nói lại rằng "ừ" !*

Nghe nói tặng thơ, bấy giờ Vân Tiên mới quay lại, và tiếp theo là cái tiếng "ừ" vô song, tôi chưa thấy trong truyện thơ nào đã có nó; nó rất quý báu, nó là hơi tiếng của quần chúng miền Nam vào trong thơ truyện giai nhân tài tử của ta.

*
* *

Trong truyện Lục Vân Tiên, có cái trào phúng, cái đã kích của quần chúng. Nguyễn Đình Chiểu rất ghét bọn sâu mọt của xã hội, bọn lợi dụng, bọn gian trá. Trong Lục Vân Tiên, ông bước đầu đã kích chúng, về sau trong *Ngư Tiều vãn đáp*, ông lại viết bản án của chúng một cách gắt gao hơn và đưa chúng ra trước pháp luật của một xứ sở công minh mà ông ngưỡng tượng. Trong *Dương Từ Hà Mụ* ông đã kể tội của bà mụ dốt :

Làm tuồng chộn rộn sợ hung
Chủ nhà van vái tứ tung linh tàng

Tác giả Lục Vân Tiên có những trang trào phúng, những trang hiện thực phê bình rất sinh động; cái truyện xảy ra ở nước "Tây Minh" nào đó, thực chất là hiện thực, hiện trạng của xã hội miền Nam Việt Nam trước đây một trăm năm. (kéo dài mãi cho đến về sau); vì thế nên quần chúng tìm thấy trong Lục Vân Tiên một bức tranh xã hội của mình, có người máng chửi họ mình, thì rất ưa thích - Vân Tiên đau mắt, tiểu đồng đi kiếm thầy thuốc, tìm được thầy Ngang; y hỏi tiền trước khi hỏi bệnh, khoe nhà ba đời làm thuốc, học nhiều sách, khoác lác, tán phét, lấy hai lạng bạc mà còn cho là làm phúc; mười ngày bệnh Lục Vân Tiên không bớt, lại còn đòi tiền thêm; thầy Ngang bèn đẩy cho tiểu đồng đi tìm thầy bói. Thầy bói bắt *Đặt tiền quan một bốn mươi, Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành*, bói rồi thì đồ cho ma quỷ, bảo phải tìm thầy pháp. Tội nghiệp cho tiểu đồng, vì thương Vân Tiên mà "chạy bôn bôn", học tốc tắt tả đi tìm. Vào nhà thầy pháp,

y đòi ngay ba lạng bạc; tiểu đồng nói : " Tôi còn dành được hai lạng bạc ở nhà". Thầy pháp bảo : "Về lấy sang đây !"

Bây giờ tôi rất hiểu tại sao đại chúng rất ưa thích *Lục Vân Tiên*. Nó sinh động, đa dạng. Tác giả tả được tính nết, thần thái, ngôn ngữ của nhiều hạng người có thật trong xã hội, người đọc, người nghe liên hệ được người trong truyện với kẻ trong đời, mà liên hệ một cách thiết thực nôm na. Những Trịnh Hâm, Bùi Kiệm người ta gặp hàng ngày trong xã hội miền Nam. Văn Nguyễn Đình Chiểu tả bọn thầy lang bậm, thầy boi, thầy phủ thủy thật là đáng tức cười, như thầy chúng đang quả tang hành sự. - Thầy pháp thoát đầu chợ tiểu đồng, khéo tài của mình : - "*Pháp hay hú gió kêu mưa*" thì nghe oai lắm, nhưng đến khi "*Sai chim, khiến lộn, đuổi lừa, bắt trâu*" thì thật là buồn cười. Rồi thầy pháp biểu tiểu đồng nằm xuống đây cho y chữa, và Văn Tiên đang nằm ở nhà sẽ khỏi. "Dau nam chữa bác mà thuyên mới tài". Thế rồi :

Pháp bèn cất tiếng hét lên

và mời bao nhiêu thần thánh về chữa bệnh; ngôn ngữ của hân thật là ba lạng nháng :

Thỉnh ông Đại thánh tề thiên

Thỉnh bà vũ hầu đều liền đến đây

Thỉnh ông Nguyễn soái chinh Tây

Cùng bà Vương Mẫu sum vầy một khi...

... Thỉnh trong thiên tướng thiên binh.

Cùng là tam phủ động đình xích lân.

thật là như quần chúng bảo : Nói thiên binh thiên tướng, noi huyền thuyên xích đế. - Cái hiện thực phê phán đó, ta nhìn thấy khi Nguyễn Đình Chiểu tả cha mẹ và con Thế Loạn, ta Trịnh Hâm, Bùi Kiệm. Bùi Kiệm dốt nát, khi nghe ông quán cười cho, thì nổi sung tự ái và mắng :

Kiếm rằng : - Lão quán nói nhanh

Dầu cho trái việc cũng thẳng bán cơm

Gỏi rơm theo phận gỏi rơm

Có đầu ở thấp mà chồm lên cao

Thật là miệng lưỡi của các giai cấp bóc lột áp bức. Đáp câu nói láo xược và lập trường ngu ngốc của Bùi Kiệm, ông quán đứng trên vị trí cao cả của trí tuệ, mà nhìn lại Kiệm, trả lời :

Uổng thay đàn gảy, tai trâu

Nước xao đầu vịt, nghĩa lâu nực cười

Những tên tiểu nhân đặc thế đó, bản chất của chúng rất hèn mạt. Trịnh Hâm trước đây lập thế trời tiểu đồng trong rừng, xô Vân Tiên xuống sông, nay Vân Tiên đồ trạng, cầm bình, Trịnh Hâm bị dẫn đến hồi tội, nói xoen xoét ton hót ;

Truyện quân dẫn Trịnh Hâm vào,

Mặt nhìn khắp hết, miệng chào các anh

Hón Minh bèn gạt di :

"Ai mượn kêu anh ?"

Đến lúc được tha thì

Hâm rằng : "Khỏi chết rất vui"

Vội vàng cúi lạy, chân lùi ra về

thật không còn gì tư thế của một con người, nó thốt ra mồm mừng rỡ : "khỏi chết rất vui !" rồi ngoắt đuôi cảm ơn và cút thẳng.

Còn Bùi Kiệm thì :

Con người Bùi Kiệm máu dê

Ngồi chề bề mặt như sề thịt trâu

nó đi vào trong thiên cổ với sự cách điệu hóa của quần chúng miền Nam, với cái mặt như một rổ (sề) thịt trâu ôi đã đen xạm lại tha - Đến như tên thái sư đã hãm hại khiến Nguyệt Nga phải cống Hồ thì :

Có người xan cả ngôi sao

Thái sư chức trọng trong trào sắc phong

Đó là tại trong trào đình phong kiến bậy thế.

Quần chúng yêu truyện Lục Vân Tiên bởi trong ấy có những nhân vật quần chúng rất đáng kính mến.

Ông bán quán, hai vợ chồng nhà chài, ông tiểu phu, anh hề đồng, Nguyễn Đình Chiểu nói đến họ là rất chăm chút trân trọng, như mỗi câu, mỗi nét đều chú ý đề cao tư thế cho họ; họ là nhân dân lao động, họ có tấm lòng tốt vô giá, họ chăm lo làm ăn, họ trọng nghĩa khinh tài, họ là đại diện cho chính nghĩa, vì chính nghĩa mà cứu giúp Vân Tiên thoát nạn; Họ có cái trí thức của người lao động, với Đỗ Chiểu những người lao động ấy cũng là những người có tai ghệt đời ô nhục, mai danh ẩn tích; chính Đỗ Chiểu là Vân Tiên, chính Đỗ Chiểu là ông Ngư, ông Tiều.

Vân Tiên bị Trịnh Hâm xô xuống sông :

*May vừa trời đã rạng ngày,
Thuyền chài xem thấy vớt ngay lên bờ
Khiến con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày*

Cả một gia đình nhà chài, cha, mẹ, con xúm xít cứu chữa cho người mắc nạn. Ông chài bảo Vân Tiên ở với ông,

Sớm mai hẩm hút một nhà chò vui

Võ Công thấy Vân Tiên mù đem bỏ vào hang cho rảnh khỏi một tên rể tàn tật; Vân Tiên được một vị thần cứu khỏi hang đem để ngoài đường lớn, được một người lấy củi cứu cho. Chúng ta thấy đáng diêu cần lao của ông lấy củi :

*Lão Tiều cơm gói sẵn sàng
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng*

Gặp Vân Tiên, nghe kể chuyện lại, ông Tiều than một câu rất giận hờn và rất thương mến :

Ít người trong tuyết đưa than,

Khó ngồi giữa chợ ai màng đoái thương

Ông Tiều nói với Vân Tiên như cha nói với con :

Già hay thương kẻ thảo ngay,

Nào thoi để lão dắt ngay về nhà

Vân Tiên đòi, sáu bữa nay không có hạt cơm nào vào bụng, tứ chi rũ liệt không bước được nữa,

Lão Tiều này ngờ nực cười

Mở cơm trong gói, miếng mời Vân Tiên

Gắng mà ăn uống cho yên,

Lão ra sức lão công Tiên về nhà

Chúng ta tưởng thấy cái lưng cụ Tiều phu đã hơi còm rồi, nhưng chòm râu dưới cằm còn rất nhanh nhẹn, và người ghe lưng công người trẻ, công đưa con mắc nạn về.

May sao ra khỏi rừng thì gặp Hồn Minh, Vân Tiên và Minh mừng rỡ kể chuyện với nhau; chúng ta lại thấy ông Tiều;

Tiều rằng : chẳng dám ngồi lâu

Vào rừng đốn củi kéo hầu chợ phiên

Tác giả Đồ Chiểu thật đã quan sát kỹ người lao động, họ rất quý công việc. Trước ông Tiều cao cả như vậy. Hồn Minh quý gối lạy liền, Hồn Minh có hai lượng bạc xin đưa tạ ơn, ông Tiều cũng như ông Ngự, lại từ chối :

Công hầu phú quý mặc ai,

Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày

Người tiểu đồng theo giúp Vân Tiên cũng là một tấm lòng cao quý. Ở đây ta không nói cái nghĩa tử thầy theo lối phong kiến. Nguyễn Đình Chiểu không thể vượt ra khỏi thời đại của mình; ta chỉ nhìn cái khía cạnh hy sinh của tiểu đồng, Vân Tiên và tiểu đồng đùm bọc nhau ; khi Vân Tiên đau ốm, tiểu đồng tận tụy tất tả chạy tìm thầy tìm thuốc, tiểu đồng thực tha, dễ bị bọn thầy bói, thầy pháp lừa. Mấy năm trời tiểu

đồng tướng Vân Tiên chết, Vân Tiên cũng tướng tiểu đồng chết; lúc được vinh hiển rồi, thì làm lễ tế tiểu đồng, nhìn bài vị mà khóc rờn rờn. Xui đâu tiểu đồng đi qua đó :

*Tiểu đồng ngấm ngửa nhìn nghiêng
 Ông này sao giống Vân Tiên cũng kỳ ?
 Ông nào mà xuống âm ty ?
 Ông nào còn sống nay thì làm quan ?
 Trạng nguyên khi ấy hỏi chàng
 - Phải người đồng tử mắc nạn chốn ni ?*

Cái ưu ái đối với người lao động, sự kính mến họ là một đặc điểm của tâm hồn Đỗ Chiếu. Sau này khi những người ấy là nông dân tự nghĩa đánh quân cướp nước, thì cụ Đỗ Chiếu lại càng kính trọng yêu mến vô ngần. Chính cái thái độ quý trọng người lao động ấy đã làm cho quần chúng thấy ở truyện Lục Vân Tiên một câu chuyện của mình, thấy tác giả là bạn mình, là bà con của mình, là người nhà mình.

*
* *

Quần chúng miền Nam yêu truyện Lục Vân Tiên, vì tác phẩm ấy trữ tình, diễn tả tình cảm nhiều đoạn dạt dào, cảm xúc được họ, tạo cho họ những tình cảm lôi cuốn. Chúng ta thấy truyện Lục Vân Tiên sau khi mở đầu bằng một cảnh dân chạy giặc và người đánh lũ giặc núi, thì bắt đầu ngay bằng mối tình giữa Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên; cái chí tình của Nguyệt Nga ngay những lúc đầu đã làm cho người đọc cảm động. Việc Nguyệt Nga nhớ Vân Tiên, vẽ thành một bức tượng hình Vân Tiên, và từ đó không rời bức tượng nữa, là một điển hình, một sáng tạo ai cũng nhớ. Từ đó về sau, hễ có Nguyệt Nga là có bức tượng Vân Tiên, Nguyệt Nga tượng trưng cho sự chung tình, sự thủy chung. Người con gái đó biết suy nghĩ, biết xử sự hợp nghĩa, hợp tình. Bức tượng Vân Tiên

đã thành một điệp khúc trong tập thơ :

*Lâu lâu một tấm lòng thành
Họa ra một bức tượng hình Vân Tiên*

Cái tình yêu muôn thuở của con người, khi thì nó hóa ra dật gấm, chức cấm hời vãn như nàng Tô Huệ, khi thì nó ẩn trong tiếng đàn của nàng Kiều, khi thì nó hóa thành những bài thơ như trong Tình sử, như trong Sơ kính tân trang, khi thì nó hóa thành một bức chân dung hời ức như là Nguyệt Nga. Khi Lục ông đến thăm Kiều ông cha của Nguyệt Nga, Lục ông cho biết tin đồn vang là Vân Tiên đã chết. Nghe tin đó :

*Nguyệt Nga đứng dựa bên phòng
Tay ôm bức tượng khóc ròng như mưa*

Nguyệt Nga nhuộm bệnh, nhớ khi gặp Vân Tiên giữa đang

*Công đà chờ đợi bấy lâu
Thà không cho gặp buổi đầu thì thôi
Biết nhau chưaặng mấy hồi
Kẻ còn người mất trời ôi là trời !*

Nguyệt Nga bị tên thái sư hãm hại, bị đem đi cống Hồ sang nước Ô Qua, trước khi đi, sang nhà Lục ông làm chay bảy bữa cho Vân Tiên :

*Ăn chay nằm đất cho chàng Vân Tiên
Mở ra bức tượng treo lên
Trong nhà cho tới lảng giềng đều thương*

Nguyệt Nga chu đáo để tiền lại nuôi dưỡng Lục ông. Khi đi thuyền sang cống nước Ô Qua, Nguyệt Nga trầm mình. Đoạn này là một đoạn rất cảm động :

*Đêm nay chẳng biết đêm nào
Bóng trắng vàng vạc, bóng sao mờ mờ
Trên trời lạng lẽ như tờ*

Nguyệt Nga nhớ nổi tóc tơ chẳng tròn
Than rằng : - "Nọ nước kìa non
Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu ?"
Quân hầu đều ngủ đã lâu
Lén ra mở bức rèm châu một mình,
- "Vẳng người có bóng trăng thanh
Trăm năm xin gửi chút tình lại đây
Vân Tiên anh hỡi có hay
Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng !"
Than rồi bức tượng vai mang
Nhắm chừng nước chảy vội vàng nhảy ngay

(Đối với câu "nhảy ngay" này, một người bạn của tôi trước đây có nói đùa là : "Sao lại có thể nhảy ngay như thế được, khác nào như nhảy vào bể bơi !" Và tôi cũng đã cười tán thành ý ấy. Bây giờ tôi nghĩ lại trước khi nhảy xuống sông Tiền Đường, Kiều thật là man mác "Cửa Bồng vội mở rèm châu - trời cao sông rộng một màu bao la". Nhưng bút pháp của mỗi tác giả một khác. Nguyễn Du có thể tả Kiều khi nhảy vẫn còn lưu luyến lưỡng lự; Nguyễn Đình Chiểu cũng có thể tả Nguyệt Nga nghĩ suy, cân nhắc, lưỡng lự giữa cái sống và cái chết, nhưng đối với Nguyễn Đình Chiểu, cân nhắc là cân nhắc trước khi nhảy, nhưng khi đã nhảy, thì thế tất phải *nhảy ngay* ! Không thể nào nhảy trù trù được. Và lại không nhảy ngay thì Kim Liên và năm chục thiếu nữ theo hầu biết được cũng không thể cho nhảy nào. - Câu thơ không hay, đó là một việc khác).

Trở lại chuyện bức tượng, khi Nguyệt Nga được vớt lên cũng vớt liền với bức tượng, nước sông không có thể rút ra trôi đi được; đến khi vào ở nhà Bui ông không ở được, bởi con là *Bui Kiệm máu dê*, phải bỏ trốn ra đi thì cũng :

Dấn trong vạch phấn một tờ
Vai mang bức tượng kịp giờ ra đi

Đến lúc tái hợp cũng là nhờ bức tượng; Văn Tiên :

Hỏi rằng : - Bức ấy tượng chi

Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình

Đó là bút pháp văn học cổ. Một nét đơn giản nhưng lập lại mãi mà đúng chỗ, thì trở thành sự giản dị lớn lao, trở thành sự vĩ đại trong cái đơn giản. Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tạo điển hình này một cách thành công đặc biệt.

Lục Văn Tiên phổ biến tuyệt đối ở Nam bộ ra đến Liên khu Năm - Năm 1864, Aubaret dịch Lục Văn Tiên ra tiếng Pháp. Năm 1883 Albin des Michels dịch ra thành thơ Pháp.

"Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này".

"Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy". Những lời của đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết năm 1963, nhân kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, đã giúp đỡ cho tôi rất nhiều..."

(Trích Tác Phẩm Mới số 20; 1972)

THƠ VĂN YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP ĐỈNH CAO CỦA NHỮNG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

THẠCH PHƯƠNG

Thơ văn yêu nước chống Pháp là phần sáng tác có giá trị lớn nhất, cả hai mặt nội dung cũng như nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là "những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay từ buổi chúng đặt chân lên đất nước chúng ta" Chính những sáng tác này đã nâng Nguyễn Đình Chiểu lên vị trí một ngôi sao sáng nhất trong vòm trời văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX. Đây là thời kỳ ngòi bút ông có sự chuyển biến về chất. Không những ở phương diện đề tài, chủ đề, mà cả về mặt bút pháp cũng thay đổi rõ rệt. Bài thơ *Chạy giặc* chính là tiếng nói cấp báo đầu tiên về một cuộc chiến tranh đã thật sự ập xuống đầu dân chúng ba tỉnh miền Đông Nam bộ. Giặc không còn rình rập ngoài ngõ nữa, chúng đã vào trong nhà, đang cướp của, giết người, đốt phá, hãm hiếp...

Thế là những lo âu, chờ đợi căng thẳng về một tai họa lớn đến đây bùng vỡ bởi những "tiếng súng Tây" - tiếng súng của bọn xâm lược mới ở cách đất nước ta hàng vạn dặm, từ trang bị đến thủ đoạn, biện pháp đều khác xa với kẻ thù truyền thống phương Bắc, mà ngay bản thân Nguyễn Đình Chiểu, ở điểm này, cũng chưa hiểu hết bản chất của nó. Trời Bến Nghé, Đồng Nai, cá của tiền, tranh ngôi - công sức lao động của bao đời - biến thành mây khói.

Nhưng để cản bước tiến của kẻ thù xâm lược hung hãn được vũ trang khá mạnh, quan quân của triều đình lại tỏ ra qua tời. Điều ấy không phải làm cho Nguyễn Đình Chiểu ít

hiều phải thàng thốt, bàng hoàng : "Hồi trang đẹp loạn rày
đâu vắng, nỡ để dân đen mắc nạn này?"

Bài thơ **Chạy giặc** mở đầu một chủ đề sáng tác mới tập trung nhất của ông, dù đó là những năm tháng tạm lánh về dạy học ở quê vợ Cần Giuộc, hay "Day mũi thuyền Nam" về "tị địa" ở vùng đất Ba Tri, mà sau đó chẳng bao lâu cũng đều chịu chung số phận "Bò côi xưa đã chia đất khác".

Thực ra, không phải chờ đến khi quân xâm lược đổ bộ lên cửa biển Cần Giò, rồi kéo vào bắn phá thành Gia Định, nhà thơ mới dùng tiếng nói nghệ thuật tố cáo hành động quân xâm lược. Với cảm quan nhạy bén được kết tinh từ một tâm hồn yêu nước, yêu dân nồng cháy, bằng những kinh nghiệm thực tiễn thu nhận được qua hậu quả hàng loạt chính sách cực đoan và ngu xuẩn của triều đình nhà Nguyễn đối với đạo Thiên Chúa lúc bấy giờ, ông đã rung lên những hồi chuông báo động nghiêm trọng về một nguy cơ mất nước khó tránh khỏi ngay từ trong Dương Tử - Hà Mậu. Nguyễn Đình Chiểu đã sớm nhận ra rằng thứ "thuốc phiện tinh thần" ấy (đạo Tây) được kết hợp với thuốc phiện thật (nha phiến) do lái buôn nước ngoài đưa đến, để cùng một lúc tấn công vào não bộ và cả thể lực của nhân dân, thì vô cùng nguy hiểm. Ý chí và sức mạnh của dân tộc chẳng mấy chốc mà kiệt quệ, tiêu ma.

Khôn đâu tránh khỏi bấy dò

Lại đem nha phiến bán cho hút ghiền

Nằm co ôm ống nổi liền

Nào rồi toan chức đánh Phiên đẹp loạn

Trước một tình thế như vậy, lẽ ra phải có một chính quyền đủ sáng suốt, đủ sức mạnh và uy tín để đoàn kết toàn dân, chặn đứng âm mưu của kẻ thù, thì cái nhà nước phong kiến triều Nguyễn lại rơi vào cơn khủng hoảng nghiêm trọng. Bọn tham quan ô lại cùng đám trí thức phong kiến có hội đua nhau xu nịnh, giành giật chức tước, địa vị, tranh nhau đục

khoét dân. Chính sách cai trị, đối nội thì tàn bạo "dữ quá cạp vàng", "độc quá hồ mang, thường lường" (DTHM) đối ngoại thì bảo thủ, uơu hèn.

Đến khi tiếng súng xâm lược bắt đầu nổ thì cái triều đình thối nát ấy chỉ lo tính chuyện đầu hàng để được yên thân, bỏ mặc dân cho kẻ thù tha hồ dày xéo, cướp bóc, ức hiếp.

Trước hiện thực đau xót ấy, Nguyễn Đình Chiểu đã tập trung mũi nhọn ngòi bút để vạch trần chân tướng của giặc, tố cáo những hành động tội ác của chúng, làm bật dậy lòng căm thù không đội trời chung đối với quân cướp nước (Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc, Cáo thị, Tế lục tỉnh sĩ dân trận vong văn...)

Tuy nhiên, còn một hiện thực thứ hai nổi lên khá rõ đập vào ý thức và tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là thái độ và hành động của nhân dân Nam bộ lúc bấy giờ. Không chấp nhận thân phận bị triều đình "bò rơi", họ tập hợp nhau lại, tổ chức chiến đấu chống lại quân cướp nước để tự bảo vệ lấy mình, giữ gìn từng tấc đất, ngọn rau và những gì yêu quý, thiêng liêng nhất, mà cha ông họ đã dày công tạo dựng nên. Hàng vạn dân mộ nghĩa đã tự giác tập hợp lại dưới cờ chiến đấu của các lãnh tụ nghĩa binh, tiến hành cuộc kháng chiến vô cùng anh dũng. Trước thực tế đó, rõ ràng lòng yêu nước thương dân tràn đầy ước mơ cao đẹp của anh thanh niên Nguyễn Đình Chiểu của một thời ra công dồi mài đèn sách để thi đỗ, lập thân, mong "gặp nắng khi hạn, toan phần làm mưa", đem lại cho người dân một cuộc sống dễ chịu hơn là không đủ và không phù hợp nữa. Ngay cả thái độ yêu ghét khá phân minh mà ông Quán đã "thuyết giáo" trước đám sĩ tử, giở đây giữa cảnh nước mất nhà tan, giữa sự mất còn của đất nước cũng cần phải được "mở rộng tiêu chuẩn" hơn, phải được tập trung chĩa thẳng vào kẻ thù chính. Cũng thế, cái khái niệm về "máy thăng gian", mà nhà thơ đã hơn một lần khẳng

định là đối tượng chiến đấu của ngòi bút mình, cũng phải được quan niệm lại và cần mở ra trên một bình diện rộng lớn, đầy đủ hơn. Phải nói rằng hiện thực đời sống, hiện thực chiến đấu của nhân dân đã nâng đôi cánh của thơ ông trong giai đoạn này vươn lên một hướng mới, một tầm cao mới. Từ thơ được mài sắc hơn, chất chính luận trực tiếp và tính thời sự nóng bỏng, đặc biệt trong các bài thơ điệu, bài văn tế đã làm cho thơ ông đi thẳng vào lòng người hơn, "muốn tới ăn gan", "muốn ra cắn cổ" kẻ thù.

Đất trời này, giang sơn này, dứt khoát không có chỗ dung thân cho "lũ treo dê bán chó". Một thái độ khinh bỉ đến tột cùng, khi nhà thơ nhắc đến bọn chúng : bọn "mọi", "lũ mọi rợ", bọn "quỳ trắng", "man di", "bầy tinh chiên"... Và cái lũ theo đóm ăn tàn, những hạng người phản phúc, uơn hèn lừa bịp, những tên hòng lạc, đầu có chính trị, nấp bóng kẻ thù để kiếm chác cũng bị nhà thơ hạ bút liệt chúng vào loại "đồ bò" "đồ thui", "dô dô".

Nếu Nguyễn Đình Chiểu cảm ghét bọn cướp nước và bọn bán nước tay sai bao nhiêu, thì ngược lại, đối với nhân dân, đối với nghĩa quân và những người lãnh đạo cuộc kháng chiến cứu nước, ông đã dành cho họ những dòng thơ tràn đầy xúc động, những tình cảm nồng ấm, trang trọng nhất, những lời ca ngợi chân thành và hàm súc nhất. Đường như ở giai đoạn này nhà thơ đã dành tất cả nhiệt tình, tâm huyết mình để nói lên nỗi khổ chung của đồng bào trong cảnh nước mất nhà tan. Toàn bộ thơ văn sáng tác từ sau tiếng súng xâm lăng đều là niềm tâm sự lớn lao về số phận của dân tộc, về lẽ sống của người dân, tâm sự đó được tập trung ở hai chủ đề lớn : Độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc yên vui cho mọi người dân, mọi nhà. Theo ông, nước mất là bất hạnh lớn nhất, là nỗi đau sâu nặng nhất của một dân tộc.

Trong *Tế Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn*, khi miêu tả về nỗi đau khổ của nhân dân dưới sự thống trị của bọn xâm lược,

lòng của nhà thơ quận thất, xót xa. Cảm giận và thương đau như một mạch nước tuôn trào chảy suốt qua những dòng chữ, dù đó là bài thơ miêu tả hiện thực chiến tranh buổi đầu (Chạy giặc) hay khóc thương những đồng chí hy sinh - (12 bài điệu ho Trương và 10 bài điệu họ Phan) hoặc trong những bài văn tế ngợi ca những tập thể anh hùng (Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc, Tế Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn).

Nhưng ở thơ văn yêu nước chống Pháp, ngoài tinh thần nhân đạo rộng lớn và sự đồng cảm sâu xa về nỗi khổ của người dân, tác giả còn phát hiện một chân lý lớn : vai trò và giá trị của nhân dân trước những thử thách khốc liệt nhất của lịch sử. Ngôi bút của nhà thơ đã đạt đến những thành công rực rỡ trong việc khắc họa những người anh hùng, mà gốc gác là những con người lao động bình thường, lam lũ làm ăn.

Bằng những chi tiết sống động, chân thực và giàu sức gợi cảm, Nguyễn Đình Chiểu đã làm bật lên những nét đẹp trong hành động cũng như trong tâm hồn của lực lượng cơ bản này của xã hội. Mỗi quan hệ giữa sống và chết, giữa quyền lợi cá nhân và lợi ích dân tộc, giữa vua và nước, giữa truyền thống anh hùng và truyền thống nhân đạo, giữa tình thương và nỗi ghét v.v... được tác giả kiến giải một cách nhất quán, biện chứng, trên cơ sở của một thế giới khá tiến bộ so với những người cầm bút đồng thời với ông.

Trong những tác phẩm ngợi ca chiến công về những anh hùng bất khuất có tên cũng như không tên trong cuộc chiến đấu chống xâm lược, bài văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc nổi lên như một điểm son chói lọi. Ấng văn kiệt xuất đã từng làm xúc động lòng người nhiều thế hệ đã qua này chính là một đài kỷ niệm cao quý, mà Nguyễn Đình Chiểu đã dựng lên để tưởng nhớ những người nông dân anh hùng đã xả thân vì sự nghiệp cao cả của đất nước.

Lê sống và yêu cầu phải hy sinh vì đại nghĩa của dân tộc

qua hình tượng của những người nghĩa sĩ nông dân, mà tác giả đã tái hiện trong tác phẩm, vừa nói lên sự thật hoàn chỉnh về phẩm cách của người lao động, vừa mang một giá trị thẩm mỹ có sức rung động sâu xa. Cái chết của họ đã hòa thành bất tử : "danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều hay" và "tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ". Dù họ đã vĩnh viễn ngã xuống trên đất quê hương, nhà thơ vẫn để cho linh hồn họ "theo giúp cơ binh" nghĩa là những người đang còn sống cầm vũ khí tiếp tục cuộc chiến - rằng "sống đánh giặc" đã đánh, mà "thác cũng đánh giặc". Sáng tạo nghệ thuật độc đáo này của nhà thơ có giá trị tô đậm thêm cái ý chí cứu nước, cứu dân của những người nghĩa sĩ, nghĩa tướng như một truyền thông bất khuất của bao đời cha truyền con nối, một nét đặc trưng tiêu biểu của bản sắc dân tộc.

Bài văn tế cũng nói lên tấm lòng gắn bó sâu xa, sự đồng cảm giao hòa giữa quần chúng nhân dân với những người anh hùng cứu nước đã hy sinh cho đại nghĩa ngay tại nơi xảy ra trận kịch chiến lịch sử.

*Doái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng
Nhìn chợ Trường Bình già trẻ hai hàng lụy nhỏ*

Phải có một trái tim nồng cháy yêu thương và một tài năng lớn mới dựng lên được những hình tượng nghệ thuật xúc động sâu sắc lòng người đến thế. "Khúc ca về những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang" (1), với những sang tạo đặc sắc như đã nói trên đã nâng hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân trong cuộc chiến tranh giữ nước lên một tầm vóc mới, chưa từng có trong văn chương trước đó.

Tinh thần yêu nước bất khuất, lòng anh dũng tuyệt vời, hành động hoàn toàn tự nguyện của họ trước tình huống Tổ quốc lâm nguy, cùng bao nhiêu những nét đẹp đẽ và hùng tráng trong chiều sâu tâm hồn của những người "dân ấp",

(1) Phạm văn Đồng : S.d.đ 4

dân lân" phải chờ đến ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu mới được phát hiện và miêu tả trọn vẹn, đúng bản chất của họ. Nhà thơ không chỉ thấy được vai trò và sức mạnh lớn lao của họ trong lịch sử, mà còn hết lời ca ngợi tư tưởng dám đánh giặc của họ, trong khi triều đình có binh tướng trong tay mà run sợ, ngán cản. Và trong thực tế, họ đã từng đánh thắng nhiều trận oanh liệt. Ý nghĩa khách quan của tư tưởng dám đánh và đánh được giặc là một lời phủ định hùng hồn cái tinh thần thất bại chủ nghĩa của tập đoàn phong kiến thống trị đương thời và dám sỉ phũ uơng hèn đang dùng mọi lời hoa mỹ để biện hộ cho thái độ bạc nhược, lẩn trốn trách nhiệm của họ.

Bên cạnh những lời ca bất khuất, những tiếng chửi đầy phẫn nộ ném thẳng vào mặt kẻ thù, trong thơ văn yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu, không phải không có tâm trạng bi lụy, thậm chí có cả tiếng khóc, tiếng nấc tiếc thương xoáy tận ruột gan người đọc, người nghe. Nhưng âm hưởng chủ đạo toát lên từ những dòng chữ vẫn là tinh thần lạc quan cùng những ước mơ tràn đầy về một tương lai xán lạn của đất nước. Giữa những ngày đen tối nhất của cuộc chiến đấu không cân sức này, nhiều bạn bè đồng chí của nhà thơ đã ngã xuống, một số lãnh tụ nghĩa quân khác bị bắt, bị giết, lực lượng kháng chiến yếu dần, tan rã, nhưng nhà thơ mù của chúng ta vẫn hy vọng, tin tưởng rằng "một trận bão rồi bờ cỏ sạch", "một trận mưa nhuần rửa núi sông" tất yếu phải đến. Mây mù sẽ tan đi, tà khí sẽ bị quét sạch, đất nước sẽ không còn chịu cảnh "dưa chia khăn xé".

Chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu là nét quán xuyến xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác của ông, đương nhiên có mức độ đậm nhạt khác nhau ở tác phẩm này hay tác phẩm khác, mà phần văn thơ chống Pháp là đỉnh cao nhất. Ở phần này, tư tưởng và tài năng nghệ thuật của ngòi bút ông đạt đến độ chín nhất. Tuy nhiên, khi đề cập đến tư tưởng yêu nước thương dân trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu,

không thể không nói đến Ngụ Tiếu y thuật vấn đáp, tác phẩm viết vào giai đoạn cuối đời. Ở tập sách vừa mang nội dung y thuật vừa mang nội dung yêu nước độc đáo này, tác giả đã gửi gắm một tâm sự lớn về số phận và lẽ sống của con người trong cảnh đời nô lệ.

Ở đây, nỗi đau của dân tộc vẫn là nỗi đau tiếp nối của cảnh "dưa chia khăn xé" trong thơ văn chống Pháp, nhưng tập trung hơn, day dứt hơn nhiều, bởi lẽ thời cơ để giải phóng đất nước gặp nhiều bất lợi hơn xưa. Bao nhiêu nhân vật có tâm huyết đánh "ôm tài giấu tiếng" như một cách thế chọn lựa bất đắc dĩ để bất hợp tác với giặc, giữ trọn đạo nghĩa với nước với dân. Chúng ta nhớ rằng ở giai đoạn này, chính quyền thực dân về cơ bản đã được thiết lập xong trong toàn cõi lục tỉnh, bản thân nhà thơ tuổi đã cao, lại thêm cái bệnh ngày càng nặng tai trầm trọng, thế nhưng ngọn lửa yêu nước ở trong tâm hồn ông vẫn không tắt.

Hỡi bạn "y lâm" ai có hỏi

Đò xưa bến cũ có ta đây !

Thực tế phũ phàng của đất nước, sự suy giảm của sức lực theo quy luật tự nhiên vẫn không hề làm suy yếu tâm lòng ưu ái với nước non, với dân tộc. Vẫn là trước sao sau vậy, bên bỉ và son sắt, một tiếng đáp lại "có ta đây", khi bạn bè, đồng chí - "đò xưa bến cũ" - kêu gọi, khi Tổ quốc cần đến. Một tiếng "có" quý giá biết bao nhiêu khi ta đặt nó bên cạnh hình ảnh của Kỳ Nhân sư (Ngụ Tiếu y thuật vấn đáp) tượng trưng mu dòm mắt để dứt khoát một tiếng "không" bất hợp tác với giặc, hay bên cạnh tiếng nói khước từ mọi bổng lộc, ưu đãi, mua chuộc, mà tên chủ tỉnh Bến Tre Pông-sông (Ponchon) đại diện cho chính quyền thuộc địa lúc bấy giờ nhiều lần ngỏ ý muốn dành cho cụ. Hai thái độ của một tâm hồn, một nhân cách - tâm hồn và nhân cách Đỗ Chiếu.

Khi đánh giá L.Tolstoi "tâm gương phản chiếu cách mạng

Nga", Lê-nin đã viết : "Nếu đứng trước mắt chúng ta là một nghệ sĩ vĩ đại thật, thì nghệ sĩ đó phải phản ánh được trong tác phẩm của mình ít ra vài ba khía cạnh chủ yếu của cách mạng" (1). Như Tolstoi đời với thời đại ông, Nguyễn Đình Chiểu cũng có những hạn chế do hoàn cảnh lịch sử qui định, từ ở một phương trời khác, một hoàn cảnh xã hội khác, bằng tác phẩm của mình, nhà thơ mù đất Đàng Nai xứng đáng là tấm gương phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX, và trong thực tế, ông đã là là cô đầu tiên nhất của nền văn chương yêu nước thời cận đại. Những đóng góp quan trọng của ông vào lịch sử thơ văn yêu nước chống xâm lăng của dân tộc nửa cuối thế kỷ XIX mãi mãi sang ngời, mãi mãi bất diệt.

Nhìn toàn cục, thơ văn yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu là mảng sáng tác có giá trị lớn nhất của ông, đã khái quát được hiện thực lịch sử lúc bấy giờ với những đường nét bi hùng, bề thế, xứng đáng là những trang sử biên niên đầy oanh liệt của một giai đoạn lịch sử dân tộc, một bản anh hùng ca lớn của "một thời khờ nhục nhưng vĩ đại".

Thơ văn yêu nước chống Pháp còn là một bức tranh biếm họa sắc sảo, sinh động về hiện thực xã hội lúc bấy giờ, trong đó nổi bật lên hai hình ảnh tương phản, một bên là cái triều đình phong kiến Nguyễn thoái nát, úp hen và bất lực chối bỏ trách nhiệm trước bước ngoặt lịch sử, một bên là hình ảnh nhân dân và sĩ phu yêu nước đang chiến đấu dưới lá cờ "Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khí dân".

Những thành tựu rực rỡ của tác giả trong giai đoạn sáng tác này còn nói lên mối quan hệ biện chứng giữa người nghệ sĩ và quần chúng, một bài học rất quý đối với chúng ta ngày nay.

Nguyễn Đình Chiểu rất xứng đáng với danh hiệu cao quý một nhà thơ yêu nước lớn của thời cận đại, một tấm gương

tiêu biểu của nền văn hóa dân tộc, mà ánh sáng của tài năng, trí tuệ của tâm hồn ông chiếu tỏa từ mỗi bài thơ, bài văn, đặc biệt trong những thơ văn yêu nước chống Pháp.

Những trang viết về một thời kỳ lịch sử oanh liệt ấy có sức cổ vũ, thôi thúc hàng vạn, hàng triệu người, trong sự nghiệp chiến đấu để giải phóng đất nước suốt hơn một thế kỷ qua.

(SDD)

HIỆN TƯỢNG VĂN, Y KẾT HỢP VÀ GIÁ TRỊ VĂN HỌC CỦA TÁC PHẨM "NGƯ TIỀU Y THUẬT VẤN ĐÁP"

PHẠM XUÂN CHI

Đặc trưng của tác phẩm Ngư Tiều y thuật vấn đáp là sự kết hợp của hai thành tố, văn học và y học - một thành tố mang tính chất nghệ thuật, một thành tố mang tính chất khoa học thuần túy. Như vậy, Ngư Tiều y thuật vấn đáp là một tác phẩm văn học không thuần nhất văn học. Trước hết, chúng ta tìm hiểu mặt thể loại của tác phẩm.

Nhìn một cách bao quát, Ngư Tiều y thuật vấn đáp thuộc thể loại truyện Nôm. Trong một chừng mực nhất định, tác phẩm này có phản ánh một số nét hiện thực cuộc sống của những người trí thức yêu nước Nam Bộ, trước cảnh tượng quê hương đã bị cắt cho giác Pháp, thông qua hình thức tự sự, qua câu chuyện nhân vật Ngư và Tiều tìm thầy học thuốc. Tất cả các tình tiết diễn biến đều xoay quanh hai nhân vật ấy và tạo thành một cốt truyện hoàn chỉnh. Đặc trưng nghệ thuật độc đáo về mặt thể loại của Ngư Tiều y thuật vấn đáp, trước hết được thể hiện ở hiện tượng kết hợp giữa văn và y trong kết cấu cốt truyện của tác phẩm.

Phần mở đầu tác phẩm với hai mục bằng chữ Hán "Sưu tinh dụng dược tâm pháp tự truyện" (Tìm tòi tinh túy về tâm pháp dùng thuốc) và "Trích yếu âm dương biện luận" (Biện luận về âm dương). Phần này có thể xem như lời tựa của một cuốn sách mang nội dung thuần túy được trình bày dưới một hình thức văn học (tự truyện và luận). Phần này cốt để mở đầu cho mục đích y học, sẽ thực hiện ở các phần sau của tác phẩm, đồng thời có thể xem như cái màn che, để việc thể hiện chủ đề văn học của tác phẩm dễ dàng, kín đáo hơn.

Phần thứ nhất của tác phẩm với nhan đề là : Lung khởi. Phần này, tác giả giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật của câu chuyện. Cũng có thể xem đây như phần mở đầu của một tác phẩm văn học, đồng thời, cho cả câu chuyện về y học.

Phần thứ hai và thứ ba của tác phẩm có nhan đề là Đạo Dẫn và Nhập Môn. Ở phần này, cốt truyện được triển khai qua diễn biến của tình tiết. Ngư, Tiều gặp Đạo Dẫn và Nhập Môn trên đường đi gặp Kỳ Nhân Sư . Họ được Đạo Dẫn và Nhập Môn giới thiệu, giảng giải những kiến thức về y học. Cũng ở đây, những kiến thức về y học được trình bày rất nhiều, gần như là những nét chủ yếu của cả tác phẩm. Do vậy tính chất y học cũng rất đậm nét. Phần sau này có gần 100 bài thơ chữ Hán nói về y học, nên ta có cảm giác như kết cấu cốt truyện rời rạc, tính chỉnh tề của một cốt truyện văn học gần như bị phá vỡ. Đó là điều có thực. Và chúng tôi nghĩ rằng có lẽ do mục đích và do thói quen nghề nghiệp chi phối, nên tác giả có phần thiên về trình bày kiến thức y học. Tuy nhiên việc triển khai chủ đề văn học vẫn được tiến hành thông qua việc miêu tả cảnh U, Yên đau thương, rên xiết trong tiết thanh minh ngày xuân và qua mấy bài thơ thất ngôn do các nhân vật trình bày. Phần thứ tư của tác phẩm có nhan đề là Nhân Sư. Phần này cốt truyện vẫn được phát triển qua các tình tiết, nhưng tác giả tập trung thể hiện chủ đề văn học rõ nhất qua hành động của Kỳ Nhân Sư tự xông mắt cho mù và lời bàn về mù - sang, chính -, tà. Tính chất văn học của phần này đậm nét. Tính chất y học chỉ biểu hiện ở bài "luận", bài "phủ" do Kỳ Nhân Sư để lại.

Phần thứ năm và thứ sáu có nhan đề là Tra án và Kết mạng. Ở hai phần này, tình tiết câu chuyện diễn biến tới chỗ kết thúc. Tính chất văn học và y học kết hợp một cách hài hòa hơn.

Qua việc khảo sát sơ bộ trên, chúng ta thấy sự kết hợp

giữa văn và y đã diễn ra trong toàn bộ kết cấu cốt truyện và ngay trong từng phần một cách có dụng ý. Thực ra, sự kết hợp này diễn ra rất tế nhị, sinh động trong tác phẩm. Tất cả những kiến thức về y học đều được trình bày dưới một hình thức văn học. Và chủ đề văn học của tác phẩm thì lại ẩn kín dưới một câu chuyện có hình thức y học.

Hiện thực kết hợp giữa văn và y của Ngự Tiều y thuật vấn đáp là một hiện tượng đã có trong văn học nước ta trước đó. Chúng ta có thể tìm thấy ở một số tác phẩm của Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông.

Trong cuốn Hồng Nghĩa giáo tư y thư, Tuệ Tĩnh đã dùng hình thức văn học - thể phú - để phục vụ cho mục đích y học. Trong cuốn Y huấn cách ngôn của Hải Thượng Lãn Ông cũng có sự kết hợp giữa văn và y, nhưng sự kết hợp ấy không chặt chẽ, sinh động như ở Ngự Tiều y thuật vấn đáp.

Qua việc so sánh trên, chúng ta thấy hiện tượng kết hợp văn và y trong Ngự Tiều y thuật vấn đáp không phải là một hiện tượng cá biệt, ngẫu nhiên. Nó là một hiện tượng vừa có tính đặc thù, vừa có tính phổ biến. Thực ra hiện tượng này chỉ là một biểu hiện có phần đặc biệt của quy luật "hỗn hợp" trong văn học quá khứ, (hiện tượng văn triết bất phân, văn sử bất phân là chủ yếu và đã được nhiều người nói tới), bên cạnh quy luật phân ngành của chúng. Có điều, cần phải nói thêm rằng Nguyễn Đình Chiểu không bị ảnh hưởng, chi phối một cách bị động, tự phát, mà tác giả đã chủ động, tự giác vận dụng nó vào trong sáng tác của mình để thực hiện cả hai mục đích cùng một lúc một cách kín đáo.

Hiện tượng kết hợp giữa văn và y trong Ngự Tiều y thuật vấn đáp là một đặc trưng nghệ thuật của tác phẩm. Cùng chính từ đặc trưng nghệ thuật này, mà một số đặc trưng khác về mặt thể loại của tác phẩm hình thành. Đó là hiện tượng xen kẽ nhiều văn thể khác nhau trong kết cấu cốt truyện và hình

thức văn đáp.

Về hiện tượng xen kẽ các thể văn khác nhau trong kết cấu cốt truyện, sau khi thống kê sơ bộ, chúng tôi thấy có 1822 câu thơ lục bát, lồng vào trong những câu thơ lục bát ấy có 11 bài thất ngôn bát cú, 11 bài thất ngôn tuyệt cú (bằng chữ Nôm), 1 bài phú, 1 bài tự truyện, 2 bài luận và 100 bài ca (bằng chữ Hán).

Nếu so sánh hiện tượng này của tác phẩm khác như Dương Từ - Hà Mậu của chính tác giả và một số truyện Nôm như Trê Cóc, Sớ Kính tân trang, thì ta thấy hiện tượng này ở Ngư Tiều y thuật vấn đáp có một số nét khác biệt. Về mặt hình thức, ở đây phong phú và phức tạp hơn. Có sự xen kẽ của nhiều thể văn, bên cạnh văn Nôm còn có cả văn Hán. Về mặt nội dung, các văn thể xen kẽ vừa nhằm bộc lộ tâm trạng của nhân vật, có tính chất trữ tình, để phục vụ cho chủ đề văn học, phục vụ cho mục đích khoa học.

Trong các văn thể xen kẽ ở tác phẩm, chúng tôi thấy những bài thơ thất ngôn là có nhiều giá trị thẩm mỹ hơn cả.

Cũng cần nói thêm rằng, hiện tượng xen kẽ nhiều thể văn khác nhau này, có lúc đã làm cho người đọc có cảm giác cốt truyện rời rạc và tính chỉnh thể của một tác phẩm văn học có hồ như bị pha vỡ. Nhưng cảm giác ấy dần dần bị mờ đi nhờ tác giả đã sử dụng hình thức văn đáp.

Hình thức văn đáp ở đây, thực chất là hình thức đối thoại giữa các nhân vật. Hình thức này ở các truyện Nôm nói chung, hay truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu nói riêng đều có. Có điều ở đây, nó chiếm một tỷ lệ rất cao (9/10 số câu thơ của tác phẩm dưới hình thức đối thoại). Và hình thức đối thoại, không chỉ bằng thơ lục bát, như các truyện Nôm, mà nó còn cả bằng thơ thất ngôn, và cả bằng những bài ca chữ Hán mang nội dung y học. Chính hình thức đối thoại này đã có tác dụng gắn kết các phần của cốt truyện lại, của hai

mảng vấn đề có tính chất khác nhau, tạo ra thể hoàn chỉnh của tác phẩm.

Như vậy, về mặt thể loại, ta thấy Ngự Tiều y thuật vấn đáp là một truyện Nôm độc đáo. Tác giả đã sử dụng thể loại này một cách chủ động, sáng tạo, để tạo cho tác phẩm của mình một bản sắc riêng, góp phần làm phong phú thêm thể loại truyện Nôm của nước ta.

Nếu như đặc trưng tồn tại của tác phẩm thể hiện cụ thể ở mặt thể loại, thì nó cũng chi phối và ảnh hưởng rất nhiều trong nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Có thể nói, nhân vật trong Ngự Tiều y thuật vấn đáp, cũng chưa hẳn là nhân vật thuần nhất của một tác phẩm văn học. Bởi vì, nó vừa thực hiện mục đích nghệ thuật là thể hiện một chủ đề văn học, vừa thực hiện mục đích khoa học là phổ biến y học. Những khi nhân vật thực hiện việc phổ biến y học buộc họ phải trình bày những kiến thức y học, lúc ấy họ trở thành nhân vật thuyết lý bằng những khái niệm khoa học. Do vậy, ta cảm thấy tính hoàn chỉnh của tính cách nhân vật trong tác phẩm văn học có bị ảnh hưởng.

Hầu hết các truyện Nôm khi xây dựng các nhân vật thường thiên về mặt khái quát hóa, qua khái quát mà làm nổi bật lên những đặc điểm, phẩm chất của nhân vật, ở Ngự Tiều y thuật vấn đáp cũng có nét tương tự như vậy. Nhưng ở đây, tác giả còn chú ý tập trung thể hiện phẩm chất nhân vật qua chi tiết hành động có hàm lượng nghệ thuật cao. Đó là trường hợp ở nhân vật Kỳ Nhân Sư với hành động tự xông mắt cho mù không chịu làm ngự y cho giặc Liêu. Thông qua chi tiết hành động này, tác giả đã thể hiện thái độ chính trị của mình (tinh thần bất hợp tác với giặc) bộc lộ tất cả những cảm xúc mãnh liệt của mình trước một sự chọn lựa dứt khoát, quyết liệt. Do vậy, nhân vật Kỳ Nhân Sư đã có một sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với người đọc. Và có thể xem đây như là một thành công đáng kể trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Đình

Chiếu.

Ở đây tác giả sử dụng triệt để hình thức ngôn ngữ đối thoại để thể hiện phẩm chất, đặc điểm của nhân vật. Chúng ta thấy rất ít những câu, những đoạn miêu tả đặc điểm của nhân vật. Cũng có thể xem đây như là một nét riêng trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Đình Chiếu. Chính nó góp phần làm cho các nhân vật, với tư cách là nhân vật của tác phẩm văn học, mang tính hoàn chỉnh hơn.

Nhân vật Ngư và Tiều học làm nghề thầy thuốc để cứu người, giúp đời, trong hoàn cảnh đất nước bị giặc chiếm là một hành động vừa mang lý tưởng nhân nghĩa, vừa mang tinh thần yêu nước, yêu dân sâu đậm trong điều kiện chưa thể làm gì khác hơn được. Đạo Dẫn và Nhập Môn bỏ đực, theo trong, lánh mình ở ẩn, tuy có hạn chế, nhưng dù sao cũng là biểu hiện ở một mức độ nhất định của lòng yêu nước, căm thù giặc trong hoàn cảnh cụ thể ấy. Nhưng, nhân vật tiêu biểu nhất trong Ngư Tiều y thuật vấn đáp là Kỳ Nhân Sư. Kỳ Nhân Sư là một người có tài, có đức, trước cảnh loạn ly đã lánh mình ở ẩn, nhưng vẫn không thoát đời. Đôi mắt của Nhân Sư tuy có bị mù, nhưng từ đó vẫn sáng lên ánh sáng của đạo nghĩa - và lòng yêu nước thương dân, căm thù giặc. Hành động phản kháng quyết liệt của Nhân Sư mang bóng dáng cuộc đời cụ Đồ.

Ngôn ngữ trong tác phẩm Ngư Tiều y thuật vấn đáp cũng không thuần nhất là ngôn ngữ văn học. Ngôn ngữ tác phẩm được thể hiện dưới hai dạng : văn tự Nôm và văn tự Hán. Phần ngôn ngữ văn tự Hán, với nội dung chủ yếu phổ biến y học, không phải là ngôn ngữ văn học. Nó mang tính chất khoa học, như một tồn tại khách quan của tác phẩm. Trong phần ngôn ngữ văn tự Nôm, phần nhằm phổ biến y học cũng không phải là ngôn ngữ văn học (dù nó được thể hiện dưới hình thức thể thơ lục bát). Chỉ có phần thực hiện chủ đề của tác phẩm văn học mới là ngôn ngữ văn học. Như vậy, cũng không có

nghĩa là tất cả phần ngôn ngữ này đều có giá trị nghệ thuật. Mặt khác, những bài thơ thất ngôn trong tác phẩm, cũng là những bài thơ có giá trị nghệ thuật. Ở đây, qua giá trị liên hội của ngôn ngữ - nét bản chất của ngôn ngữ nghệ thuật chúng ta hiểu được những điều thâm kín, mà tác giả muốn nói ở đằng sau dòng chữ.

So với Lục Vân Tiên, chúng ta thấy câu văn ở đây điều luyện, thanh tao hơn, cách gieo vần không cầu thả như ở Lục Vân Tiên. Điều này sẽ càng được sáng tỏ, nếu ta đọc lại đoạn thơ Kỳ Nhân Sư bàn về mù, sáng và chính, tà. Có lẽ đây là một trong những đoạn thơ hay của văn học Việt Nam xưa luận về phẩm cách khí tiết của con người.

Qua việc khảo sát nói trên chúng ta có thể nhận ra rõ hơn giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Đó là việc sử dụng thể loại truyện Nôm một cách chủ động, sáng tạo, với một phương pháp thể hiện độc đáo, góp phần làm phong phú thêm cho thể loại này. Đó còn là sự đóng góp vào việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học của một khu vực, mà truyền thống văn học chưa có những tác phẩm tiêu biểu có giá trị khẳng định.

(SDD)

THEO DÕI VẾT CHÂN CỤ ĐỒ TRÊN VÙNG ĐẤT BA TRI.

DOÀN TỬ

... Ba Tri, lúc bấy giờ thuộc tổng Bảo An, phủ Hoàng Tri, Dinh Long Hồ, tức tỉnh Vĩnh Long, được Nguyễn Đình Chiểu chọn làm nơi dừng chân trong chuyến đi đánh giặc lần thứ hai. Và suốt cả chặng đường dài cuối đời ông, 26 năm trường, tương đương với quãng đời mắt ông còn sáng, Nguyễn Đình Chiểu đã gắn bó chặt chẽ với mảnh đất này và cũng yên nghỉ vĩnh viễn ở nơi đây.

Việc Nguyễn Đình Chiểu về Ba Tri phải chăng là một sự dun rui tình cờ, một sự ngẫu nhiên nào đó chăng ? Có lẽ không phải vậy.

Nguyễn Đình Chiểu là một con người sống có trách nhiệm, có khí chí, hiếu thảo với cha mẹ, thủy chung với bạn bè, với vợ con, cũng như với làng nước, quê hương. Quan điểm sống đó đã từng được bày tỏ rõ ràng qua hàng loạt hình tượng nhân vật, những Hồn Minh, Tử Trục, Vân Tiên trong tác phẩm đầu tay và lại được khẳng định rõ hơn trong tác phẩm lớn thứ hai Dương Tử - Hà Mậu cùng trong hàng loạt thơ, điệu, văn tế từ sau ngày gót giày của bọn Tây dương giẫm mình lên Tổ quốc thân yêu.

Nguyễn Đình Chiểu không phải là hạng Nho sĩ tầm thường, trước cảnh nước mất lại đi tìm đường lánh nê, để được yên thân. Đúng là do bị tật nguyền mà ông đã có những hạn chế, khó khăn trong hoạt động. Nhưng ông không phải là kẻ sợ chết đi tìm đường ẩn dật. Và lại, vùng đất Ba Tri, đâu phải chỗ yên thân, mà là nơi đang bị uy hiếp. Bởi vì chẳng bao lâu sau đó, nó cũng chịu chung số phận như ba tỉnh miền Đông. Có người đặt câu hỏi, tại sao cụ Đồ lúc bấy giờ lại không thẳng cánh buồm về miền Rạch Giá, U Minh là vùng có căn cứ rộng lớn để được yên ổn hơn ? Hoặc giả tại sao cụ

không dừng chân ở đất Bình Đại cho tiện đường quan hệ với Mỹ Tho, Gò Công, để có thể dễ dàng liên lạc với nghĩa quân mà trước đây, khi sống ở Cần Giuộc, cụ đã từng trao đổi, bàn bạc có mưu, tổ chức đánh Tây cùng những lãnh tụ nghĩa quân như Trương Định, đốc binh là với tư cách như một người "chính ủy" ? Hay cũng có thể theo hướng Nguyễn Thông cùng bạn bè đi "tị địa" ra đất Bình Thuận ?

Chúng tôi nghĩ rằng với một con người nhiệt thành yêu nước, giàu suy tưởng, có bộ óc nhạy cảm, có tầm nhìn chiến lược như Nguyễn Đình Chiểu, việc dọn về Ba Tri và bám trụ ở đây chắc không phải là sự tùy tiện, tùy thời, mà lại càng không phải một sự tình cờ.

Đất Ba Tri nằm trong một địa bàn khá quan trọng. Đó là vùng bản lề nối liền căn cứ địa kháng chiến của miền Đông và miền Tây. Trước đây, Nguyễn Huệ đã từng chọn Bến Tre làm đất dừng chân, bố trí chiến lược, xây dựng lực lượng, để rồi cuối cùng đã tiêu diệt hàng chục vạn quân Xiêm trong trận đánh nổi tiếng Rạch Gầm - Xoài Mút. Thực tế đó càng được chứng minh sinh động hơn trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ 30 năm vừa qua. Chính vùng Bình Đại, Ba Tri là điểm xuất phát của những chuyến tàu, thuyền từ miền Nam ra Bắc để nối đường dây liên lạc với Trung ương, và cũng là nơi tiếp nhận sức người và vũ khí chi viện cho chiến trường Nam Bộ. Do chỗ đánh hơi thấy được điều này, cho nên đế quốc Mỹ đã từng tập trung lực lượng càn quét, đánh phá ác liệt, biến nơi đây thành trọng điểm bình định của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy có thể dễ dàng liên lạc với bên ngoài bằng đường nước khá thuận lợi - từ Ba Tri có thể đi Mỹ Tho, Vĩnh Long, Vũng Tàu, Chợ Lớn - nhưng do cấu tạo địa hình, nơi đây vẫn là vùng đất hiểm. Thời Nguyễn Đình Chiểu, vùng xung quanh Ba Tri vẫn còn khá hoang vu, với sông nước, bãi lầy, rừng rậm và nhiều thú dữ. Nhiều giai thoại dân gian vẫn còn ghi

lại những chuyện bắt cộp, đánh cộp ở vùng này. Chuyện kể về ông Thanh Vệ nuôi cộp, cưỡi cộp đi ăn giỗ vẫn thường được đồng bào địa phương nhắc đến. Với tài và sức mạnh khuất phục được "chùa sơn lâm", ông được dân làng Bảo Thạch tôn làm người bao vệ làng, bảo vệ dân. Đàm Lạc Địa Hiểm ở An Bình Đông đã từng là căn cứ nổi tiếng trong chín năm chống Pháp.

Chợ Ba Tri nằm trên con rạch cùng tên, chính là nơi tụ hội buôn bán đông đúc và thịnh vượng từ rất sớm.

Chợ Ba Tri thiếu gì cá biển

Anh thương nàng anh nguyện về đây.

Không chỉ có nguồn lợi về biển, Ba Tri còn là nơi sản xuất lúa to tầm nổi tiếng cùng những đặc điểm về nông nghiệp khác. Theo tài liệu của Bô-rắc (Baurac) in năm 1894, thì chợ Ba Tri lúc này đã có 800 dân đinh và cũng là cửa ngõ thông thương buôn bán với Chợ Lớn, Cần Thơ, Vĩnh Long.

Dựa vào những luồng giao lưu buôn bán xuôi ngược nay, lực lượng kháng chiến lúc bấy giờ có thể hợp pháp hóa việc thông tin, liên lạc, trinh sát, mà kẻ địch khó có thể phát hiện được. Nhiều tài liệu đã ghi lại rằng lúc Nguyễn Đình Chiểu ở Ba Tri, ông vẫn liên lạc chặt chẽ với Trương Định và Đốc Binh là ở Gò Công, với Thủ Khoa Huân, Cử Trị Hồ Huân Nghiệp, Huỳnh Mẫn Đạt ở Mỹ Tho. Nhất là Cử Trị, ông thường hay lui tới bàn luận chuyện thời sự cùng cụ Đồ, làm thơ phê phán đả kích những kẻ làm tay sai cho địch. Rất nhiều người đến với cụ không phải chỉ có chuyện học hành, hay để chữa chữa một bệnh hiểm nghèo, mà còn để xin một ý kiến, nhận một lời khuyên của một người bạn, người thầy, người cha. Và cụ Đồ mù của chúng ta cũng không phải chỉ ngồi có một chỗ. Địa hình bằng phẳng của đồng bằng Nam Bộ với kênh rạch chằng chịt đã giúp cho việc đi lại bằng đường nước thuận lợi. Với một chiếc tráp và vài "đệ tử" cùng ngồi trên chiếc xuồng con, cụ có thể đi đó đây cùng khắp.

Một tài liệu của đông y sĩ Đỗ Phong Thuận đã chép : "Lúc tôi còn nhỏ có nghe bạn đồng song với cụ Đồ là cụ Nhiều Tâm thuật lại : Cụ đã đi khắp các tỉnh miền Nam, người ta đều đón rước cụ xem mạch, hốt thuốc, nhất là các bệnh nguy hiểm mà các ông lang đều chạy cả đến cụ chữa phần nhiều đều lành, những bài thuốc mà cụ chữa nguy thì rất mãnh liệt, các ông lang không thể nào dùng đến, thế mới biết cái kiên thức của cụ siêu thoát hơn người. Cụ có đặc tính phàm chữa bệnh lành rồi, ai đền ơn bao nhiêu cũng dặng, người bệnh nào nghèo cụ còn cho thêm tiền uống thuốc".

Vậy thì cụ Nguyễn Đình Chiểu "đi khắp các tỉnh miền Nam" chỉ có mục đích chữa bệnh giúp dân hay còn để hoạt động cho phong trào yêu nước lúc bấy giờ dưới cái vỏ hợp pháp của một ông lang ? Chúng ta không đủ dữ kiện để kết luận vấn đề này, nhưng với ý chí, với cốt cách của một con người trọn đời yêu nước, yêu dân như vậy, điều ấy không phải không thể xảy ra.

Ông Đỗ Phong Thuận còn kể thêm rằng, người Ngư Tiều y thuật vấn đáp, cụ Đồ còn viết các tập sách lý luận về y như Chẩn Mạch, Luận chứng. Dầu thang mà hiện nay chưa sưu tầm lại được. Cuộc điều tra về ảnh hưởng của cụ Nguyễn Đình Chiểu ở huyện Ba Tri do Sở Văn hóa và Thông tin, Hội văn nghệ và Viện khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức vào tháng 4-1982 đã cho biết thêm rằng ngoài ảnh hưởng của những sáng tác văn học của cụ, bà con trong vùng còn thuộc rất nhiều bài thuốc gia truyền chữa những bệnh ngặt nghèo dưới dạng diễn ca, tương truyền là do cụ Nguyễn Đình Chiểu và con trai cụ là Nguyễn Đình Chiêm soạn.

Các cụ bô lão ở vùng Ba Tri kể lại rằng khi cụ Nguyễn Đình Chiểu chết và sau này khi Nguyễn Đình Chiêm qua đời cũng thế, ngoài những người thân và các môn đệ của thầy còn có những thân chủ của những bệnh nhân được thầy cứu sống

đến trước bàn thờ để chịu tang, coi như những người ruột rà máu mủ của mình vậy. Cái chữ "nghĩa" của Đồ Chiểu đã "hòa thân" thành một tập quán đẹp, không dễ ở nơi nào cũng có.

Về phương diện nhân tâm, mảnh đất Ba Tri với truyền thống kiên cường bất khuất là một mảnh đất lý tưởng hội đủ những điều kiện theo yêu cầu của cụ Đồ, để xây dựng một chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến phù hợp với hoàn cảnh mù lòa của mình. Đó là tư tưởng thực tiễn của cụ, lấy dân làm gốc.

Trương Định về Tân Hòa đắp lũy đồn binh, khi về Rạch Lá, Gò Công "núi đất ngăn giặc". Nhưng Nguyễn Đình Chiểu bám trụ trong dân có khác, cụ không đắp lũy đồn binh ngăn địch như Trương Định mà căn cứ kháng chiến của Nguyễn Đình Chiểu là lòng dân - một chỗ dựa vững chắc để cụ tiếp tục cuộc kháng chiến phù hợp với hoàn cảnh mù lòa của mình. Cụ không cầm gươm, cầm dao trực tiếp giết giặc thì cụ đứng ở vị trí người cầm bút chiến đấu chống xâm lược. Nguyễn Đình Chiểu đặt văn chương ngang tầm với vũ khí giết giặc và người cầm bút ngang tầm với người chiến sĩ chiến đấu ngoài mặt trận.

Giai thoại về "Ông già Ba Tri" nổi tiếng vì không chịu để cho bọn cường hào hà hiếp, áp bức đã bất chấp hiểm nguy, gian khổ, cơm dùm cơm gói, đi bộ ra tận triều đình Huế, nổi trống ở cửa Ngọ Môn, dâng cáo trạng, tố cáo kẻ áp bức và đã thắng kiện về vang trở về, là hình ảnh tiêu biểu về cốt cách con người ở đây.

Cái lòng dân bất khuất kiên cường ấy chính là chất liệu quý giá, là cái vũ sữa nuôi dưỡng cho tâm hồn của nhà thơ mù ngày một phong phú, sáng trong hơn. Sự già dặn về mặt bút pháp, sự thâm trầm sâu lắng trong tư duy nghệ thuật và cái chất thép trong thơ văn vẫn được giữ vững, được mài sắc giữa lúc cuộc chiến đấu của nhân dân đi vào bước thoái trào, bị dạt thể hiện trong những bài Diếu Ba Tri đốc binh Phan công

đất thể hiện trong những bài Điều Ba Tri đốc binh Phan công trận vong. Tế Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn, trong tập Ngụ Tiếu y thuật vấn đáp phải chăng đã nhận được nguồn tiếp sức từ "cái nôi" của lòng dân muôn quý ngàn thương này ?

Việc chọn Ba Tri làm nơi quê hương cuối đời của Nguyễn Đình Chiểu còn có một nguyên nhân trực tiếp nữa mà ta không thể không kể đến. Ngày xưa, dạy học (thường gọi là gõ đầu trẻ) không phải là nghề có thể sinh sống dễ dàng, nhất là đối với một gia đình đông con. Cần nhớ rằng khi về Ba Tri, cụ Đồ đã có bốn con (sau này 7 con). Nếu không nói đó là một gánh nặng, thì cũng chẳng phải dễ dàng gì đối với một người chủ gia đình trong thời buổi chiến tranh ngay cả đối với người không bị tật nguyền. Còn thơ văn thì thời ấy đâu có tổ chức xuất bản như ngày nay, để mà có tiền nhuận bút. Như vậy, chỉ còn trông cậy vào nghề làm thuốc. Cụ đồ lại là một thầy thuốc nổi tiếng xa gần. Nguồn thuốc Bắc lúc bấy giờ chỉ trông cậy vào người Trung Quốc ở Chợ Lớn. Mỗi quan hệ giao lưu buôn bán giữa Ba Tri và Chợ Lớn đã giải quyết thỏa đáng cho ông nhu cầu này. Và quý hơn điều ấy, là cái kho sách của người Tàu ở Chợ Lớn, từ những sách như Binh thư yếu lược đến sách thuốc, sách truyện, là nguồn bổ sung kiến thức khá dồi dào, phong phú cho Nguyễn Đình Chiểu về nhiều mặt.

Ngày 3 tháng 7 - 1888 nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu trút hơi thở cuối cùng trên mảnh đất mà ông chọn để đứng chân trong giai đoạn cuối đời hơn một phần tư thế kỷ. Dám tang của ông không được lịch sử ghi lại rõ ràng. Những nhân sĩ, trí thức tên tuổi, những bạn bè đồng chí có những ai đến để tiễn đưa một con người bình dị nhưng vĩ đại ấy ? Nhưng theo lời truyền lại ở cửa miệng nhân dân, thì ngày ấy, cánh đồng An Bình Đông nơi ông yên nghỉ cuối cùng, trắng xóa khăn tang. Khăn tang của các cháu con cụ Đồ, của những môn đệ, của những thân chủ xa gần thọ ơn cụ, của đồng đạo quần chúng mến mộ tài và đức của cụ v.v...

Cái chết ấy không có nghĩa khép lại cuộc đời của một con người bằng xương bằng thịt, mà nó mở ra một trang đời mới, rộng hơn, đẹp hơn. Ánh sáng từ tâm hồn và nhân cách của Đồ Chiểu, từ những trang văn, trang thơ đã tỏa rộng ra, có sức lay động lòng người, ngay cả đến những ông hoàng, bà chúa như Tùng Thiên Vương Miên Thẩm và công chúa Mai Am sống trong gấm lụa giữa nơi cung cấm ở Huế cũng phải khâm phục, làm thơ ca ngợi.

Cái ánh sáng của tâm hồn và trí tuệ Đồ Chiểu trải qua những chặng đường bão táp gian truân của dân tộc vẫn không tắt. Nó tiếp sức cho đội ngũ cháu con cụ vươn lên làm tròn sứ mệnh của đất nước giao phó, bảo vệ cái chân lý cao cả "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Những cái hay, cái đẹp và lý tưởng sống hàm chứa trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, còn có tác dụng mạnh mẽ cảnh tỉnh ngăn chặn những kẻ muốn chối bỏ những truyền thống tốt đẹp của cha ông, đua đòi theo lối sống xa hoa của thị thành đang "Tây hóa" song song với sự phát triển của kinh tế hàng hóa ở đất Nam Kỳ lúc bấy giờ.

Nguyễn Đình Chiểu để lại trong sự nghiệp văn chương dân tộc Việt Nam một khối lượng sáng tác, mà các nhà văn nhà thơ đương thời không ai sánh kịp. Những sáng tác ấy đã nâng Nguyễn Đình Chiểu lên vị trí của nhà thơ tiêu biểu nhất của dòng văn học yêu nước chống Pháp nửa sau thế kỷ XIX.

Từ khi Đảng ta ra đời, giá trị tinh thần đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu mới được đánh giá một cách đúng mức. Sự nghiệp văn thơ Nguyễn Đình Chiểu được Đảng ta trân trọng xem như một viên ngọc quý trong nền văn hóa truyền thống Việt Nam. Đồng chí Phạm Văn Đồng đánh giá Nguyễn Đình Chiểu là "một vì sao có ánh sáng khác thường, càng nhìn thì càng thấy sáng".

Hơn thế kỷ qua, trên mảnh đất mà nhà thơ sống, hoạt

động, đã có biết bao thăng trầm lịch sử, nay đã trở thành một phần mau thịt của "quê hương Đồng Khởi". Và trên mảnh đất này đang từng phút, từng giờ thay da đổi thịt, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hình ảnh người nông dân tình nguyện làm "quân chiêu mộ" sau này là những vệ quốc đoàn, những dân quân du kích, những giải phóng quân, những "đội quân tóc dài", của nhiều thế hệ anh hùng nối tiếp nhau ra trận. Cùng với ngọn tầm vông, lưỡi dao phay bên cạnh "con ngựa trời", "cây bút nhét", "súng búp dừa", v.v... cùng đồng khởi diệt ác, phá kềm, giải phóng làng ấp. Một tổ công binh đặc công Hoàng Lam cũng đánh chìm được chiến hạm Mỹ trên sông Hàm Luông. Một tổ phụ nữ Tạ Thị Kiều, tay không cũng lấy được đồn giặc ở Mỏ Cày.

Hình ảnh "người sống đánh giặc, người chết cũng đánh giặc" đã được tái hiện trong cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân Bến Tre : chôn xác người bị giặc giết đi đấu tranh trực diện với giặc. Mảnh đất An Đức cũng đã từng chứng kiến biết bao cảnh chết chóc đau thương của những ngày giặc bình định lấn chiếm. Nơi đây còn có biết bao nhiêu gia đình nông dân chỉ cốt với cách mạng, trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù vẫn đào hầm bí mật trong nhà, che chở cán bộ cách mạng ròng rã suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ.

Hai mươi sáu năm sống và hoạt động trên vùng đất Ba Tri, rồi yên nghỉ vĩnh viễn ở đây, Nguyễn Đình Chiếu đã để lại cho nhân dân Ba Tri, cũng như tỉnh Bến Tre nói chung một tấm gương tuyệt vời về lòng yêu nước thương dân, về tinh thần bất khuất, về một nhân cách sống bình dị, sáng trong.

(SDD)

"LỤC VÂN TIÊN" TRONG HÁT HÒ Ở NAM TRUNG BỘ

NGUYỄN QUÝ THANH

Một trong những tác phẩm ưu tú của nền văn học Việt Nam có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa dân gian các tỉnh phía Nam, từ Bình Trị Thiên trở vào là truyện thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu.

Nhờ tiếp thu được những tinh hoa của văn hóa dân gian từ cách cảm, cách nghĩ đến lời ăn tiếng nói của người dân lao động, nên Lục Vân Tiên đã trở nên gần gũi với dân gian và sớm được nhân dân khai thác như nguồn chất liệu thẩm mỹ cho dân ca.

Ảnh hưởng qua lại giữa Lục Vân Tiên với văn hóa dân gian đã được nhiều người đề cập đến. Bài viết này chỉ giới thiệu một vài nét về các hình thức tiếp xúc của Lục Vân Tiên với hát hò, loại dân ca phổ biến ở Nam Trung Bộ.

Hát hò là loại hát đối đáp (còn gọi là hát hò đối đáp) có phần hò đệm khi sinh hoạt tập thể (như hát giã gạo) và không có phần hò đệm khi chỉ có một đôi nam nữ hát huê tình với nhau (như hát ống). Hát hò có hai loại : loại không dựa vào tích truyện (dân gian gọi hát ngang) và loại dựa vào tích truyện (như hát Kiều, hát Vân Tiên). Hát Kiều, hát Vân Tiên không phải là đem Lục Vân Tiên, Truyện Kiều ra "biểu diễn" như kể Vân Tiên, nói thơ Vân Tiên ở miền Nam, hoặc như ngâm Kiều, phổ biến ở miền Bắc. Dựa vào tích truyện, nghệ sĩ nhân gian vay mượn sự kiện, nhân vật, ngôn ngữ trong Lục Vân Tiên, Truyện Kiều... để đặt lời hát đối đáp. Còn làn điệu thì hoàn toàn giống hát ngang (1). Hình thức tiếp xúc giữa hát hò Nam Trung bộ với Lục Vân Tiên trên đại thể

(1) Hát Vân Tiên còn gọi là điệu Vân Tiên trong hát hò .

(Điệu ở đây không có nghĩa là làn điệu) .

cũng giống hát phường vải Nghệ Tĩnh với Truyện Kiều vậy (2).

Bất cứ một cuộc hát đối đáp nào, hát hò bao giờ cũng được mở đầu bằng những lời chào hỏi nhau.

Trước chào kim bằng ngọc hữu

Sau chào kẻ cựu người tân

Anh em xa chào trước

Ai ở gần chào sau

Tiền ngôn chào hết anh hùng

Hậu ngôn chào hết nữ tòng thuyền quyền

Ai mà thiệt vợ Vân Tiên

Nói cho tôi biết chào liền chị dâu

Ai mà mới đến lần đầu

Nói cho tôi biết trao câu ân tình

Sau khi chào nhau, nam nữ hát gập, hát hò để định đôi đối đáp thăm hỏi, thử thách, tìm hiểu lẫn nhau. Hát Vân Tiên, nam nữ "hóa thân" vào các nhân vật của truyện Lục Vân Tiên, mượn Vân Tiên, Nguyệt Nga v.v... thay mình, thay bạn đối đáp. Các sự kiện trong tác phẩm là nội dung của những lời thử thách, phân giải.

Nam ước hỏi :

Trai tiên đồng kén người ngọc nữ

Gái kinh sử lựa kẻ tài cao

Tai nghe bên núi Ô Sào

Nguyệt Nga tạm đó muốn vào gả duyên

Ta là họ Lục Vân Tiên

Trừ xong Cốt Đốt băng miền đến đây

Đường đi những núi cùng cây

Chạnh lòng cho nghĩ một giây hồi mình

Sáng ngày, ta sẽ đáng trình

Kẻ mà đốc tướng Hồn Minh đợi chờ

(2) Xem thêm Hát phường vải của Ninh Viết Giao,

Nxb.Văn hóa, H., 1981

Nữ bán khoán, nghi ngờ và chối từ :

*Họa hổ, họa bì, nan họa cốt
Tri nhơn, tri diện, bất tri tâm
Phải chàng họ Lục tri âm
Hay là Bùi Kiệm, Trịnh Hâm gian tà ?
Nhà em nguyên những đàn bà
Làm nghề canh củi lùa là, vải bông
Một, hai, ba, bốn cũng không
Thiếp đâu dám chứa đàn ông trong nhà
Lừa gần rơm không cách bao xa
Sợ e lậu tiếng người ta chê cười*

Nữ nghi ngờ, thử thách, nam phải phân giải. Ngược lại, khi nam nghi ngờ, thử thách, thì nữ phải phân giải. Có biết bao nhiêu vấn đề đặt ra để giải quyết, chỉ vì "sợ e làm người" : Vân Tiên, Nguyệt Nga, hay là Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, Thế Loan ? Vân Tiên, Nguyệt Nga gặp những biến cố gì ? Ở đâu ? Vì sao ? Chết rồi sao sống lại ? Ai giúp đỡ ? v.v... Họ thử thách nhau đến chừng nào "rõ ràng Tiên, Nguyệt thì thôi nghi ngờ", sau đó bước vào giai đoạn bày tỏ tâm tình cho tới khi hát chào ra về.

Qua tài liệu sưu tầm được thì thấy rằng hình thức mượn các nhân vật của Lục Vân Tiên thay mình, thay bạn đối đáp chiếm số lượng bài nhiều nhất trong hát Vân Tiên (thử so sánh, ở hát phường vải - do Ninh Viết Giao giới thiệu - hình thức "hóa thân" vào Kim, Kiều chỉ có một bài, trong khi hình thức đối đáp chiếm tới 8/13 bài) (3). Có lẽ chính hình thức này làm nảy sinh khái niệm hát Vân Tiên (và cũng tương tự ở hát Kiều) trong hát hò ở Nam Trung bộ.

Bước sang giai đoạn bày tỏ tâm tình, nam nữ hát than, hát gập, hát kết duyên đôi lứa, (hát kết), thề nguyện (hát nguyện), dặn dò (hát dặn) như bản thân cuộc sống. Nam nữ có thể dẫn Vân Tiên, Nguyệt Nga ra so sánh, làm gương cho

nhau khi bày tỏ tâm tình, giống như dân ca Việt Nam nói chung dẫn Kim Kiều, Châu Trần để ví sự gặp nhau, xa nhau hay sự xứng đôi vừa lứa..

Trong hát hò, đáng chú ý là nhân vật Nguyệt Nga. Ở nàng có một điểm khác với nhân vật của Truyện Kiều, Phan Trần... trong dân ca. Đó là tính điển hình của nhân vật này. Với những phẩm chất đạo đức, hành động cao cả, đẹp đẽ của mình, Nguyệt Nga đã bước từ tác phẩm ra cuộc đời, đi vào văn hóa dân gian. Từ chỗ chỉ là biểu tượng cho ân nghĩa, thủy chung của người phụ nữ Việt Nam, nàng đã trở thành hình tượng khái quát để cả nam lẫn nữ dẫn ra, khi thề nguyện, dặn dò nhau :

Nữ hát nguyện, nhắc nhở người thương :

*Anh thương em thì phải thương luôn
Dừng cho kẻ biến người nguồn Thuấn, Nghiêu
Em dặn chàng ai dỏ đừng xiêu
Ồ sao có nghĩa như Kiều Nguyệt Nga
Vân Tiên mắc nạn đường xa
Thủy chung chờ đợi thiệt là sáu năm.*

Còn Nam, khi hát tiễn chia tay bạn :

*Khuyên em giữ trọn lời thề
Họa ra bức tượng treo kẻ một bên
Khuyên em lòng chắc dạ bền
Dẫu trăm năm đi nữa, cũng đừng quên ân tình.*

Có được tính khái quát cao rộng hơn Thúy Kiều là nhờ phẩm chất vốn có ở Nguyệt Nga, chứ không phải nghệ sĩ dân gian chủ quan "thiên vị" cho nhân vật của Đồ Chiểu.

Trong cuộc hát, nam nữ có thể thử tài trí nhau bằng cách đố, đáp về các nhân vật, sự kiện, điển cố, điển tích... Lục Vân Tiên cũng đã được đem ra đố, đáp. Họ đố về các sự kiện trong tác phẩm. Ví dụ :

Nam đó :

*Phụ nơon nan hóa,
Em có giỏi em cũng đàn bà
Em về em giờ sách ra
Xem Vân Tiên kết nghĩa với Nguyệt Nga lúc nào ?*

Nữ đáp :

*Vân Tiên kết nghĩa Nguyệt Nga
Từ khi đi học trường xa mới về
Kiều công người ở Hà Khê (4)
Nguyệt Nga là gái ra về thăm cha
Ra đường gặp đám lâu la
Bắt nàng rồi mới gặp mà Vân Tiên...*

Và, dường như mọi nhân vật của Lục Vân Tiên - chính diện lẫn phản diện - với những phẩm chất đạo đức nổi bật của mình, đều được đưa ra đó, đáp : Vân Tiên, Nguyệt Nga, Tiểu Đồng, Kim Liên, Hồn Minh, Từ Trục, Ông Quán, Ông Chài đến Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, cha con họ Võ, Thái sư, Đỗ Dự v.v...

Trên đây là một số hình thức tiếp xúc thường thấy giữa hát hò Nam Trung bộ với Lục Vân Tiên. Có thể nói được rằng, trong nền văn học nước nhà không ít những truyện Nôm có quan hệ qua lại với thơ ca dân gian, như Truyện Kiều, Phan Trần, Thạch Sanh v.v... Nhưng có lẽ sau Truyện Kiều, khó mà tìm thấy một tác phẩm nào có ảnh hưởng tới mức sâu sắc, rộng rãi đến thơ ca dân gian, trong đó có hát hò Nam Trung bộ, như Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu.

(SDD)

(4) Trong Lục Vân Tiên, Kiều Công làm tri phủ ở Hà Khê.

LỤC VÂN TIÊN

(LƯỢC TRUYỆN)

Lục Vân Tiên là một cuốn tiểu thuyết có tính chất *tự truyện* : Lục Vân Tiên chính là Nguyễn Đình Chiểu. Những chuyện đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga, thi đỗ trạng nguyên rồi cầm quân đi dẹp giặc... là những hư cấu thể hiện ước mơ phò dõng giúp nước của ông.

Nhân vật chính của tác phẩm đều bùng khi thể chiến đấu chống lũ gian ác, bội bạc và mọi áp bức bất công, bảo vệ chính nghĩa (Vân Tiên đánh cướp, Vương Tử Trục mắng cha con Vũ Thế Loan tham vàng bỏ nghĩa, Hán Minh chống bọn con cái quan lại ý thể làm can. Nguyệt Nga chống lại lệnh vua đi cống Hồ, nhảy xuống sông tự tử...). Biểu dương những phẩm chất tốt đẹp và nêu cao đạo đức nhân nghĩa ở đời của con người : Trung hiếu (Vân Tiên), thủy chung (Nguyệt Nga), tình bạn (Hán Minh, Tử Trục), trung thực (ông Quán)... Tuy có mang đôi chút tư tưởng phong kiến, Lục Vân Tiên vẫn thấm nhuần tính nhân dân và tính chiến đấu sâu sắc.

Nghệ thuật : Truyện Lục Vân Tiên phản ánh tâm hồn chất phác, bộc trực của người dân Nam Bộ, nhất là những nhân vật như Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hán Minh, Vương Tử Trục đều mang một sức sống chính nghĩa mãnh liệt, vì vậy mà được nhân dân Nam Bộ hết sức mến yêu. Vô tường Kiều Nguyệt Nga thời nào cũng được đông đảo nhân dân ta yêu thích.

Hạn chế : Vì bị mù nên Nguyễn Đình Chiểu không có điều kiện trau dồi câu thơ cho ngang hàng với nội dung rất đẹp của tác phẩm. Đôi câu mới ở dạng phác thảo ban đầu, quá mộc mạc, nôm na. Nhưng rất nhiều câu súc tích, có động và nhiều đoạn trữ tình, xúc động sâu xa.

Truyện có thể chia làm 3 phần :

1- *Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga gặp nhau* : Lục Vân Tiên là người học trò nết hạnh, tài kiêm văn võ, đã đính hôn với Võ Thể Loan con một vị quan hồi hưu. Nhân gặp khoa thi, Vân Tiên lên kinh đô để kịp vào trường, giữa đường gặp Kiều Nguyệt Nga bị bọn cường đạo bắt, chàng ra tay cứu thoát. Muốn báo đáp ơn chàng, Nguyệt Nga xin trao tặng một cây trâm. Vân Tiên từ chối rất đúng đắn. Hai bên chia tay nhưng cuộc gặp gỡ ấy đã để lại trong lòng Nguyệt Nga một mối tình thanh nhâ, khó phai nhạt.

2- *Những tai nạn xảy đến cho Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga* : Vừa đến trường thi, Vân Tiên được tin mẹ chết. Chàng bỏ thi, trở về chịu tang "báo hiếu" nhưng giữa đường lại mang bệnh. Vì thương nhớ mẹ, chàng khóc mãi đến nổi mất mù. Không những thế, chàng lại bị bọn thầy thuốc, thầy pháp lừa dối, tiền mất tật mang và lại gặp người bạn vô lương tâm là *Trịnh Hâm* lập mưu làm hại. Tìm đến nhà nhạc gia, chàng mong được giúp đỡ nhưng cha con họ *Vô* lòng dạ tráo trở, đem chàng bỏ vào hang sâu chò mất tích. Được một tiểu phu cứu ra, Vân Tiên gặp người bạn hiền là *Hớn Minh* đem đến một ngôi chùa nường náu.

Trong khi ấy Nguyệt Nga cũng trải qua nhiều nạn lớn. Bị nịnh thần ép duyên, nàng không chịu. Vua Sở nghe lời sàm tấu bắt nàng sang cống *Phiên* để tránh việc binh đao. Đi nửa đường nàng nhảy xuống sông tự vận. Được Ngư ông cứu sống, nàng lại sa vào tay *Bùi Kiệm*; một chàng có "máu dê" nhưng may cũng thoát khỏi và đến ẩn tại một ngôi chùa.

3- *Vân Tiên và Nguyệt Nga sum họp và vinh hiển* : Vân Tiên nhờ thuốc tiên sáng mắt lại, trở về nhà thăm cha và *Kiều Công* (cha Nguyệt Nga). Gặp khoa thi chàng đỗ *Trạng nguyên*. *Giặc Phiên* lại một phen quấy nhiễu, chàng vâng lệnh vua đi đánh dẹp; thắng trận, trên đường về chàng lại gặp

Nguyệt Nga. Chẳng tau vua xin tha tội cho nàng và cùng nàng kết duyên sum họp. Sau vua vì không con, nhường ngôi cho Lục Vân Tiên, thật là vinh quang tột bậc. Còn bọn gian nịnh tham ác thuở trước lần lượt đều bị thiệt mạng không sót một người : đứa bị cộp tha, đứa bị cá nuốt; trong lúc đó người hiền lương được trời đất trợ giúp phù hộ.

(Trích VNTV Giảng luận, NXB Sống mới, 1970)

TRỞ LẠI TRUYỆN THƠ LỤC VÂN TIÊN

BẢO ĐỊNH GIANG

... Cũng có ít tác phẩm nào mà nhân vật đi vào cuộc sống một cách tự nhiên như truyện *Lục Vân Tiên*. Trong xã hội cũ người ta dễ bắt gặp đâu đây - tuy không nguyên mẫu - một kiểu con trai "trọng nghĩa khinh tài", thấy người lâm nạn thì xông ra cứu, một kiểu con gái "thùy chung", "sống sao thác vậy một chồng mà thôi", một kiểu bầu bạn "chị dâu, em bầu dám đâu lỗi nhì" v.v.. Hay như những nhân vật không có tên, họ cụ thể như ông Quán, ông Tiều, ông Ngư, Tiểu Đồng, Lão bà đều là những người bình thường nhưng không tầm thường. "Chùa rách, Phật vàng", những nhân vật kể trên là hạng người nghèo khổ, nhưng lòng rất đẹp, luôn luôn "dốc lòng vì nghĩa" không chờ đợi sự trả ơn, không suy hơn, tính thiệt. Đặc biệt là những nhân vật rất bé bỏng, chẳng có vị trí gì hết trong xã hội cũ như Kim Liên, Tiểu Đồng lại là những con người đáng yêu nhất, có tấm lòng vị tha nhất. Bằng nghĩa cử âm thầm, nhưng cao cả, việc họ làm không vì mục đích nào khác ngoài việc xả thân vô điều kiện để đem lại hạnh phúc cho mọi người, hay ít ra cũng là sự chia xẻ nỗi đau khổ đối với người đang gặp cảnh ngộ không may.

Theo *Lục Vân Tiên* để giúp vật, vậy mà, trước cơn bệnh ngặt của họ Lục, chú Tiểu Đồng con con kia đã làm kết sức mình để chạy chữa và có ý nghĩ "bệnh kia dầu khá mình này bán đi", đến khi ngờ *Lục Vân Tiên* đã chết, chú che chùi giữ mồ suốt ba năm ròng và còn tìm cách đưa hài cốt họ Lục về quê. Đó há chẳng phải là người hiếm có, đáng quý trên đời hay sao ?

Thôi thôi em hỡi Kim Liên

Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê.

Giọng xưng hô ngọt ngào ấy biểu hiện sự gắn bó, thương yêu của Nguyệt Nga đối với người tỳ tất. Tình cảm ấy thường hiếm thấy trong xã hội cũ. Có thể nói, không ai hiểu và thông cảm đầy đủ nỗi lòng Nguyệt Nga bằng Kim Liên. Việc Nguyệt Nga trầm mình xuống biển trong đêm, xảy ra đột ngột khiến Kim Liên lo lắng về nhiều nỗi, nhưng Kim Liên không lấy làm lạ đối với hành động này :

Vắng người có bóng trăng thanh

Trăm năm xin giữ chút tình lại đây

Vân Tiên anh hồi có hay

Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng.

Vì mối tình lý tưởng, Nguyệt Nga không có cách chọn lựa nào khác. Vì thương Nguyệt Nga, để đối phó với triều đình và giặc, Kim Liên tự nguyện làm một công việc táo bạo : Khoác áo hoàng hậu, thay Nguyệt Nga về với chúa Phiến. Tình tiết này rất thú vị. Người hầu ở một nước có thể làm vợ vua ở một nước khác. Ngoài nhan sắc, Kim Liên còn đủ sức và bản lĩnh để đảm đương vai trò người "phu nhân thứ nhất" ấy. Qua sự việc này, Kim Liên được đề cao bao nhiêu thì vua Sở cũng như vua Phiến bị hạ thấp bấy nhiêu.

Cần mở ngoặc để nói rằng, bình sinh Nguyễn Đình Chiểu có cách nhìn nhất quán về những con người bình thường trong xã hội. Khi miêu tả những người hầu, con hầu, những ông Quán, ông Ngự, ông Tiều, trong các truyện thơ cũng như những kẻ tay lăm, chân bùn trong lịch sử kháng chiến, ông đều làm nổi bật hình ảnh trong sáng của họ. Trong Lục Vân Tiên, ông Quán là một nhân vật đặc biệt. Là người bán thức ăn cho khách qua đường, nhưng ông Quán nói ra toàn chuyện đạo lý, thời cuộc. Có dịp gặp những người trí thức, ông đã bộc lộ tình cảm "thương, ghét" của mình rất rõ ràng :

Quán rằng ghét chuyện tầm phào

Ghét cay, ghét đắng, ghét vào trong tâm

Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm

*Để dân đến nỗi sa hầm, sẩy hang
 Ghét đời U, Lệ đa đoan
 Khiến dân luống chịu lần than muôn phần.
 ... Thương là thương đức thánh nhân
 Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khổng.*

Hóa ra đây không phải là một ông Quán bình thường, toan tính lời lỗ, chuyên buôn bán, để mưu sinh, mà chính là người trí thức có hoài bão lớn, tình cảm lớn đi ở ẩn. Xuất phát từ lập trường bảo vệ hạnh phúc của người, Ông Quán mượn lịch sử để lên án vua chúa hư đốn. Ông nói sách vở nhưng không phải nói để cốt khoa trương mà có ngụ ý rõ ràng. Xét về mặt nghệ thuật, một số nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu trong các tác phẩm, trừ người thực, việc thực hầu hết đều không có xuất xứ, lai lịch cụ thể và xuất hiện có phần đột ngột, mang tính ngẫu nhiên. Nhưng tác giả không cần chú ý đến điều đấy. Nguyễn Đình Chiểu không tự trói buộc mình một cách cứng nhắc trong việc xây dựng, bố cục của một tác phẩm. Điều ông cần là những nhân vật chính diện xuất hiện nói hộ ông những cái ông cần nói. Ở *Lục Vân Tiên* là ông Quán, là ông Ngư, ông Tiều ở tác phẩm khác là Nhân Sư.

*Xem qua kinh sử mấy lần
 Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương.*

Không nghi ngờ gì nữa, nhân vật ông Quán là người phát ngôn của Nguyễn Đình Chiểu về tư tưởng yêu dân và coi trọng lễ phải ở đời. Nó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm cũng như cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu.

Trong *Lục Vân Tiên*, nhân vật nhà vua đang trị vì rất mờ nhạt. Và, dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, nhà vua không bị đả kích trực tiếp. Dưới dạng phê diễn một cách khách quan, qua sự thú nhận của Sở Vương, ta thấy tất cả tội lỗi của tên vua khiếp nhược, luôn luôn sợ giặc và thường nghe gian nịnh xúi giục làm bậy. Đưa người con gái tài sắc, nét na hiêm có như Kiều Nguyệt Nga làm vật triều cống cho

quân thù mà lòng vẫn dửng dưng không chút xót thương áy náy, như thế có đang là người "chăn dân", có trách nhiệm lớn nhất đối với nước không ?

*Phán rằng : Trẫm sợ nước Phiên
 Có người Cốt Đột phép tiên lạ lòng
 Nay đã trừ Cốt Đột xong
 Thật trời sinh Trạng giúp trong nước nhà
 Phải chi sớm có Trạng ra
 Làm chi nên nổi Nguyệt Nga cống Hồ.*

Bi kịch của xứ sở và cá nhân Nguyệt Nga đều do từ nguyên nhân ấy. Chính vua và Thái sư là tội phạm gây ra bao thảm cảnh cho dân chúng. Ghét ai, thương ai, tình thần của lời ông Quán rất khớp với sự thú nhận của Sở Vương, nói lên mối quan tâm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu đối với những kẻ nắm vận mệnh quốc gia. Tuy không lộ liễu, nhưng những đòn roi mạnh nhất của ông bao giờ cũng nhằm quất vào bọn thống trị chễm chệ giữa cung điện vàng son. Nắm bắt được ý nghĩ của Nguyễn Đình Chiểu, người đọc của ông không vì do tên đất nước, tên địa phương, tên mới nghe có vẻ xa lạ mà cho rằng chuyện xảy ra ở đâu đâu, không phải là hiện thực của Việt Nam dưới thời nhà Nguyễn.

Thực tế bi đát của xã hội, cộng với nghịch cảnh của bản thân, đã khiến "Trước đèn", ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu phác họa hoàn cảnh thế thái "nhân tình éo le". Nhưng điều đáng chú ý là, tất cả những kẻ tàn nhẫn, xấu xa nhất, những tên vô lại, bọn người lòng heo, dạ chó cuối cùng đều bị trừng phạt. Trái lại, người trung trinh, tiết nghĩa, ăn ở thủy chung và phải đạo đều được sáng danh, được thỏa mãn mơ ước chính đáng của mình. Võ Công xấu hổ lâm bệnh rồi chết. Mụ Quỳnh Trang và Võ Thế Loan bị cộp tha bỏ vào hang Thương Tong (nơi Võ Công đưa nhốt Lục Vân Tiên trước đó). Trịnh Hâm thì bị sóng thần đánh đắm thuyền trên đường về, làm mồi cho cá. Thái sư thì bị cách chức đuổi ra khỏi triều đình.

Trái lại, Lục Vân Tiên nhờ linh dược mắt sáng ra, thi đỗ trạng, diệt giặc Phiên lập công đầu. Nguyệt Nga ba chìm bảy nổi vẫn sống và được gặp lại người yêu. Ông Ngư, ông Tiều, được tưởng thưởng xứng đáng, Tiểu Đồng, Lục Vân Tiên "thầy tớ," sum họp một nhà. Đây là một trong những mối quan hệ đẹp nhất. Tình cảm của Tiểu Đồng đối với Lục Vân Tiên ai cũng rõ. Còn Lục Vân Tiên đối với Tiểu Đồng thì sao?

Bị Trịnh Hâm gạt đưa xuống thuyền để chìm chết, canh thâu, Lục Vân Tiên vẫn nhớ Tiểu Đồng :

Trong khăn lụy nhỏ chứa chan

Cảm thương phận tớ mắc nàn khi không

Lục Vân Tiên tình cờ gặp Hồn Minh giữa rừng, sau khi kể lễ công ơn cha mẹ già, Lục Vân Tiên liền nhắc đến Tiểu Đồng với nỗi thương xót vô hạn :

Tưởng thôi như cắt ruột gan

Quặn đau chín khúc, chứa chan mấy lần.

Khi đỗ trạng, lập công lớn, chính là lúc Lục Vân Tiên nghĩ đến Tiểu Đồng hơn bao giờ hết. Nặng ơn người giúp việc tận tụy, trung thành, luôn luôn hết lòng vì mình trong cơn hoạn nạn, Lục Vân Tiên truyền quân sĩ bày lễ tế Tiểu Đồng và đích thân "Quốc trạng" đọc bài văn tế :

Đọc văn nhớ tới chau mày

Đôi hàng lụy ngọc tuôn ngay ròng ròng.

Giữa cuộc truy điệu, không ngờ Tiểu Đồng còn sống đã về tới :

Mấy năm tớ mới gặp thầy

Cùng nhau kẻ nổi đấng cay từ gần

Đẹp xong giặc cướp, trả ơn trả nghĩa mọi người và rộng lòng tha thứ những người làm lỗi, kể cả những kẻ đang tâm ám hại mình, nghĩa nước, tình nhà đều vẹn vẻ, Lục Vân Tiên quả là một nhân vật "mẫu" mà bình sinh Nguyễn Đình Chiểu mơ ước vươn tới trong sự nghiệp lập thân. Hình ảnh sáng

ngồi kia cũng chiếu rọi trong tâm trí quần chúng, những người bao giờ và ở đâu cũng đứng về phía chính nghĩa, chống lại bọn gian tà.

Trước đây, trong làng xóm, bà con, cô bác thường ghen ngào, có người òa lên khóc nức nở khi đọc (hoặc khi xem biểu diễn) đến đoạn Lục Vân Tiên bị mù mắt và bị bọn ác độc đem bỏ vào hang tối. Đến lúc "Vân Tiên đầu đội kim khôi, tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô" xông vào trận chiến, chém giặc Cốt Đột "đầu treo cổ ngựa" thì ai nấy đều thò phào, cảm thấy mát mẻ trong lòng. Đối với hình ảnh Nguyệt Nga, người đọc, người xem dành cho người con gái nét na, đảm thắm, rất mực chung thủy này một cảm tình to lớn.

Bất chấp thực tế phũ phàng, Nguyễn Đình Chiểu cho các nhân vật tài đức vô song, sáng ngời chính nghĩa, qua bao cơn hoạn nạn, biến cố, cuối cùng đều đi tới đích vinh quang và sự tốt cùng của hạnh phúc. Như vậy, chẳng những tác giả đã phát biểu ước mơ của chính bản thân và còn làm thỏa mãn được yêu cầu của quần chúng giữa một xã hội đầy rẫy cảnh trái ngang. Linh được nào làm sáng được mắt Lục Vân Tiên ? Quan Thế Âm nào cứu sống được Nguyệt Nga ? Qua bản thân mình, Nguyễn Đình Chiểu không tin có điều đó. Cũng như cạp gặp người thì thịt, làm gì có chuyện gặp cạp công mẹ con Quỳnh Trang bỏ vào hang ? Tất cả, chẳng qua là sự "sắp xếp" của Nguyễn Đình Chiểu, miễn sao người hiền tài được cứu vãn, kẻ ác độc phải bị diệt vong. Nguyễn Đình Chiểu muốn mọi người "lẳng lặng mà nghe" lẽ công bình ấy.

(Trích *những Ngôi sao sáng trên bầu trời Văn học Nam Bộ*, NXB - VN - TP - HCM 1990)

LỤC VÂN TIÊN ĐÁNH CƯỚP CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

Đoạn này trích ở phần đầu của tác phẩm. Lục Vân Tiên học thành tài rồi từ biệt thầy lên kinh đô đi thi, giữa đường gặp dân đang chạy cướp tán loạn. Vân Tiên liền hỏi thăm sào huyệt của chúng nơi đâu, rồi bẻ cây làm gậy xông vào đánh tan bọn cướp, cứu được Nguyệt Nga và Kim Liên.

Phân đoạn :

I / (từ câu 1 - 38) - Vân Tiên gặp dân chạy cướp, hỏi đầu đuôi.

II/ (còn lại) - Vân Tiên đánh tan bọn cướp, cứu được Nguyệt Nga và Kim Liên.

Mở đầu đoạn văn - Vân Tiên thấy dân chạy, liền hỏi ngay duyên cớ làm sao ?

- "*Bớ chủ công con !*

Việc chi nên nổi bon bon chạy hoài ?"

Đó là cử chỉ nhiệt tình của một người biết quan tâm kẻ khác. Biết quan tâm kẻ khác là một điều rất tốt. Biết quan tâm và cứu giúp kẻ khác hết sức mình cũng là một đức tính đáng yêu của con người. Vân Tiên là con người như vậy. Được dân cho biết có lũ cướp hoành hành, chàng liền tự nguyện, vì tinh thần hào hiệp thương yêu nhân dân chứ không vì động cơ nào khác :

"Tôi xin ra sức anh hào

Cứu người cho khỏi lao đao buổi này"

Và Vân Tiên đã nói là làm : Chàng liền :

"Bẻ cây làm gậy tìm đường thẳng vó".

Gặp bọn lâu la, trước khi trừng trị, chàng mắng bọn chúng về cái tội hại dân, rồi xông vào, tả đột hữu xung, mãnh liệt

như Triệu Tử Long phá vòng vây Dương Dương để cứu A Dấu (con trai Lưu Bị) thoát tay Tào Tháo (Tam quốc chí). Bọn lâu la bị đánh tan hoang. Tên đầu đảng Đỗ Dự đền tội.

Lục Vân Tiên quả là một con người dũng cảm hào hiệp. Net đẹp nhất của chàng là biết luôn luôn quan tâm đến cuộc sống của nhân dân và luôn luôn nêu cao nhiệt tình chiến đấu trừ gian trừ bạo cho dân với một tinh thần hào hiệp dũng cảm và cao thượng. Chàng lại là con người có tài võ nghệ nói được và làm được, lời nói và việc làm đi đôi.

Những nét tính cách đó của Vân Tiên chính cũng là những nét tính cách "vị nghĩa" của đồng bào Nam Bộ từ xưa đến nay, trong cuộc đấu tranh chống phong kiến, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, 115 năm gian khổ và cuối cùng đã đi đến thắng lợi ngày hôm nay.

Kết luận : Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho yêu nước tiến bộ. Ông biết lấy những điểm tích cực trong đạo Nho - tinh thần hào hiệp - vì nghĩa quên mình - để giáo dục tinh thần nhân nghĩa cho quần chúng qua các tác phẩm của ông, ở đây là tác phẩm Lục Vân Tiên.

(Trích giáo án)

LỤC VÂN TIÊN GẶP NẠN

Giữa thân thế ông và cuộc đời của chàng thư sinh văn hay võ giời này, có nhiều điểm tương đồng đáng cho ta lưu ý.

Trong thời kỳ thanh xuân, Lục Vân Tiên được yên ổn học tập cho đến khi sửa soạn đi thi, tương lai đầy hứa hẹn, cũng như Nguyễn Đình Chiểu cũng đã có một thời dùi mài kinh sử không có điều gì trở ngại, đã đỗ được tú tài, chỉ còn chờ một khoa thi Hương là có thể đem tài ra giúp nước. - Gần đến ngày thi, sắp được "thang mây nhẹ bước" thì Lục Vân Tiên được tin mẹ từ trần :

*Vân Tiên vừa bước chân ra
Bỗng đâu xảy gặp tin nhà đưa thư,
Khai phong mới tỏ sự cơ
Mình gieo xuống đất, dật dờ hồn hoa...
Anh em ai nấy đều thương...*

Thế là trong phút chốc :

*Giày rơm mũ bạc, áo thùng
Cứ theo trong sách Văn công mà làm.*

Nỗi đau đón vì thương mẹ vô cùng thấm thiết

*Hai hàng lụy ngọc rờn rờn
Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu...
Thương thay chín chữ cù lao,
Ba năm nhủ bộ biết bao nhiêu tình.*

Lại thêm tâm hồn hoang mang vì một nỗi :

Lở bề báo hiếu, lở đường lập thân.

Nhớ mẹ bao nhiêu chàng khóc bấy nhiêu, khóc mãi cho đến một ngày kia chàng đau đón nhận thấy mình đã mù :

Ôi thôi ! Con mắt đã mang lấy sầu

Mặt mù nào thấy chi đâu...

Trong cơn tai biến chàng nhớ lại lời thầy tiên đoán khi lên đường : Số chàng công danh rạng rỡ nhưng phải còn chờ đợi lâu vì thời vận chưa đến :

*Hiềm vì ngựa chạy đằng xa,
Thỏ vừa ló bóng, gà đã gáy lan..."*

... " 1- Phần kể về tội ác của Trịnh Hâm ngắn gọn trong mấy câu nhưng tác giả đã nói rõ được tâm địa độc ác của hắn. Trước hết tác giả cho ta thấy tội ác của Trịnh Hâm là một tội ác tày trời, tội giết người độc ác đến cực độ : Giết một người bạn tốt đang gặp nạn, một người mù không phương chống đỡ, giết có tính toán, sắp đặt mưu ma chước quỷ : Lựa lúc đêm khuya, đẩy Vân Tiên xuống sông, giả tiếng kêu trời... Và tác giả cũng cho ta biết cả động cơ tội ác của Trịnh Hâm; không quen biết, thù oán từ trước, chỉ gặp nhau trên đường đi thi, Trịnh Hâm thấy Vân Tiên là người có tài, sinh lòng ghen ghét. Khi Vân Tiên bỏ thi về chịu tang mẹ. Dọc đường bị ốm, mù cả hai mắt, thì Trịnh Hâm thi đỗ cử nhân. Thế mà khi gặp lại, Trịnh Hâm vẫn tìm cách giết Vân Tiên cho bằng được, không thương tiếc, không lý do gì vẫn giết. Điều này cho ta thấy cái ác đã trở thành bản chất của nó, cái ác leo thang, lan tràn trong xã hội từ bọn cướp đường đến đám nho sĩ có học, gia đình quan lại : Võ công, Thái sư trong triều đình.

... 2 - Hình ảnh ông Ngư và gia đình ông Ngư là một hình ảnh đẹp, đẹp từ việc làm đến quan niệm về cuộc sống. Hành động của ông và gia đình cứu Vân Tiên là một hành động nhân nghĩa vô cùng trọng sáng : thấy người gặp nạn là cứu, thấy việc nghĩa là làm tức khắc (ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ), hết mình (hối con vầy lửa... mụ hó mặt mày), vô tư, không tính toán, không cần trả ơn (dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn). Nhân nghĩa đã trở thành bản chất sống, nhu cầu sống của con người này. Nó đối lập với cái ác của Trịnh Hâm như nước với lửa ! Cách sống, cuộc sống của ông Ngư thật

đẹp : đó là một cuộc sống lao động được tô điểm bằng những yếu tố thơ, bông bình trên sông nước, ngao du đây đó thường ngoạn gió trăng, cuộc sống tự do, thung dung giữa đất trời ngoài vòng danh lợi. Một quan niệm sống như vậy là đẹp : Sống nhân nghĩa, biết yêu thương con người và làm theo lẽ phải (dốc lòng nhân nghĩa há chò trả ơn) sống tự do, cao thượng, ung dung thanh thản ngoài vòng danh lợi. Đồ chưa phải là lối sống của con người chiến đấu, nhưng nó là lối sống của người lương thiện, cao thượng, giữ được tính người, giữ được nhân phẩm trong xã hội phong kiến xấu xa. Qua hình ảnh ông Ngư, ông Tiều, ông Quán, ta thấy Nguyễn Đình Chiếu tin ở nhân dân, ở những người lao động. Ông cho ta thấy rằng trong xã hội bạc ác ấy vẫn có những người trong hàng ngũ nhân dân như ông Ngư, ông Tiều, ông Quán sống nhân nghĩa, lương thiện và cao thượng.

3- Kết cấu của đoạn truyện giống kết cấu của nhiều đoạn trong truyện và cũng giống kết cấu của các truyện cổ tích : Kẻ ác hãm hại người lành, người hiền, người hiền gặp lành được cứu giúp. Ở trong truyện Lục Vân Tiên là các đoạn Kiều Nguyệt Nga bị cướp bắt, Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga. Lục Vân Tiên bị Võ Công bỏ vào hang sâu được thần Núi và ông Tiều cứu giúp. Kiều Nguyệt Nga bị tên Thái sư bắt đi cống Hồ và nhảy xuống sông tự vận. Kiều Nguyệt Nga được Phật Quan Âm và bà lão trong rừng cứu giúp. Tác giả dùng hàng loạt kết cấu này là để khẳng định niềm tin vào đạo lý của nhân dân, cái chính nghĩa, cái đạo đức, cái thiện giả cũng cho ta thấy cái ác đang lan tràn, việc chống cái ác, đấu tranh cho cái thiện là điều cấp thiết.

4 - Câu "Ngư rằng : lòng lão chẳng mờ, Dốc lòng nhân nghĩa há chò trả ơn". Câu này có nghĩa là làm việc nhân nghĩa thì ông Ngư dốc lòng (làm hết mình), và làm việc nghĩa, việc thiện không đợi trả ơn, làm việc đó một cách vô tư. Chúng ta thấy hình ảnh Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga

cũng có cái đẹp, cao thượng như vậy : "Vân Tiên nghe nói liền cười, làm ơn há để trông người trả ơn... Nhỏ câu kiến ngãi bất vi, làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

(Trích Việt Nam Thi Văn Giảng Luận - Để học tốt văn 9)

LỄ GHÉT THƯƠNG

DƯƠNG QUẢNG HÀM

(Lời của một ông chủ quán hay chữ nói)

Quán rằng : Ghét việc tầm phào
 Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm
 Ghét đời Kiệt, Trụ (1) mê dâm
 Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
 Ghét đời U, Lệ (2) đa đoan,
 Khiến dân luống chịu làm than muôn phần.
 Ghét đời Ngũ bá (3) phân vân,
 Loạn thần đa tiếm, nhân dân nhọc nhằn.
 Ghét đời Thúc quý (4) phân bang,
 Sớm hòa tới đánh lảng nhằng rồi dân
 Thương là thương đức Thánh nhân,
 Bị vi Tống, Vệ, Khuông, Trần, tuyết lương (5)
 Thương thay Nhan tử (6) dò dang
 Ba mươi một tuổi tiếc đường công danh,
 Thương ông Giz Cát (7) tài lành
 Gặp cơn Hán mạt chịu đành tam phân.
 Thương thầy Đồng tử (8) tinh thần
 Chí cao như thế tiếc phần không ngôi.
 Thương người Nghiêm Lượng (9) nguì nguì
 Đã hay dẹp nước lại lui về cây,
 Thương ông Hàn Dũ (10) chẳng may
 Sớm dâng lời biểu tới đầy đi xa.
 Thương thầy Liêm Lạc (11) mới ra,
 Gặp đời loạn phải về nhà dạy dân.
 Xem qua kinh sử mấy lần,
 Nửa thương nửa ghét tám thần văn vương ?
 Trục rằng : Chùa đất Phật vàng,

Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.
 Thương dân sao chẳng lập thân,
 Đang khi nắng hạ, toan phần làm mưa ?
 Quán rằng : "Nghieu, Thuấn (13) thuở xưa, (12)
 Khó ngăn Sào Phủ (14) khôn ngừa Hứa Do (15)
 Di, Tề (16) chẳng khứng giúp Châu,
 Núi non ẩn mặt, công hầu lảng tai.
 Ông Y, ông Phò (17) cao tài,
 Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.
 Thái công (18) xưa một cần câu,
 Sớm hôm sông Vị mặc dầu vui chơi;
 Nghiêm Lang (19) cũng bực cao tài.
 Áo tôi một mảnh lạng ngồi thả câu;
 Trần Đoàn (20) tiên phẩm khác màu,
 Gió trăng bốn cột vương hầu chiêm bao.
 Người nay có khác xưa nào,
 Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn ?

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU

Đoạn trên này là lúc Lục Vân Tiên đã đến kinh đô vào nghỉ trong quán trọ cùng với anh em bàn sách vở làm văn thơ. Ông chủ quán vốn hay chữ, nhân thế, cũng bàn luận các việc trong kinh sử. Đoạn này thật là một bài hợp thái về các điển tích trong sách chữ nho.

Chú thích :

1 : Kiệt là ông vua cuối cùng nhà Hạ bên Tàu; Trụ là ông vua cuối cùng nhà Thương, là hai ông vua dâm ác. 2 : U, Lệ là hai ông vua dõ và đời nhà Chu. 3 : Đời Ngũ bá về cuối đời nhà Chu; vì quyền thế nhà vua đã suy nên năm nước mạnh tranh giành nhau mà chiếm lấy bá quyền... 4 : Đời Thúc quý về cuối đời nhà Đường bên Tàu, năm họ tranh cướp lẫn nhau, là một hồi nước Tàu nhiều loạn lẫm. 5 : Đây là nói Đức Khổng Tử lúc đi chơi các nước chư hầu gặp nhiều hồi gian truân : bị vi Tống, Vệ là phái vây ở nước Tống nước Vệ : Khuông, Trần tuyệt lương là hết lương ăn, ở nước Khuông nước Trần. 6 : Nhan tử (tức Nhan Uyên) là người học trò giỏi nhất của Đức Khổng, chả may mất sớm. 7 : Là ông Gia Cát

Lượng, một ông tướng giỏi giúp ông Lưu Bị nước Thục về đời Tam Quốc nhưng không thành công. 8 : Túc là ông Đổng Trọng Thu, ở đời vua Hán Vũ đế, đối sách bài *thiên nhân tam sách* đồ đầu, nhưng sau vua không biết dùng. 9 : Túc là Dữu Nguyên Lượng giúp nhà Tống nhất thống được thiên hạ sau phải bãi chức về nhà cày ruộng. 10 : Ông Hàn Dũ là một nhà đại văn học đời Đường dâng biểu can vua, phải giáng chức ra làm quan ở ngoài. 11 : Tên hai con sông ở chỗ quê ông Chu ông Trình (nên gọi ông Chu là thầy **Liêm**, ông Trình là thầy **Lạc**); hai ông ở về cuối đời Tống, trong nước loạn lạc không muốn làm quan, mới về nhà dạy học. 12 : Ý nói : Đường khi trong nước có việc sao không ra giúp nước. 13 : Là tên hai ông thánh quân bên tàu đời xưa; Đường, Ngu là họ hai ông vua ấy. 14 và 15 : **Sào Phủ**, **Hứa Do** là hai người hiền nhân đời xưa, một người vua Nghiêu truyền ngôi cho, một người vua Thuấn truyền ngôi cho, đều không chịu, ở nhà cày cấy làm ăn. 16 : **Di** là Bá Di, **Tề** là Thúc Tề : hai ông đều là bầy tôi nhà Thương; đến khi nhà Thương mất nước, không chịu làm quan với nhà Chu, vào ẩn trong núi. 17 : **Y** là Y Doãn, **Phó** là Phó Duyệt, đều là bậc đại tài về đời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu) mà không chịu ra làm quan, ở nhà cày cấy. 18 : Túc là ông Lã Vọng lúc chưa gặp vua Chu Văn Vương là ông vua hiền, thường câu cá trên sông Vị. 19 : Túc là ông Nghiêm Tử Lăng (xem câu chú thích (5) ở trang 38. 20 : Trần Đoàn ở đời nhà Tống có phép tiên, biết việc sau, nhưng không chịu ra giúp nước, vào ẩn trong núi.

(Trích Quốc Văn Trích Diễm, NXB Bốn Phương)

Ông chủ quán là người học rộng, thấu hiểu và xét đoán kinh sử một cách rành mạch. Ta cũng không lấy làm lạ và ông chủ quán ấy chính là thầy của Lục Văn Tiên dùng phép màu nhiệm hiện ra để giúp người hiền lương qua cơn tai nạn. (Xem truyện từ câu 451 đến câu 442). Ngoài ra, ta còn có thể hiểu tác giả đã mượn lời chủ quán để phô bày những sự thương, sự ghét của mình và biết đâu đó lại không phải là một cách phê bình gián tiếp và bóng bẩy những nhân vật trong xã hội đương thời.

Ta thử xem tác giả thương ghét những gì ?

Tác giả ghét những ông vua bạo ngược tham tàn để dân khốn khổ, những kẻ bầy tôi tiếm nghịch gây loạn rối dân, những kẻ thường gây binh đao để dân phải làm than, chết chóc. Trái lại, tác giả tỏ lòng tôn kính những bậc thánh nhân

như Khổng Tử vì lý tưởng mà phải gian nan, những người có đức độ tại căn như Nhan Uyên mà mệnh yếu, những nhà chính trị nhìn xa thấy rộng mà không gặp thời, những kẻ bày tôi lương đồng mà không được tin dùng, những kẻ đem lời ngay thẳng can gián nhà vua mà mang họa v.v..

Những sự thương ghét ấy không phải là thương ghét ích kỷ do tình cảnh eo hẹp thúc giục gây nên, mà là thương ghét quang minh chính đại, đầy nghĩa vị tha của một tấm lòng ưu thời mẫn thế.

Ông chủ quán không những là một môn đồ của Khổng Mạnh bênh vực cho cái trật tự luân thường mà còn tin tưởng theo Lão tử, không muốn bận bịu vì bạn thân, khi "xuất", khi "xử" tùy nghi định đoạt và muốn theo chân ông Y, ông Phó, họ Lã, họ Trần sống ngoài vòng danh lợi.

Văn bài này không có gì bóng bẩy tài tình nhưng trong suốt trôi chảy dẫn các điển tích dễ dàng tự nhiên. Đó cũng là một đặc tính chung của truyện Lục Vân Tiên, viết vì mục đích truyền bá tư tưởng đạo lý hơn là trình bày một công trình nghệ thuật thi ca, nên chỉ trọng lưu loát hơn là tài hoa mỹ lệ.

(Trích Việt Nam Thi văn Giảng Luận, NXB Sống Mới, 1970).

CHẠY TÂY

ĐỖ QUANG LƯU

"Tan chợ vừa nghe tiếng sùng Tây...". Tiếng sùng của giặc Tây nổ ra đột ngột phá tan cảnh sống yên lành của nhân dân ta. Câu thơ gợi cảm giác kinh hoàng về cái tai họa ập đến quá bất ngờ khiến cho người dân dường như chưa thấy bóng giặc đã thấy được tội ác của giặc ! "Tan chợ" (tức buổi xế chiều) là một hình ảnh ẩn dụ chỉ cuộc sống yên lành của dân chúng đang đi vào chiều sâu. Trái lại, "tiếng sùng Tây" vừa là một hình ảnh thực vừa là một hình ảnh ẩn dụ gợi lên nỗi kinh hoàng về cảnh chết chóc đau thương đối với họ.

Chính tiếng sùng đó phút chốc đã đẩy triều đình nhà Nguyễn vào tình thế nguy khốn, hiểm nghèo. Vì "Một bàn cờ thế phút sa tay", "Bàn cờ thế" và "sa tay" cũng là những hình ảnh ẩn dụ ngụ ý nói : "nước cờ" của nhà Nguyễn, vận mệnh của nhà Nguyễn đã đi tới bước thất bại hoàn toàn, do đó đã đẩy nhân dân ta vào cảnh "chạy giặc" khốn khổ, điêu linh như thế này đây !

" Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mất ổ bầy chim dáo dác bay "

Thông qua biện pháp sử dụng những hình ảnh tượng trưng có giá trị gợi cảm ("Lũ trẻ.. Bỏ nhà" // "Bầy chim... mất ổ") và những từ tượng hình có giá trị gợi tả ("Lơ xơ chạy // Dáo dác bay") kết hợp với hình thức đảo ngữ có tác dụng gây ấn tượng mạnh ("Bỏ nhà / lũ trẻ... // Mất ổ / bầy chim..."), tác giả đã phác họa ra trong hai câu thơ trên cảnh chạy giặc đầy thương tâm, nêu bật lên nỗi khốn khổ của nhân dân ta trong nỗi điêu linh đó.

Rõ ràng phải có sự thông cảm sâu sắc, sự thương yêu gắn bó với nhân dân, nhà thơ mới tưởng tượng và phác họa ra được tình cảnh đau thương đó bằng những hình ảnh chân

thực, tự nhiên, đầy xúc động như vậy : Trẻ con bỏ nhà, hót hải, tan tác chạy chạy trên đường, lạc bố lạc mẹ - chim chóc lìa đàn, lìa tổ hốt hoảng đảo đảo bay đi...

Tiếp đó, từ chỗ phơi bày những nỗi cực, điêu linh của nhân dân ta trong cảnh chạy giặc (2 câu thực), nhà thơ đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp xâm lược (2. câu luận) bằng nhiều biện pháp nghệ thuật kết hợp đồng thời :

*" Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây "*

Trước hết, dưới hình thức đảo ngữ, những hình ảnh "Bến Nghé của tiền" và "Đồng Nai tranh ngói" đã nêu bật lên những con sông, bến nước, những đất đai thân thiết, gắn bó biết bao với nhân dân vùng Gia Định hồi ấy cũng như với bản thân nhà thơ, do đó ngay thoạt đầu nó đã đem đến cho 2 câu thơ một sức gọi cảm đáng chú ý. Mặt khác, "Bến Nghé" và "Đồng Nai" còn là những hình ảnh hoán dụ biểu hiện sinh động cái giàu có (tiền của như nước) và cái trù phú (phổ xá, xóm làng, nhà cửa san sát) của cả một vùng quê hương Gia Định thân yêu của tác giả. Thế mà trong phút chốc, cái "tiền của như nước" ấy đã tan thành "bọt nước", có nghĩa là đã bị giặc cướp phá vơ vét sạch sành sanh, và những phổ xá xóm làng san sát ấy đã bị giặc thiêu cháy rụi và bốc lên thành "mây" thành "khói" ! Hai hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa mỉa mai ("tan bọt nước" và "nhuộm màu mây") kết thúc hai câu thơ đối xứng nhau đã góp phần tạo nên một bức tranh đầy xúc động về toàn cảnh vùng quê hương Gia Định trù phú đã bị giặc Pháp cướp bóc, đốt phá tan hoang trong chốc lát !

Dằng sau bức tranh ấy chúng ta thấy nổi lên khá rõ thái độ căm giận tột độ đối với tội ác tày trời của bọn thực dân cướp nước của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu tuy đã bị mù nhưng ông vẫn trông thấy tất cả, vẫn chứng kiến tất cả do lòng yêu nước thương dân nồng nàn và tình cảm gắn bó tha thiết với quê hương của ông.

Chính bởi vậy, kết thúc bài thơ, tác giả đã chất vấn kẻ có trách nhiệm đối với dân với nước (tức triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng giặc) :

"Hỏi trang đẹp loạn rày đâu vắng,

Nồ để dân đen mắc nạn này "

Chất vấn bằng một giọng châm biếm vừa mỉa mai ("Hỏi trang đẹp loạn...") vừa chua chát ("Nồ để dân đen..."), và bằng cách kết hợp kiểu câu hỏi nhằm chất vấn ("... rày đâu vắng") với câu cảm thán để lên án ("Nồ để dân đen..."), nhờ đó đã làm tăng thêm sức mạnh phê phán, tố cáo của bài thơ.

Nói tóm lại, bằng cách kết hợp một cách khá linh hoạt tự nhiên nhiều biện pháp nghệ thuật có tính truyền thống của văn học cổ và của thơ đường luật (ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng, tượng hình, đảo ngữ, đối ngữ), trong bài thơ có giá trị đặc sắc và có ý nghĩa lịch sử đáng quý này, Nguyễn Đình Chiểu đã giới thiệu với chúng ta tình cảnh chạy giặc điêu linh khốn khổ của nhân dân ta, cùng với cảnh đất nước bị tàn phá tan hoang, tàn hại không sao kể xiết vào những năm mở đầu cuộc xâm lược tàn bạo của thực dân Pháp, qua đó ông nói lên nỗi đau xót cùng cực và lòng căm giận sâu sắc của ông đối với tội ác của lũ giặc cướp nước và thái độ hèn nhát bất lực "đem con bỏ chợ" của triều đình nhà Nguyễn hồi đó.

(Trích ôn luyện văn PTCS)

NGÓNG GIÓ ĐÔNG

VŨ DỪNG

Hoa cỏ ngùi ngùi ngong gió đông

Chúa xuân đâu hỏi có hay không ?

Mây giăng ải bắc trông tin nhận (1)

Ngày xế non nam bật tiếng hồng (2)

Bờ cõi xưa đà chia đất khác

Nắng sương nay há đợi trời chung

Chừng nào Thánh đế ân soi thấu

Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

(....) Nửa sau thế kỷ XIX, khi quân xâm lược Pháp nổ súng vào thành Gia Định, chàng thư sinh Nguyễn Đình Chiểu xuất hiện với tư thế một nhà thơ chiến sĩ ! Nguyễn Đình Chiểu ý thức rất rõ mục đích làm thơ của mình, hay nói cách khác, mục đích đánh địch bằng thơ. Nguyễn Đình Chiểu không nhằm mục tiêu trở thành thi sĩ, không có mộng thi nhân. Trước và sau, Nguyễn Đình Chiểu chỉ có một chí hướng làm người chiến sĩ sử dụng thơ ca làm vũ khí. Danh hiệu nhà thơ đến với thầy Đồ Chiểu do nhân dân suy tôn...

... Trong sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, phần thơ văn yêu nước chống Pháp đáng quý hơn cả. Viết thơ văn yêu nước chống Pháp, Nguyễn Đình Chiểu trực tiếp bộc lộ trái tim mình. Đó là một trái tim vĩ đại. Trái tim ấy đầy áp dòng máu yêu nước, thương nòi, kiên cường, bất khuất của dân tộc. Nó đập một nhịp với trái tim đất nước suốt mấy mươi năm quân xâm lược thôn tính dần xứ sở chúng ta. Vì vậy, nói đây là thơ, là văn của Nguyễn Đình Chiểu cũng được,

Chú thích : 1,2 Tin nhận, tiếng hồng : Tô Vũ, người đời Hán, di sứ Hung Nô, không chịu khuất phục, bị giam cầm ở bên nước ấy, nhà Hán sai sứ dò hỏi, Hung Nô bảo Tô Vũ chết rồi, sứ nhà Hán phải nói thác rằng : "Vua Hán sẵn được con chim nhận, chân có buộc bức thư lụa, nói Tô Vũ còn sống, vì thế Hung Nô mới thả Tô Vũ về. Người sau dùng điển này, nói tin nhận, hay thư nhận để chỉ tin tức hay thư từ. Hai câu thơ ý nói : trông mãi mà không được tin của triều đình Huế ngoài Bắc đem quân vào để đánh đuổi thực dân Pháp, trông đợi tin tức của nghĩa quân ở miền Nam mà chưa thấy gì.

mà nói đây là máu, là thịt của Nguyễn Đình Chiểu cũng đúng. Ở Nguyễn Đình Chiểu, con người nghệ sĩ và con người chiến sĩ đã hài hòa với nhau. Viết văn là để chiến đấu. Chiến đấu hết lòng thì viết văn mới hay.

Nguyễn Đình Chiểu quả đã sống vào lúc đất nước không còn cái nhất trí đồng lòng bảo vệ non sông với hào khí Diên Hồng, Sát Thát, cũng không còn nữa những vị minh quân hay những bậc anh hùng áo vải, mà trí tuệ và tài năng như một khối thống nhất với ý chí toàn dân, để tạo nên những lần tấc chiến, tấc thắng như ở trận Đống Đa ngót trăm năm về trước. Ông đã sống vào một thời kỳ tao loạn nhất, trên khắp đất nước đâu đâu cũng diễn ra cảnh điêu linh. Nỗi đau thương nung nấu vì quê hương dân tộc và hoàn cảnh sống giữa môi trường nhân dân luôn sục sôi tranh đấu đã khiến ông từ một thầy giáo bị tật nguyền trở thành người chiến sĩ xuất sắc trên mặt trận văn hóa, góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống cao cả nhất của ông cha. Thật vậy, ở thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, người ta không chỉ thấy tiếng nói thiết tha của người rất mực thương dân yêu nước, thơ văn ông còn phản ánh lên cái bề sâu chân chất nhất của một tinh thần bất khuất hiên ngang, sẵn sàng sống chết với quân thù, của những con người từng đã phải rời chốn quê cha đi mò nước, với bàn tay mình khai phá, dựng xây.

Cảm uất đối với quân giặc đã đành, nhưng nếu triều đình cương quyết đánh, dựa vào dân mà đánh, dù đánh có thua đi nữa, mình mất năm mất bảy mà giết nó được một được hai thì dù chết cũng còn hả dạ. Đằng này, lũ vua quan mũ cao áo dài đều đều gần như một duộc, chỉ chống cự qua quýt rồi quí lạy quân giặc xin hàng, xin cắt đất, chia dân, ngăn cản, đàn áp nhân dân khi nhân dân đứng lên chống giặc. Thế thì còn tức uất đến mức nào nữa ?

(Trích lời giới thiệu thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu - kỷ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu, SDD)

Bài thơ "Ngóng gió đông" phản ánh tình thế và tâm trạng của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu như đã nói trên.

Hai câu thơ đầu, thể hiện cái bất khoan, thao thức, đợi chờ một cái gì như :

*Hoa có ngủi ngủi ngóng gió đông !
Là một câu hỏi chua xót, đau lòng :
Chúa Xuân đâu hỏi có hay không ?*

"Chúa Xuân".... phải chăng là cuộc sống yên lành là vận mệnh đất nước đang đứng trước hiểm họa xâm lăng có khả năng chống trả để tồn tại hay không ? Chưa mất hẳn niềm tin, nhưng hy vọng thì đã mỏng manh, bởi chữ : "đâu hỏi, có hay không" ?

Nhưng đến bốn câu tiếp theo :
*Mây giăng ải bắc trông tin nhận
Ngày xé non nam bật tiếng hồng
Bò côi xưa đã chia đất khác
Nắng sương nay há đợi trời chung !*

Rõ ràng, ở đây sự trông ngóng càng da diết thì lòng căm uất cũng dâng lên đến tột độ "há đợi trời chung". Nhưng cái da diết thì đã rõ, nhưng còn căm uất với ai ? Đó là cái triều đình mục nát, hèn yếu không giám khai chiến chống lại quân xâm lược và bẻ lư xâm lược !

Với phong độ của một nhà Nho, sống có đạo lý, Nguyễn Đình Chiểu không cao giọng lên án, gay gắt với nhà vua, nhưng không phải không buộc tội kẻ đứng đầu trăm họ không làm tròn phận sự của mình để cho : "Bò côi đã chia đất khác".

*Chứng nào Thánh đế ân soi thấu
Mỗi trận mưa nhuần rửa núi sông.*

Đó vừa là lời cầu mong, vừa là nêu lên một trách nhiệm đối với triều đình là Thánh đế - một hành động rửa núi sông hết mùi tanh tưởi của quân thù.

Bài thơ nêu cao một tấm lòng yêu nước, quan tâm tha thiết đến vận mệnh của dân tộc và cũng là lời thỏ than chua xót.

Nếu ở Lục Văn Tiên, văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc có cái hay làm xúc động lòng người bởi tiếng nói "dân dã" thì ở đây người đọc lại cảm nhận được cái hay của văn chương bác học. Lời thơ man mác, lắng đọng một nỗi đau vì dân vì nước.

(Trích giáo án)

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

TRẦN THỊ THÌN

1. Đầu năm 1859, từ Đà Nẵng, thực dân Pháp đánh vào Sài Gòn, chiếm thành Gia Định. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương xây phòng tuyến Đại Dồn, bao vây chúng. Tháng 2 năm 1861, giặc Pháp tấn công Đại Dồn, giải vây Gia Định. Ngày 14 - 12 - 1861, lợi dụng tình thế bất ngờ, chúng tấn công ào ạt chiếm được Tân An, Cần Giuộc, Gò Công. Sau đó hai ngày (16 - 12), đúng đêm rằm tháng mười một năm Tân Dậu, dưới quyền chỉ huy của thống quân Bùi Quang Diệu, nghĩa quân đã tập kích đồn giặc ở Cần Giuộc. Quân ta tiêu diệt một số quan quân của giặc và một tên tri huyện tay sai. Phía nghĩa quân hy sinh 27 người. Theo lệnh Đỗ Quang, tuần vũ Gia Định, Bùi Quang Diệu làm lễ truy điệu nghĩa quân. Lúc bấy giờ Nguyễn Đình Chiểu tản cư về quê vợ ở Thanh Ba, Cần Giuộc. Ông được giao làm bài văn tế này.

Nghĩa binh phần lớn là nông dân ở các đồn điền do nhà Nguyễn lập ra. Người ta thường gọi là "dân mộ nghĩa" cho nên bài văn còn có tên là "Văn tế vong hồn dân mộ nghĩa" hay "Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc".

Ngay sau khi được phổ biến, bài văn có tiếng vang rất lớn nhất là trong nhân dân. Nó có giá trị mở đầu cho dòng văn học yêu nước chống Pháp nửa sau thế kỷ XIX. Bài văn được xây dựng trên cơ sở người thật việc thật cho nên ý nghĩa của nó lại càng sâu sắc, đặc biệt là trong giai đoạn lịch sử "đau thương, khổ nhục nhưng vĩ đại" của dân tộc.

Qua bài văn, Nguyễn Đình Chiểu bày tỏ nỗi tiếc thương vô hạn đối với những nghĩa sĩ nông dân đã bỏ mình vì nước, đề cao tấm gương hy sinh chiến đấu anh dũng của họ để động

viên lòng yêu nước căm thù giặc, ý chí kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta.

2. Bài văn được viết theo thể văn tế, kết cấu gồm bốn phần:

Phần 1 : Lung khởi (câu 1 - 2) : Sự hy sinh vẻ vang của nghĩa quân.

Phần 2 : Thích thực (câu 3 - 15) : Giới thiệu về người nghĩa quân nghèo khổ dũng cảm chiến đấu vì đại nghĩa.

Phần 3 : Ai vãn (câu 16 - 28) : Lòng tiếc thương của tác giả và nhân dân đối với liệt sĩ.

Phần 4 : Kết (câu 29 - 30) : Ca ngợi tinh thần bất diệt của các liệt sĩ.

Đọc giọng thể hiện được nỗi đau xót sâu xa, tiếc thương vô hạn và lòng kính phục chân thành của nhân dân đối với hành động cao quý của nghĩa quân đồng thời bộc lộ niềm tự hào của Nguyễn Đình Chiểu về vai trò to lớn của nông dân trong chiến tranh giữ nước.

3.1 Lung khởi : Sự hy sinh vẻ vang của nghĩa quân :

Từ và nhóm từ :

Câu 1, 2 : có thể hiểu : người nông dân dù làm ruộng hay tham gia đánh Tây đều để lại tiếng tăm ở đời. Tô : hiểu rõ.

Phân tích : Bài văn mở đầu bằng từ cảm thán. Hỡi ôi ! và hai câu tứ tự (bốn chữ) :

Hỡi ôi ! sủng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ .

Câu văn ngắn gọn nhưng mang nội dung hàm súc và đã dựng lên được khung cảnh bão táp của thời đại, khái quát đầy đủ hai mặt của biến cố lớn : một bên là cuộc xâm lăng ào ạt, tàn bạo của kẻ thù với vũ khí tối tân, một bên là vai trò và ý chí chống xâm lược của nhân dân. Hai mặt đó trong thực tế lịch sử đã xung đột mãnh liệt chi phối toàn bộ thời cuộc.

Trong vòng ba năm, tiếng súng cướp nước của thực dân Pháp đã nổ suốt dài đất từ Trung kỳ tới Nam kỳ. Chúng đi tới đâu, quân triều đình nhà Nguyễn lui tới đó, chỉ có quần chúng là chống trả quyết liệt. Cho nên Nguyễn Đình Chiểu mới viết "lòng dân trời tỏ". Chỉ có trời mới hiểu rõ lòng dân, còn cái đám vua tôi hèn hạ, nhu nhược kia vốn võ ngực tự xưng là thiên tử (con trời), là phụ mẫu chi dân nay sợ giặc. Bọn chúng đã tự chuốc bỏ vai trò lịch sử của mình nên không thể hiểu nổi lòng dân trước sự sống còn của đất nước. Dem đối chọi súng giặc với lòng dân, gạt bỏ cái triều đình thói nát kia ra ngoài, Nguyễn Đình Chiểu đã biểu hiện một quan điểm nhìn nhận thời cuộc khá sâu sắc và tiến bộ.

Ở câu thứ hai, tác giả giới thiệu chung về người nông dân trong sản xuất và chiến đấu :

Mười năm công võ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao ;

Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ .

Có mối quan hệ tương phản giữa hai vế : mười năm công võ ruộng với một trận nghĩa đánh Tây.

Người nông dân võ ruộng, khai hoang trong nhiều năm, có thể cả đời người (mười ở đây không phải là số từ cụ thể mà chỉ là số nhiều nói chung), có mất đi nhưng tên tuổi vẫn còn. Nay họ tham gia đánh Tây, tuy hy sinh nhưng để lại tiếng vang rất lớn trong lịch sử.

Hai câu lung khởi đã khái quát được bối cảnh lịch sử của thời đại và khẳng định tinh thần bất diệt của những người nghĩa quân nông dân đã hy sinh trong trận Cần Giuộc.

3.2- Thích thực : Giới thiệu người nghĩa quân nghèo khổ dũng cảm chiến đấu vì đại nghĩa.

Từ và nhóm từ :

Linh : vong hồn người đã khuất. Cách gọi người đã khuất

tỏ ý kính trọng. Côi cút làm ăn : âm thầm lặng lẽ làm ăn. Bông bong : lều vải của quân Pháp dựng ở tạm. Ống khói chạy đen sì : ống khói tàu thủy của giặc chạy trên sông. Một mối xa thư đồ sộ : ý nói nước nhà thống nhất, vận mệnh đất nước vô cùng hệ trọng. Chém rắn đuổi hươu : chỉ kẻ cướp nước, bán nước. Hai vàng nhật nguyệt chói lòa : có mặt trời mặt trăng chiếu rọi, sáng tỏ : cũng có ý là chính nghĩa ở đời. Lũ treo dê bán chó : lũ bán nước và cướp nước lừa bịp nhân dân bằng những thủ đoạn chính trị xấu xa. Mười tám ban võ nghệ, chín chục trận binh thư : những quy định về lý thuyết và thực hành quân sự đối với lính chính qui. Cật : từ có nghĩa là thân thể con người. Hòa mai : một loại súng cối mỗi khi bắn phải dùng lửa để châm ngòi nổ. Rơm con cúi : sợi dây bện chặt bằng rơm, to bằng cổ tay người lớn dùng để giữ lửa, nông dân thường mang theo khi làm đồng để hút thuốc. Quan quân : người chỉ huy trận đánh. Trống kị trống giục : hiệu lệnh tiến công. Ngày xưa khi đánh nhau người ta thường chỉ huy bằng hiệu lệnh trống.

Phân tích : Bằng bút pháp tả thực cụ thể và sinh động, Nguyễn Đình Chiểu đã tập trung mô tả người nghĩa quân trong cả quá trình đi từ cuộc đời lao động âm thầm cực khổ đến cuộc đời chiến đấu anh dũng, vẻ vang.

Người nông dân xưa kia quanh năm làm ăn vất vả mà vẫn toan lo nghèo khó. Cái vất vả, nghèo khó đeo đuổi họ suốt cuộc đời. Chỉ trong tám chữ, Nguyễn Đình Chiểu đã chứa đựng trong đó kiếp sống nặng nề, tủi nhục của người nông dân và bộc lộ tấm lòng bùi ngùi thương mến của mình đối với họ.

Người nông dân vốn rất xa lạ với việc binh đao. Họ quen sống trong nền nếp sinh hoạt lao động lam lũ :

** Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu ở trong làng bộ. Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc*

cấy, tay vốn quen làm; tập khiến tập sùng, tập mác, tập cơ, mắt chưa từng ngó".

Cách diễn tả ở đây gần gũi với lời ăn tiếng nói của người nông dân chất phác. Rất cụ thể rất tự nhiên. Những công việc của nhà nông họ vốn làm quen, chẳng cần ai bày dạy thêm; còn những việc tập tành của lính thì con mắt của họ chưa từng ngó.

Vậy mà giặc cướp nước ta đã ba năm, giặc chiếm đánh gần đã mười tháng. Dân trông tin quan như trời hạn trông mưa trong khi triều đình còn mãi chia bè phái tranh luận nên hòa hay nên chiến. Dân thì nóng lòng đến đỏ mắt, triều đình lại lừng khừng do dự dẫn đến nhu nhược đầu hàng. Trong lúc ấy bọn "mùi lỗ mắt xanh" đi đến đâu "vấy vá" "mùi tanh chiến" tới đó, gieo rắc "thối mạt" tới đó. Trông tin quan hoài không thấy, dân phải đứng lên mà chống giặc, mà làm những việc lớn như chém rần, đuổi hươu, đoạn kinh bộ hổ.

Công thức chung của các câu văn trong đoạn này : Chẳng phải... mà là Chẳng được... mà cũng... nó có tác dụng đòn bẩy nhằm nâng cao và ca ngợi phẩm chất tuyệt vời của người nghĩa quân nông dân.

Họ chẳng phải là lính mà là dân cày. Họ chẳng phải là người chịu trách nhiệm trước tiên về nguy cơ mất nước. Ấy vậy mà họ gánh chịu trách nhiệm bảo vệ đất nước. Còn bọn áo mũ xênh xang trước cơn biến loạn lại trốn đâu mất cả. Hoặc có còn đó thì cũng bưng tai bịt mắt làm ngơ, giả dui giả điếc. Thực tế ấy chứng tỏ sự bất lực và thái độ uơ hèn của triều đình nhà Nguyễn và càng đề cao vai trò người nông dân trên vũ đài lịch sử.

Dân cảm giặc đến mức mãnh liệt chỉ muốn xông ra ăn gan, cắn cổ chúng. Không thể chờ đợi, không thể khoan tay đứng ngó giặc hoành hành, giày xéo lên mồ mà tổ tiên, phải đứng lên đánh chúng, đó là nhận thức đúng đắn của những người

nông dân nghèo khổ giàu lòng yêu nước.

Khi đã quyết họ không còn chần chừ, do dự :

Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn, chín chục trận binh thư không chờ bày bố.

Ngoài cật một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.

Chẳng đợi tập rèn, chẳng cần trang bị. Có trong tay cái gì đánh giặc bằng cái ấy và trong tay họ, những vũ khí thô sơ nhất cũng trở nên có tác dụng rất lớn :

Súng hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai họ.

Nổi bật lên một điều là quân lính triều đình với vũ khí và trang bị đầy đủ thì không dám đánh Tây, còn nghĩa quân hầu như không có gì trong tay ngoài mấy vật dụng quen thuộc thì lại không sợ chúng và dìm đánh chúng. Đoạn văn thể hiện khá rõ thái độ của nhà thơ : căm giận, oán trách quân cướp nước và giai cấp phong kiến vô trách nhiệm; mến thương, cảm phục những người nông dân lam lũ dám đánh giặc giữ quê hương, đất nước. Tinh thần không sợ giặc, dám đánh giặc là phẩm chất tốt đẹp của nhân dân lao động, là truyền thống giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, tinh thần đó càng trở nên vĩ đại.

Nghĩa quân nông dân bước vào trận chiến đấu với những dụng cụ thô sơ sẵn có : một ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, nắm rơm con cúi, toàn là những thứ quen thuộc với cuộc sống lao động hàng ngày. Nghĩa quân chiến đấu với một tinh thần hoàn toàn tự giác và dũng cảm phi thường :

Chỉ nhọc quan quân giống trống kỳ trống giục, đạp rào

lướt tới, coi giặc cũng như không, nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược làm cho mã tà, ma ní hồn kinh; bọn hè trước bọn ó sau, trời kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ.

Vượt qua gian nguy, với khí thế hăng hái, tự hào, người nông dân Cần Giuộc đã xông lên như vũ bão, hiên ngang tung hoành giữa chiến trường, hò reo náo động. Không có biểu hiện nào dù nhỏ của thái độ sợ giặc, ngược lại nghĩa quân coi giặc cũng như không, coi thường giặc, coi thường cả vũ khí của chúng "nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to... trời kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ". Họ liều mạng chẳng ? Không phải. Chính căm thù và yêu thương trong họ đã biến thành sức mạnh và lòng dũng cảm, chí hy sinh. Róm con cúi cũng dốt xong đồn giặc. Điều đó chứng minh hùng hồn rằng nếu có ý chí, quyết tâm cao, kẻ thù nào chúng ta cũng có thể đánh được và đánh thắng.

Tường chừng như ở đoạn này, ngòi bút của tác giả cũng đang tung hoành ngang dọc cùng với nghĩa quân trên chiến trường. Giọng văn hào hùng, sáng khoái, nhịp điệu dồn dập sôi nổi thể hiện khí thế hào hùng của trận công đồn kỳ lạ. Hàng loạt động từ tràn đầy sinh lực và dũng khí : đập, lướt, xô, xông, đâm, chém, với những âm thanh sôi động : tiếng hò ó, tiếng đạn nổ và ngọn lửa đốt đồn giặc bốc cao, cháy sáng rực cả giòng sông Cần Giuộc. Tất cả những yếu tố đó kết hợp với nhau tạo nên "một bức tranh công đồn ngất trời sáng khí" (Hoài Thanh). Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng thành công hình tượng người nông dân cứu nước - một hình tượng đặc sắc, độc đáo trong văn học cổ điển Việt Nam. Bên cạnh họ, hình ảnh quan quân triều Nguyễn bị lu mờ và trở nên nhỏ bé đến thảm hại.

3.3 - Ai văn : Lòng tiếc thương, cảm phục của tác giả và

nhân dân đối với các liệt sĩ.

Từ và nhóm từ :

Câu 16 : ý nói tấm lòng vì nghĩa lớn lao lẽ ra phải được phục vụ lâu dài cho đất nước như ý nguyện chúng, nhưng không ngờ sinh mệnh con người lại chấm dứt một cách bất ngờ như thế.

Từ ai trong câu 21 : ám chỉ giặc Pháp. Tấm lòng son gò lại bóng trăng rằm : nghĩa quân dù hy sinh nhưng khí tiết cao đẹp của họ mãi mãi sáng ngời như ánh trăng rằm. Ý nghĩa này xuất phát từ một sự việc có thật là đêm rằm tháng mười một năm ấy, trước khi tấn công đồn giặc, nghĩa quân tụ họp tại chùa Tân Thạnh. Bấy : từ cổ nghĩa là bao nhiêu. Leo lét : ngọn lửa nhỏ, chập chòn như sắp tắt. Một trận khói tan, ngàn năm tiết rõ : cuộc chiến đấu với những chứng tích rồi sẽ phai mờ nhưng tiếng thơm của người nghĩa quân vẫn ngàn năm sáng rõ trong lòng dân tộc.

Phân tích : Đang diễn tả khí thế chiến trận tung bừng, đến câu 16 tác giả đột nhiên chuyển sang giọng điệu xót thương, buồn lặng :

Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm ~~lưu~~ bỏ.
Dòng xúc cảm đang liên mạch bỗng dừng như có gì hụt hẫng, chững lại. Câu 16 và 17 có ý chuyển tiếp : người nghĩa quân nông dân đang hăng say chiến đấu giữa chiến trường không hề nghĩ đến cái chết. Những từng tấm lòng mến nghĩa sẽ còn phục vụ đất nước được lâu dài, tin chắc vào chốn sa trường sẽ gặp được nhiều may mắn. Nhưng trong chiến đấu sao tránh khỏi hy sinh ? Một số nghĩa quân đã mãi mãi nằm xuống mảnh đất này.

Tình cảm xót thương của tác giả đối với nghĩa quân càng ngày càng tăng. Thương người dân ấp dân lân chỉ biết côi cút làm ăn, thương vì họ mến nghĩa làm quân chiêu mộ, thương

vì họ chỉ có dụng cụ thô sơ trong tay mà dám xông pha giết giặc, nay họ ngã xuống trên chiến trường, tác giả lại càng xót thương gấp bội.

Dường như cả cỏ cây, trời đất cũng đau khổ, buồn bã theo con người :

Doái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng : nhìn chợ Trường Bình già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Suốt dọc hai bờ sông Cần Giuộc cỏ cây ử rũ một màu tang. Chợ Trường Bình là nơi mua bán tấp nập ồn ào nay già trẻ hai hàng lụy nhỏ. Tất cả mọi người dù thân hay sơ đều khóc thương những nghĩa quân đã bỏ mình vì nước. Không khóc không thương sao được khi nhìn tới chỗ nào cũng thấy hình bóng họ :

Chùa Tôn Thạnh năm canh ung đóng lạnh, tấm lòng son gọi lại bóng trắng rằm. Đồn Lang Sa một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đỏ. Chùa Tân Thạnh đêm nào nghĩa quân tụ họp, đông vui, nay lặng vắng vì thiếu hơi người. Chỉ còn bóng trắng quanh quê đã từng chứng kiến ghi nhận tấm lòng son của họ. Cái đồn Lang Sa bên bờ sông mỗi khi nhìn thấy nó, lòng mọi người lại trào lên căm giận vì thương túi. Căm giận loài bạch quỷ bất nhân, thương túi cho người đã khuất sao số phận quá ngắn ngủi, mong manh. Những nghĩa quân hy sinh để lại sự trống vắng trong lòng những người thân thuộc. Mất họ, gia đình mất chỗ tựa nương, mất người trụ cột. Trước mắt ta hiện lên cảnh :

Dau đón bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; nảo nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.

Xúc động mãnh liệt của nhà thơ thấm vào từng câu từng chữ. Thể hiện trong màu sắc ử ẻ của cảnh vật, trong giọt nước mắt của người mẹ khóc con trong bước chân dật dờ của

vợ yếu chạy tìm chồng trước ngõ. Có cái gì thật thống thiết trong đoạn văn này. Chùa Tân Thạnh, sông Cần Giuộc, chợ Trường Bình... Tất cả vẫn còn đây mà người thì vắng bóng. Chỉ còn lại anh linh trong đất trời, cỏ cây, sông nước và trong lòng người sống trên mảnh đất quê hương.

Cảm xúc chân thành, lớn lao của tác giả đã đem lại cho đoạn văn chất trữ tình đặc biệt, tác động mạnh tới tận nơi sâu thẳm của tâm hồn người đọc.

Nguyễn Đình Chiếu đặc biệt đề cao cái chết vẻ vang của người nghĩa quân. Nó chứng minh cho quan điểm sống chết hết sức đúng đắn của dân tộc Việt Nam : chết vinh còn hơn sống nhục :

*Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh;
hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ.*

Đó là cái chết đã trả được nợ với nước non, cái chết đem lại danh thơm muôn thuở, được đình miếu để thờ, được người đời ai cũng mộ.

Chết vậy là chết vinh. Người sống cũng được an ủi phần nào bằng sự tiếc thương cảm phục của nhân dân đối với người thân của mình đã khuất.

Tác giả nghiêm khắc lên án tội ác giặc Pháp và phê phán lối sống hèn hạ của bọn tay sai bán nước hại dân :

*Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai
xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.*

*Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xỏ bàn
độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà chia rượu
lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.*

Diệp từ, vì ai, sống làm chi nhắc đi nhắc lại như kết tội, như chì chiết, day nghiền lũ giặc độc ác - nguyên nhân của mọi đau thương và bọn tay sai vì quyền lợi vật chất nhỏ nhen,

thấp hèn mà đang tâm làm tôi tớ cho giặc, từ bỏ tổ tiên, ông bà cha mẹ và đạo lý làm người. Phê phán lối sống tôi mọi, nô lệ để đề cao cái chết vinh quang của nghĩa quân, đó là dụng ý của Nguyễn Đình Chiểu. Ông khẳng định các liệt sĩ sẽ sống mãi trong lòng mến thương, cảm phục của nhân dân qua nhiều thế hệ.

Trong hoàn cảnh xã hội rối ren, trước bạo lực của giặc Pháp, tư tưởng đón hèn, cầu an hưởng lạc đang trở dậy mạnh mẽ trong hàng ngũ phong kiến, thái độ khẳng định "Thà chết vinh hơn sống nhục" có một ý nghĩa chiến đấu quyết liệt chống thái độ đầu hàng thỏa hiệp của triều đình nhà Nguyễn. Nhà thơ mù Đỗ Chiểu một lần nữa khẳng định quan niệm sống cao đẹp của dân tộc Việt Nam, chứng minh một cách hùng hồn bằng tấm gương hy sinh sáng chói của những người dân bình thường mà vĩ đại.

3.4 - Kết : Ca ngợi tinh thần bất diệt của các liệt sĩ.

Từ và nhóm từ :

Sống đánh giặc... giúp cơ binh : ý nói tinh thần chiến đấu đến cùng chống xâm lược của nghĩa quân. Kiếp này đánh chưa xong, chết đi linh hồn sẽ phò hộ cho lớp người sau đánh thắng giặc. Lời dụ dạy : Lời của vua hay của thánh hiền dạy bảo dân chúng. ăm : Chúc vua ban cho những người có công với đất nước. Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo : Nước mắt khóc người anh hùng đã khuất, ý nói thương tiếc khôn nguôi. Cây hương nghĩa sĩ : Cây hương thấp trước vong hồn các nghĩa sĩ.

Phân tích : Chúng ta càng cảm phục và ca ngợi cái chết vì vang của nghĩa sĩ bao nhiêu thì lại càng thấm thía về những tổn thất, đau thương do quân xâm lược tàn bạo gây ra và thêm nung nấu căm thù. Người đã ngã xuống cũng không người được mối thù nên vẫn quyết :

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ...

Trong suy nghĩ của tác giả, linh hồn nghĩa sĩ vẫn níu chặt lấy cuộc sống để đeo đuổi sự nghiệp đánh giặc cứu nước đến cùng. Nhà thơ quan niệm những cái gì thuộc về chính nghĩa thì không thể nào diệt vong được. Các liệt sĩ vẫn sống mãi trong lòng các thế hệ đang kế tiếp sự nghiệp vẻ vang của họ.

Kết thúc bài văn, Nguyễn Đình Chiểu nói lên mối cảm thương sâu sắc trong lòng mình cũng như trong lòng nhân dân đương thời.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân; Cây hương nghĩa sĩ thắp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Bài văn tế này chính là nén tâm hương của nhà thơ yêu nước thắp viếng vong hồn những nghĩa quân Cần Giuộc.

(Trích Những bài giảng văn ở P.T. Sở giáo dục Long An xuất bản 1984)

TÌM HIỂU "NGŨ TIỀU Y THUẬT VẤN ĐÁP"

LÊ TRẦN ĐỨC

Ngũ Tiều y thuật vấn đáp ra đời vào khoảng sau khi Nam bộ đã bị quân Pháp xâm chiếm. Trong tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã mượn bối cảnh của đất U Yên ở Trung Quốc đời xưa bị giặc nước ngoài xâm chiếm, dựng lên câu chuyện mấy người dân xứ này đi lánh nạn và cùng tìm thầy học thuốc, với ngụ ý bày tỏ nỗi căm phẫn của mình, dưới hình thức hỏi và đáp về vấn đề y học.

Tập sách có tính chất một cương mục về lý luận Đông y có kèm theo giải thích một số thuật ngữ thiết yếu. Phần mở đầu đã khái quát nội dung và nói lên quan điểm y học của tác giả, là biện luận trên cơ sở âm dương, thủy hỏa, khí huyết, và quy nạp bệnh chứng theo "bát yếu" (âm dương, biểu lý, hàn nhiệt, hư thực) để nắm được *điều cốt yếu cho khỏi tản mát*. Phần chính về nội dung, tuy trình bày bằng thơ Nôm, nhưng lại được minh họa bằng các bài thơ chữ Hán, nên người đọc dễ nắm được chính xác và đầy đủ. Phần cuối là bản tổng kết những điều thiết yếu nhất về phương pháp và đường hướng trị bệnh.

Nội dung đã trình bày một cách đơn giản, hệ thống lý luận cơ sở Đông y có phân tích biện chứng sâu sắc và nói lên một đường hướng y học chân chính, cả về đạo đức và chuyên môn. Nhưng do khuôn khổ hạn chế, trước tác còn thiếu phần phương dược cụ thể. Tất nhiên trong một cuốn sách bằng văn thơ bản thời thế với mục đích "y quốc" bao trùm lên trên y học chính thức, thì nghệ thuật bố cục và trình bày ở đây đã đủ nói lên trí tuệ thông minh và trình độ học thuật của một nhà nho y cách đây hơn một thế kỷ. Hơn nữa, nhan đề của tập sách "Y thuật vấn đáp" và tên các nhân vật tượng trưng Đạo

Dẫn và Nhập Môn cũng đã nói lên mục đích của trước tác là hướng dẫn y thuật cho người mới vào học, cho nên người học phải tham khảo thêm các sách khác nữa.

Ngoài phân chuyên môn y học, tác giả còn nhấn mạnh đến đạo đức nhân thuật, nhằm bổ cứu tình hình nghề y đương thời, trong tình trạng khủng hoảng và phức tạp.

Sau khi Nam Bộ trở thành nhượng địa của Pháp, Tây y đã du nhập vào nước ta. Nhưng thực tế trước năm 1894, Pháp chỉ có quân y chăm sóc sức khỏe của quân đội chúng để tiến hành xâm lược cả Đông Dương và đến năm 1896, nhà thương Sài Gòn mới bắt đầu chữa bệnh làm phúc cho một số dân bản xứ ở thành thị với tính chất tượng trưng. Trong thời gian Pháp tiến hành xâm lược Nam Bộ, bệnh dịch hoành hành, nhân dân đau ốm chết chóc nhiều, mà tình hình y học miền Nam hồi bấy giờ lại thật kém sút. Trong tình cảnh hoang mang, giao thời, ít người theo học nghề thuốc cổ truyền cho đến nơi đến chốn, nên số thầy thuốc lành nghề và chân chính hiếm dần. Một số người không hiểu y dược, y lý, hoặc chỉ biết một vài phương thuốc làng nhàng cũng làm nghề chữa bệnh, để lấy tiền, hoặc dùng cách man trá lừa bịp nhân dân bằng các ảo thuật, phù phép, dẫn đến tình trạng người bệnh tiền mất tật mang, hoặc phải bỏ mạng vì thuốc.

Vì những lẽ trên, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* ra đời nhằm chấn hưng y học cổ truyền, xây dựng một nghề y chân chính. Tác giả đã lên án các việc làm bất chính hại đến tính mạng con người.

Có kẻ chỉ biết một phương thuốc gia truyền, không biết phân biệt bệnh lý, hàn, nhiệt, hư, thực, cũng đem áp dụng bừa bãi, hoặc dùng bệnh nhân làm vật thí nghiệm :

Mạng dân nào phải trái chơi,

Dam đem thuốc thử bệnh với thêm đau .

Người không biết y lý cũng cả gan làm thầy chữa bệnh :

*Người đau hoắc loạn nằm co,
 Dọt tre, gạo lứt, hốt cho còn gì !
 Cấp kinh chưng đã cấm la,
 Dám đem ngải đốt giúp tà cho phong !*

Nguyễn Đình Chiểu đề cao tình thần trách nhiệm của thầy thuốc đối với tính mạng bệnh nhân, chống những tác phong chữa bệnh phiêu lưu, cầu thả :

*_ Dùng phương găm lại xét đi
 Chớ nên lạc thảo một khi lấy rồi
 - Bệnh nào cho thuốc chẳng lành,
 Nhỏ lòng lo sợ, xét mình phải chẳng.*

Trong việc phục vụ bệnh nhân, cần thể hiện tinh thần nhân đạo, thương yêu người bệnh, và răn ngừa việc lợi dụng hay lừa dối người bệnh để lấy tiền một cách vô lương tâm :

*- Xưa rằng thầy thuốc học thông,
 Thế theo trời đất một lòng hiếu sinh
 - Chẳng nên lão xược khoe khoang,
 Lấy tiền ăn trước cuốn đàng chạy sau.*

Tác giả lưu ý việc cứu chữa cho những người nghèo khổ, chu cấp thuốc men và tận tình giúp đỡ họ, tuyệt đối không phân biệt đối xử.

*- Cũng không ghê mắt coi dèo.
 Chỗ giàu trân trọng, chỗ nghèo đảo điên...
 - Dưa ăn mây cũng trời sinh
 Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không*

Nguyễn Đình Chiểu nhắc nhở những người làm nghề y phải quán triệt "nhân thuật", hết lòng cứu chữa người bệnh kịp thời và phân đầu đến cùng cho tính mạng bệnh nhân :

*Thấy người đau như mình đau,
 Thuốc nào cứu đặng mau mau trị lành.*

Tác giả còn khuyên người thầy thuốc phải khiêm tốn học hỏi, không tự phụ chủ quan và không giáo điều với sách vở :

Miễn cho thấy đạo rõ ràng

Chớ e hời dưới ngò ngang hổ người.

Ngư Tiều y thuật vấn đáp là một trong số khoảng 500 tác phẩm bằng chữ Hán Nôm của y học dân tộc trước nay đã sưu tầm được. Sách có một vị trí nhất định trong lịch sử y học miền Nam nước ta.

Trước tác bằng chữ Nôm, với cách bố cục trình bày có hệ thống và có nghệ thuật hấp dẫn, tập sách giúp cho người học hiểu được bước đầu những nét cơ bản của y học cổ truyền một cách thích thú.

Với quan niệm chống bệnh như chống giặc, trước tác này đã chỉ cho giới y học đương thời một đường lối đúng đắn là bồi bổ chính khí và giữ gìn nguyên khí, làm chủ trong công tác phòng bệnh và trị bệnh. Nó cũng chỉ cho xã hội đương thời một hướng đi vững chắc là nuôi dưỡng sức dân bằng cách giáo hóa nhân dân, thanh trừ các tệ nạn xã hội, và bền bỉ phấn đấu, vững lòng tin tưởng vào sự tất thắng của chính nghĩa và tương lai tươi sáng của dân tộc.

Ngoài nội dung yêu nước, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* đã cho chúng ta hiểu được tư tưởng nhân đạo cao quý và bản lĩnh liêm chính của thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu kính yêu. Tập sách là một bài học lớn về tinh thần yêu nước, yêu dân, về tinh thần trách nhiệm, nhẫn nại và tận tụy trong nghề nghiệp, tất cả vì mục đích cao quý là phục vụ cho dân tộc.

(Trích Nguyễn Đình Chiểu - Sô văn hóa và thông tin - Hội văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản - 1984)

GIẢI THOẠI VĂN HỌC

TÀI ỨNG ĐỐI CỦA ĐỒ CHIẾU

Ở xã Trường Bình, có một thầy thuốc, ngãng tai nhưng tính tình ngay thẳng tới mức ngang bướng, nhân dân gọi là thầy Tàng. Thầy Tàng hay qua lại chơi với Đồ Chiếu. Một hôm thầy đọc :

Trâu khát nước bỏ xuống uống
Đồ Chiếu liền ứng đối :

Trê thêm mồi *lóc* lên ăn.

("bò", "lóc", vừa có thể là danh từ, vừa có thể là động từ. Cả hai đã dùng để chơi chữ).

Kế đó Đồ Chiếu đọc :

Thầy Tàng tai không nghe sấm.

(Lấy ý từ câu nói về con vịt : "Trí lòi thanh ư nhĩ ngoại, võng khiếp thiên uy"; để tiếng sấm ở ngoài tai, chẳng sợ oai trời). Như thế là vừa đùa thầy Tàng tai ngễnh ngãng, vừa khen thầy ngay thẳng không biết sợ ai. Thầy Tàng đối :

Đồ Chiếu mắt chẳng xé mây.

(Lấy ý từ câu nói của Mã Siêu khi mới hàng Lưu Bị : "Nay gặp được minh chúa, khác nào vén đám mây mù mà trông thấy trời xanh"). Như thế cũng là vừa đùa Đồ Chiếu bị mù, vừa ngụ ý : đời này làm gì còn minh chúa để chúng ta kính trọng, còn gì trời xanh để chúng ta vén mây nhìn. Cả hai cùng cười...

ĐỒ CHIẾU VÀ PONCHON

Năm 1883, Pông Sóng (Michel Ponchon) được thực dân Pháp cử về tỉnh Bến Tre. Biết Đồ Chiếu là người có uy tín

lớn trong nhân dân và có khả năng bắt lợi cho công cuộc cai trị của hán ở Bến Tre, hán giở trò tranh thủ, mua chuộc, nhiều lần đến tận An Bình Đông thăm cụ Đồ.

Một lần, hán cùng thông ngôn Lê Quang Hiền đến thăm Đồ Chiểu, lấy cớ là để nhuận chính bản dịch Lục Vân Tiên. Suốt cả buổi hội kiến bất đắc dĩ này, mặc dù Hiền đã cố dịch chậm rãi từng câu từng chữ, Đồ Chiểu vẫn một mực lắc đầu, đưa tay ra hiệu là mình điếc không nghe hiểu gì cả.

Rút cục, cả thầy tớ Pông Sông đành tiu nghỉu về không.

Một lần khác, Pông Sông lại đến thăm Đồ Chiểu và thông báo việc chính quyền Pháp đã xét trả lại ruộng đất của cụ Đồ ở Tân Thới (Gia Định) và giục cụ cho người về nhận. Cụ trả lời :

- Đất vua còn phải bỏ, thì đất tôi có sá gì !

Pông Sông tỏ vẻ lo lắng cho cụ cảnh già nua, bệnh tật và gợi ý cấp tiền dưỡng lão. Cụ từ chối :

- Tôi đang sống đầy đủ trong sự tôn kính của các môn đệ và sự quý mến của đồng bào. Điều đó là tôi thỏa mãn lắm rồi.

Pông Sông cứ nặng nạch hỏi cụ Đồ có điều gì yêu cầu, để hán can thiệp với chính quyền thuộc địa. Cụ nói :

- Tôi chỉ mong ước được một điều mà lâu nay chưa thực hiện được là tế vong hồn những người đã chết trận ở Lục tỉnh.

Pông Sông ưng thuận và đề nghị để mình đích thân tổ chức.

Cuộc lễ dự định cử hành vào một ngày gần đó, thì trước đó một ngày, cụ Đồ đã sai người đặt hương án, tổ chức buổi lễ thật tươm tất tại chợ Đập (nay là chợ Ba Tri). Cụ đích thân làm chủ lễ. Dân chúng tham dự rất đông, và rất xúc động khi

nghe cụ Đồ đọc bài văn tế. Riêng cụ Đồ, đọc xong văn tế cũng khóc đến ngất đi. Bà con phải khiêng cụ về nhà.

Hôm sau, đúng ngày quy định, Pông Sông cho người đem cò xí và lễ vật đến Ba Tri làm lễ thì mới hay cụ Đồ đã làm lễ tế từ hôm trước đó.

Pông Sông ức nhưng đành im.

(Trích chuyện làng văn Việt Nam và thế giới - T.2 - NXBGD
1987)

VÀI HỒI ỨC VỀ TÁC PHẨM VÀ CUỘC ĐỜI NHÀ THƠ NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU (1)

MAI HUỲNH HOA

Nói đến văn chương cụ Đồ Chiểu, dân ta, đặc biệt là nhân dân Nam Bộ, hầu hết đều biết và yêu mến tác phẩm Lục Vân Tiên. Giới bình dân ở thôn quê còn đem Lục Vân Tiên làm "khuôn vàng thước ngọc" để răn mình và dạy dỗ cháu con trong cách xử thế.

Chúng tôi nhỏ thuở vừa lên bốn cũng đã biết "nói thơ Vân Tiên". Chung quanh chúng tôi, trẻ nhỏ sau hồi chạy nhảy, lên nằm đưa vông cũng "nói thơ Vân Tiên", rồi những đứa khác đua nhau hợp xướng vang cả xóm.

Từ ông lão đến anh lực điền, sau khi xong công việc vườn tược đồng áng về nhà chờ bữa cơm chiều cũng "nói thơ Vân Tiên" cho con cháu nghe.

Anh bạn chèo ghe, gió chiều mát mẻ cao hứng vừa chèo vừa cất tiếng "nói thơ Vân Tiên" trên sông lạnh lớt.

Một chị bạn thân thuật cho chúng tôi nghe câu chuyện tuổi thơ của chị thật vui và cảm động.

Chị lỡ tay đập bể cái tô xua của ông bà. Tô bằng sứ chắc nên chỉ bể làm đôi. Sợ quá, chị đem ráp nguyên lại rồi để vào chỗ cũ. Một hôm vì nhà có giỗ, người nhà soạn ra thấy tô bể rồi mà không biết thủ phạm là ai ? Cha chị nhìn nét mặt chị

(1) Bà Mai Quỳnh Hoa, chất ngoại của cụ Nguyễn Đình Chiểu, là một cây bút quen thuộc với độc giả trước Cách mạng Tháng Tám. Bà cũng là người có công giúp ông Phan Văn Hùm trong việc biên soạn và xuất bản tập Nỗi Lòng Đồ Chiểu trước đây.

thế nào mà một chập sau, ông kêu riêng chị ra hỏi :

- Con làm bẽ phải không ?

Chị nín thinh.

- Con còn nhớ trong thơ Vân Tiên có chàng Hồn Minh vì thấy việc bất bình mà bẽ giò con quan huyện, rồi tự bó tay nạp mình chịu tội không ?

- Thưa cha nhớ !

- Tại sao ?

- Tại vì Hồn Minh sợ liên lụy đến người vô tội !

- À ! Con thấy đó, giết người là một trọng tội phải đền mạng mà Hồn Minh còn không để cho kẻ khác bị tội oan... Được bài học của cha và "ngộ" được cái tâm đạo của cụ Đồ Chiểu qua Lục Vân Tiên, lớn lên chị đã noi gương người xưa, dấn thân trên đường cách mạng.

Cụ Đồ giữ đạo Nho, không theo Phật, Lão, nhưng đạo Nho ở cụ không giống như đạo Nho bên Tàu. Vì từ ngàn xưa, khi mới du nhập qua đây, đạo Nho đã bị đồng hóa phần nào, với đạo lý của dân ta. Trải đến thời kỳ cụ Đồ lại còn có biết bao nhiêu lý do, mà đạo Nho ấy phải biến đổi theo cụ.

Đạo Nho ở cụ Đồ là "Tâm đạo".

Thuở còn là cậu ấm Chiểu, lên chín cụ đã phải chứng kiến cảnh loạn lạc giết chóc. Lê Văn Khôi nổi loạn vì sự bất công của triều đình. Qua hồi chạy loạn đó, cụ lại lo ôn nhuần kinh sử mong đền đáp ơn cha mẹ.

Sau theo cha ra miền Trung để học tiếp, lại phải chứng kiến việc tàu Pháp đem súng đồng bắn phá cửa Hàn, lòng cụ sao khỏi xót xa.

Tám năm kể đó, từ Thừa Thiên trở về Sài Gòn, cụ vẫn cố học cho thâm hiểu cái "đạo làm người". Nhưng nào có được

yên để dùi mài kinh sử.

Tuy tâm sự bị xáo trộn dao động, cụ vẫn cố gắng học và quyết học để ngày sau thực hành theo "Tâm đạo" của cụ. Lòng đạo càng sáng, lòng thương người càng tăng trưởng mạnh. Khi đậu tú tài xong, cụ trở về kinh theo thầy học để dự kỳ thi tới.

Sắp đến ngày thi, thì được tin mẹ chết. Cụ quyết định bỏ thi, về cư tang mẹ. Giữa đường bị bạo bệnh, cụ phải ở nhờ nhà ông thầy thuốc ở Quảng Nam để điều trị bệnh mắt... Trong lúc tốt cùng đau khổ, cụ cố chiến thắng bản thân, theo học nghề y, không chịu bó tay trước nghịch cảnh.

Trước đây, trong một bài thơ vịnh cụ, có câu "Đồ Chiếu thần văn mà thánh võ". Có người còn viết : "Cụ Đồ là một chiến sĩ". Điều ấy không sai, cụ Đồ đúng là một chiến sĩ trung kiên, suốt đời chiến đấu... Lúc mới bị mù lòa, nếu đúng là người khác thì đã khuất phục định mệnh, sống ẩn dật qua ngày tháng. Cụ thì không, cụ chiến đấu không ngừng, chiến đấu không phải vì mình mà vì đời, vì non nước, vì dân chúng. Sài Gòn mất, Nguyễn Đình Chiếu đã "vì câu danh nghĩa phải đi ra". Dù mù lòa, không trực tiếp cầm tầm vông, mác vọt ra trận trực tiếp với quân xâm lăng, thì cụ vẫn tình nguyện tham gia sắp đặt kế mưu phá giặc. Cụ còn đưa người em ruột của mình là Nguyễn Đình Tự sung vào hàng ngũ nghĩa quân Cần Giuộc. Và ông Tự đã hy sinh.

Trong giai đoạn cuối đời về sống ở Ba Tri, thuộc tỉnh Bến Tre, cụ Nguyễn Đình Chiếu vẫn tiếp tục mở trường, dạy học trò, làm thầy thuốc chữa bệnh cho dân và sáng tác thơ văn. Ở đây, cụ vẫn giữ chặt mối liên hệ với các sĩ phu yêu nước cũng như lực lượng kháng chiến lúc bấy giờ.

... Câu nói bất hủ của cụ "Đất của vua còn chẳng giữ được, đất của tôi sợ gì" để khước từ cái ân huệ mà tên chủ tỉnh Bến Tre Mi-sen Pông Sông có lần ngỏ ý muốn trả lại đất, vườn

của cụ ở Gia Định, đã làm cho kẻ thù phải kiêng nể. Còn nhân dân ta, từ người trí thức đến người bình dân, mỗi lần nghe nhắc đến câu nói ấy đều vô cùng khâm phục và tự hào. Câu nói ấy hàm chứa một nhân cách lớn, ngời sáng - nhân cách Đồ Chiểu.

THƯ MỤC

(Sách tuyển chọn, trích dẫn và tham khảo)

- 1 - Nghiên cứu Văn học số 1, 1963.
- 2 - Tác phẩm mới, số 20, 1972.
- 3 - Hà Như Chi - Việt Nam Thi Văn Giảng luận, 1970.
- 4 - Bảo Định Giang - Những ngôi sao sáng trên bầu trời Văn học Nam Bộ, nửa sau thế kỷ XIX. Nhà xuất bản Văn Nghệ, TP HCM.
- 5 - Nguyễn Lộc - Văn học Việt Nam, nửa cuối thế kỷ XIX, nhà XBDH - THCN, 1976.
- 6 - Xuân Diệu - Các nhà thơ cổ điển VN II, Nhà xuất bản Văn học 1987.
- 7 - Giảng văn - Khoa Ngữ Văn trường DHSP I Hà Nội, nhà XBDH - THCN, 1982.
- 8 - Những bài giảng văn ở phổ thông, Sở giáo dục Long An, 1984 (Gs : Lê Trí Viễn chủ biên).
- 9 - Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, nhà xuất bản Văn học, 1978.
- 10 - Nguyễn Đình Chiểu - Kỳ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu... Sở VH TT và Hội Văn Nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.
- 11 - Giai thoại Văn học Việt Nam - Nhà xuất bản Văn học, 1958.